

Tác Giả và Tác Phẩm

Văn Cao (II)

Tiểu sử

Mất ngày 10.7.1995 tại Hà Nội

Tác phẩm

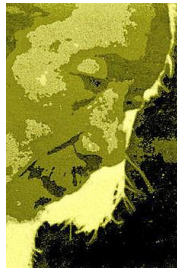
Tuyển tập thơ Văn Cao

Thơ: Anh có nghe không (Giải phẩm Mùa xuân - tháng 2, 1956)

Chiếc xe xác qua phượng Dạ Lạc (1945, khi chứng kiến nạn đói năm 1945)

Ba biến khúc tuổi 65 (1988), Khuôn mặt em (1974), Những ngày báo hiệu mùa xuân

Và rất nhiều họa phẩm giá trị, nghệ thuật độc đáo.



Mục Lục

Vài hàng về tác giả – 2

Một thoáng Văn Cao - Phùng Quán – 3

Văn Cao: một thiên tài bị lưu đày – Trần Mạnh Hào – 4

Phụ đính I:

Chùm thơ Văn Cao

(tr 14)

Phụ đính II:

Người ở số nhà 108 – Đặng Anh Đào – 23

Con trai viết về người cha: "Văn Cao - đời và nghiệp" - 27

Nhân kỷ niệm 60 năm ngày...- Nguyễn Thanh Giang – 28

Bên Xuân và giai thoại – Phạm Vũ – 48

Văn Cao: nghệ sĩ đa tài – Phanxipăng - 53

Phụ đính III:

Văn Cao sóng ngàn kháng chiến – Đặng Tiến - 57

Văn Cao là khát vọng – Đặng Tiến - 63

Văn Cao, tiếng hát – Đặng Tiến - 72

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Vài hàng về tác giả



Tranh Văn Cao

Đặc san Gia Phẩm và Nhân Văn là hai tờ báo ở Hà Nội theo chủ trương đòi hỏi tự do báo chí và tư tưởng. Đặc san giai phẩm ra được 5 số, số đầu *Giai phẩm xuân* phát hành tháng 2, 1956 có đăng bài thơ “*Anh có nghe không*”. Người ta nhận thấy thơ của ông có lời lẽ buồn và chán nản. Đến số thứ 6 đang in thì bị tịch thu vào giữa tháng 12, 1956.

Như những văn nghệ sĩ có bài đóng góp cho hai tờ báo Nhân Văn Gia Phẩm, Văn Cao bị kỷ luật, phải tham dự khóa học tập chính trị vào năm 1958, và bị Xuân Diệu chỉ trích qua bài viết “*Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao*”. Ông bị chỉ trích là “*hai mặt, giả dối, dùng âm binh để chọi với đảng*”. Thế là Văn Cao bị loại ra khỏi ban chấp hành *Hội nhạc sĩ* sáng tác. Từ đó tên tuổi ông hầu như không xuất hiện trên các tạp chí văn học nghệ thuật ở Hà Nội. Văn Cao còn là một họa sĩ. Ông dùng nghệ thuật này nói lên tâm tư của ông. Vì vậy không ai có thể đem ra phê bình chỉ trích được. Những bức họa của ông không được triển lãm hay bày bán. Ông sống âm thầm bằng đủ thứ nghề, như viết nhạc “*không lời*” cho các truyện phim, truyện kịch và vẽ quảng cáo cho các báo. Dầu rất ít sáng tác, vào gần cuối đời ông, người nghệ sĩ tài hoa này cũng cho ra đời một bản nhạc rất nhẹ nhàng, rất tình người vào cuối năm 1975. Nhưng bản nhạc cũng bị phê bình là không đi đúng đường lối của đảng, không phục vụ cho cách mạng, vì thế bài nhạc mới phát hành đã bị tịch thu. Đó là bài “*Mùa xuân đầu tiên*”.

Văn Cao bị vô hiệu hóa, treo bút, không được sáng tác vì...Tố Hữu.

Chỉ vì một chuyện không đâu, vớ vẩn và trẻ con, được kể lại từ Nguyễn Nghiêm Bản, con trai của cố nghệ sĩ:

“...Một lần Tố Hữu và ông công tác ở trong rừng Việt Bắc, Tố Hữu khoe với ông mới làm được một số bài thơ rất hay. Văn Cao tính tính vốn tếu, bảo bạn: “*Thơ cậu như ca dao ấy, có gì mà hay*”, ông nói rồi quên ngay. Nhưng Tố Hữu để bụng và tính sổ bạn, đánh ông nặng nhất, đầy ông ngắc ngoải gần 30 năm...”

(trích Nhận Diện Chân Dung Nhà văn của Xuân Sách và mạng lưới Đặc Trưng nhưng không rõ tên tác giả)

Một thoáng Văn Cao Phùng Quán

Hồi còn đánh Mỹ, tôi làm việc ở Vụ Văn hóa quần chúng. Chị Băng, vợ anh Văn Cao làm ở Ban B, cùng trong ngôi nhà 51- Ngô Quyền, Bộ Văn hóa. Hồi ấy giá gạo ngoài ở Thái Bình lên đến 3 đồng một ký. Người Thái Bình đói kéo nhau về Hà Nội ăn xin. Một buổi trưa tôi ngồi uống nước chè chén 5 xu (ghi sổ nợ) ở cái quán xé bên cửa Bộ. Chợt nhìn thấy Văn Cao cùng với Đoàn Văn Chúc - Giảng viên Trường Đại học Văn hóa vịn vai nhau, chênh choáng, xiêu vẹo đi ngang qua. Tôi ới ới gọi hai anh vào uống nước, hút thuốc. Lâu không gặp Văn Cao, tôi sững sốt thấy gương mặt anh bạc trắng như tờ giấy, hai má hóp sâu, chòm râu lơ thơ làm cho khuôn mặt anh càng thêm nhọn hoắt. Trong quán lúc này có bốn năm người khách. Họ đều nhìn anh. Và tôi biết chắc là họ không biết anh là ai.

- Anh hút thuốc Lào đi. Tôi đưa điếu cày cho anh, nói với chị chủ quán: - Chị cho tôi gói thuốc Lào

Văn Cao chậm rãi thông điếu, hỏi chị chủ quán:

- Thuốc Lào của chị là thuốc Lào Tây hay thuốc Lào ta?

Chị chủ quán ngơ ngác:

- Làm gì có thuốc Lào Tây ạ?

Tôi cười giải thích:

- Ý anh ấy muốn hỏi thuốc Lào của chị là thuốc Lào mậu dịch hay thuốc Lào chui. Thuốc Lào mậu dịch là thuốc Lào Tây.

Chị chủ quán nói:

- Thế thì thưa ông anh, thuốc Lào Tây ạ, em không có thuốc Lào ta.

Một ông khách móc túi lấy gói thuốc Lào bọc trong túi giấy bóng, đưa cho anh:

- Tôi có thuốc Lào ta đây. Chính hiệu Tiên Lãng, mời ông ăn thử.

Văn Cao đỡ gói thuốc Lào, vê một điếu bỏ vào nõ, nói với ông khách:

- "Ăn thuốc" đó mới đúng là ngôn ngữ của người ghiền thuốc Lào - Văn Cao rít một hơi tận sức, từ từ nhả khói - Đúng là chính hiệu Tiên Lãng, ông cho tôi xin thêm điếu nữa?

- Mời ông cứ tự nhiên.

Văn Cao hỏi tôi:

- Quán có tiền đó không, cho mình vay 5 đồng. Hai thằng từ sáng đến giờ chỉ toàn rượu suông, muốn đi ăn bát cháo.

- Em chỉ có ba đồng, anh cầm tạm.

Văn Cao bỏ tiền vào túi. Hai người đứng lên, lại vịn vào nhau, xiêu vẹo dắt nhau đi.

Ông khách cho thuốc Lào ái ngại nhìn theo hai người đi khuất ở ngã tư Ngô Quyền - Trần Hưng Đạo:

- Nhìn cái nước da trắng bệch của ông ta mà tôi phát sợ. Chắc chẳng còn sống được bao lâu nữa.

Tôi hỏi ông:

- Ông có biết ông ấy là ai không?

- Không, tôi đoán là dân ở Thái Bình mới lên. Từ hôm gạo lên 3 đồng một ký, dưới đó nhiều người đứt bữa...

Tôi nói:

- Ông ta là người đã viết một bài hát mà mỗi lần hát lên, cả nước phải đứng nghiêm, kể cả cụ Hồ.

Ông khách trợn tròn mắt:

- Ông ta là nhạc sĩ Văn Cao?

- Đích thị là Văn Cao!

Ông khách đang uống dở hớp nước, ngồi ngẩn ra một lúc lâu như người bị nghẹn, rồi buông lửng một câu:

- Thế thì còn ra thế nào nữa...!

Lát sau chị Băng từ trong cửa Bộ đi ra. Vừa nhìn thấy tôi, chị túm lấy hỏi:

- Từ sáng tới giờ anh có thấy anh Văn đi ngang qua đây không?

- Anh vừa đi cách đây hai mươi phút. Anh hỏi vay tôi năm đồng, tôi chỉ có ba đồng đưa cho anh.

- Có khổ thân tôi không! Ở nhà khách người ta đợi suốt từ sáng tới gần trưa.

- Khách ở đâu đến mà quan trọng thế? Chắc là nhà báo quốc tế đến phỏng vấn anh về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác.

Chị Băng nhăn nhó khổ sở:

- Khách từ Hà Giang xuống, ở Xí nghiệp chế biến chè. Họ muốn nhờ anh Văn vẽ cho cái nhãn chè. Người ta đem xuống 50 đồng với 10 gói chè loại 1. Chờ mãi không được thế là người ta đem tiền, đem chè đi nhờ họa sĩ khác.

Nghe chị kể tôi cũng thảm tiếc cho anh. 50 đồng với 10 gói chè Hà Giang loại 1. Chao ôi, thật đáng tiếc!

Hôm sau tôi gặp Văn Cao, kể lại chuyện hôm qua, hỏi anh:

- Sao anh lại bỏ dở một cái đơn đặt hàng ngon lành thế? Hay anh quên?

- Mình nhớ chứ, chỉ cần ngoạch trong nửa tiếng là có 50 đồng... Nhưng mình bỏ đi lang thang uống rượu suông với thằng Chúc và phải hỏi vay con gái.

Anh lắc đầu:

- Mình rất cần tiền mà cũng vô cùng chán tiền...

Tôi được quân đội cách mạng giáo dục từ ngày còn là một thiếu niên: "Nhân tài là báu vật của Tổ Quốc. Những người lính chúng ta có nhiệm vụ phải chăm nom, săn sóc, bảo vệ họ như con người của mắt mình".

Năm tôi 17 tuổi là lính trinh sát của Trung đoàn 101. Tôi được cử vào đội bảo vệ cho một nhóm văn nghệ sĩ có tên tuổi ở vùng tự do khu Bốn đi thực tế chiến trường. Chính uỷ trung đoàn Trần Quý Hai đã đến chỉ thị và dặn dò chúng tôi như vậy. Lúc đó chiến trường Thừa Thiên bom đạn đầy trời, chặt đất. Sau hơn một tháng đội chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao. Hơn một chục trận càn vây ráp lớn nhỏ nhưng bọn giặc không đụng được cái lông chân của văn nghệ sĩ. Đội bảo vệ chúng tôi có 8 người, hy sinh mất hai. Còn tôi thì bị thương ở cẳng chân, suýt nữa phải cưa trên đầu gối. Bao nhiêu năm tháng trôi qua, tôi đã trở thành người lính già đầu bạc, nhưng lời dặn dò của chính uỷ ngày đó vẫn còn tươi nguyên trong ký ức của tôi. Năm nhạc sĩ Văn Cao 60 tuổi, tôi có làm bài thơ chúc thọ anh, trong đó có đoạn như sau:

Chúng tôi thường mơ đến anh

Như trẻ nhỏ mơ đến những anh hùng, truyền thuyết

Chúng tôi thường mơ

Một hôm nào đó nhạc sĩ Văn Cao bị bốn

bề vây súng giặc

Chúng tôi sẽ xông ra lấy ngực che đạn

cho anh

Chúng tôi thường mơ

Trên chiến trường quê hương Trị Thiên

Chúng tôi sẽ đánh một trận lừng danh

đất nước

Trên sông Hương, sông Thạch Hãn, sông Bồ

Để anh về anh viết trường ca

Như Trường ca Sông Lô!...

Văn Cao: một thiên tài bị lưu đày Trần Mạnh Hào

Âm nhạc sang trọng bậc nhất nước Việt của ông còn sống mãi. Những bài hát rất hay, rất quý phái cao sang đầy chất thánh ca của ông vẫn hằng tụng ca con người, tụng ca Cái Đẹp, như một cứu cánh góp phần cứu chuộc dân tộc ta, đất nước ta đang có cơ bị diệt vong bởi chính sự băng hoại của những tà thuyết phi nhân. Xin được gọi ông bằng tên gọi thường nhật triu mến nhất mà thế hệ đi sau ông vẫn hằng được gọi thắm tên ông: ANH VĂN; như ngày xưa thi thoảng được hầu rượu ông nơi quán rượu gần rạp xiếc. Vâng, anh Văn suốt một đời sống chết cũng chỉ vì hai chữ Nhân Văn thiêng liêng, cao cả này mà thôi...

*

“Trong âm nhạc, Văn Cao sang trọng như một ông hoàng. Trên cánh đồng ca khúc, tôi như một đứa bé ước mơ mặt trời là con diều giấy thả chơi. Âm nhạc của anh Văn là âm nhạc của thần tiên bay bổng. Tôi la đà đi giữa cõi con người. Anh cứ bay và tôi cứ chìm khuất. Bay và chìm trong những thân phận riêng tư...” - Trịnh Công Sơn.

Năm 2013 này là năm kỷ niệm 90 năm ngày sinh của thiên tài văn nghệ Văn Cao - người đã tự lưu đày mình vào vịnh cửu bằng ba tài năng lớn: hội họa, thi ca và âm nhạc. Văn Cao nhà cải cách tiên phong cả ba nghệ thuật: hội họa, âm nhạc và thi ca. Bài này chỉ nói về kiếp nhạc của Văn Cao.

Không đợi khi xuân đến, tết về như dịp này, chúng tôi mới nghe lại bản nhạc bất hủ: “Mùa xuân đầu tiên” Văn Cao khởi viết cuối tháng 12-1975, hoàn thành trong dịp tết Bình Thịn năm 1976. Đây là bài hát có số phận đặc biệt nhất trong cuộc đời sáng tác của Văn Cao. Đây cũng là bài hát mang nhiều tâm trạng đối lập, hòa trộn nước với lửa: vui ít, buồn nhiều, mừng ít, tủi nhiều, hoan ca ít, bi ca nhiều, tha thiết ít, nghẹn ngào nhiều, băng khuâng ít, đau đáu nhiều, tự sự ít, ai oán nhiều, mê say ít, thờ than nhiều, cứng cỏi ít, run run nhiều, da diết ít, nỉ non nhiều, cười ít, khóc nhiều, sum họp ít, cô đơn nhiều, yêu thương ít, đau thương nhiều, gập gờ ít, bơ vơ nhiều...

Hầu như tất cả các trạng thái tình cảm trái ngược nhau của con người đều có trong bản nhạc kỳ lạ này: ai vui hát lên thì nghe vui, ai buồn hát lên thấy buồn não ruột, ai đau khổ hát lên thấy một trời đau khổ, ai sầu thảm hát lên thấy cả một thế giới sầu thảm đang đồng cảm cùng mình...

Nghe đi nghe lại bản nhạc này, ta thấy xuất hiện trong tâm trí mình rất nhiều tâm trạng không thể dùng ngôn ngữ diễn đạt. Nếu bạn đã hoặc đang đi qua bể khổ trần gian, nghe bản nhạc “Mùa xuân đầu tiên” bạn sẽ cảm thương, nhờ nước mắt diễn đạt nỗi lòng mình.

Riêng lời bài hát đã là một bài thơ hay:

“Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về
Mùa bình thường mùa vui nay đã về
mùa xuân mơ ước ấy đang đến đầu tiên
Với khói bay trên sông, gà đang gáy trưa bên sông
một trưa nắng cho bao tâm hồn.
Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về
Người mẹ nhìn đàn con nay đã về
Mùa xuân mơ ước ấy đang đến đầu tiên
Nước mắt trên vai anh, giọt sười ẩm đôi vai anh
Niềm vui phút giây như đang long lanh.
ôi giờ phút yêu quê hương làm sao trong xuân vui đầu tiên.
ôi giờ phút trong tay anh đầu tiên một cuộc đời êm ấm.
Từ đây người biết quê người
Từ đây người biết thương người
Từ đây người biết yêu người.

Giờ dặt diu mùa xuân theo én về
Mùa bình thường, mùa vui nay đã về.
Mùa xuân mơ ước ấy xưa có về đâu
với khói bay trên sông, gà đang gáy trưa bên sông
một trưa nắng thôi hôm nay mênh mông.”

Rất nhiều chim én, nhiều nắng gió, có nước mắt vui gặp gỡ của đàn con nay đã về, có cuộc đời êm ấm... nhưng sao hình ảnh “khói bay trên sông, gà đang gáy trưa trên sông” lặp lại hai lần làm không gian của “Mùa xuân đầu tiên” xa xôi, bơ thờ thế, xao xác thế, hoang vắng thế, hiu quạnh thế, đơn độc có phần cô đơn thế? Chợt nhớ nỗi buồn thiếu quê hương của Thôi Hiệu trong Hoàng Hạc lâu xưa, cũng một tiếng gà trưa Văn Cao nay, một khói sóng trên sông xa Văn Cao nay, u hoài khôn xiết: “một trưa nắng thôi hôm nay mênh mông”:

Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.
(Trời về chiều tối, tự hỏi quê nhà nơi đâu?
Trên sông khói tỏa, sóng gợn, khiến buồn lòng người!)

Chợt nhớ Lưu Trọng Lư “thời con nai vàng ngơ ngác” với câu thơ tiền chiến xưa sao rất đồng cảm với nỗi vui nào nùng Văn Cao nay: “Tiếng gà trưa xao xác nào nùng”.

Bài hát như một điệu valse bằng nước mắt; sự thướt tha, quý phái của một giai điệu bi thương; sự sang trọng của ngậm ngùi, day dứt; sự lãng mạn của một phiêu linh, xô dạt; sự mê đắm của một vu vơ; sự đoan trang của cái đẹp lỡ thì; sự liêu trai của ngơ ngác, điu hiu; sự dịu dàng của nỗi thương đau, xót nhớ...

Chừng như đã mấy chục năm chiến tranh liên miên chưa từng có xuân về? Chừng như gần hết cả đời người bận chuyện đấu tranh giai cấp giành giật miếng ăn chưa từng thấy chim én báo xuân? Chừng như đã rất lâu rồi sự căm thù trùm lên xã hội không còn ai biết thương người? Chừng như đã lâu lắm rồi ta tha hương trên chính quê hương mình? Chừng như suốt mấy cuộc chém giết kinh hoàng mạo danh cách mạng, không còn ai biết yêu con người? Chừng như mấy mươi năm rồi con người đã quên mình còn nước mắt? Chừng như lâu rồi tâm hồn người không được sưởi nắng mùa xuân?

Và chừng như lâu lắm rồi Văn Cao quên không còn nhớ mình từng là nhạc sĩ lãng mạn đã có cả chục ca khúc vào hàng kiệt tác? Chừng như cây đàn piano cũ kỹ do Hội nhạc sĩ Việt Nam cho Văn Cao thuê mỗi tháng 07 đồng, (thuê căn gác chật hẹp cũ kỹ 108 Yết Kiêu 15 đồng) đã bị thời gian phủ bụi đầy rêu mốc? Chừng như đôi tai Văn Cao đã bị súng đạn thời cuộc, sự hò hét xướng ca hô về phục vụ chính trị một thời làm ù đặc, khi tất cả các kiệt tác âm nhạc của ông đều bị chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa (Miền Bắc) cấm hát, trừ bài quốc ca (kể cả thơ Văn Cao cũng bị cấm)?

Và chừng như toàn bộ vết thương cuộc đời Văn Cao, vết thương cuộc đời dân tộc, bồng mượng ngón tay ông mà nhỏ xuống cây đàn piano những giọt nước mắt giai điệu, khiến những vết thương chợt mở miệng ca hát: “Mùa xuân đầu tiên”

Chừng như nỗi niềm ngày 30 tháng tư năm 1975: “có một triệu người Việt Nam vui thì cũng có một triệu người Việt Nam buồn” (lời ông cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt) đã hiện ra nơi bài hát: “Mùa xuân đầu tiên” của Văn Cao? Trong bài hát ấy, kỳ lạ thay, tôi nghe có một nửa nước vui thắng trận trào nước mắt và một nửa nước buồn thua trận cũng trào nước mắt, chợt ôm chầm lấy nhau mà quần quại, mà dãn vật giằng xé nhau, cười khóc méo máo bầm dập nhau, nên vui ấy sao buồn hiu hắt thế, lênh đênh phiêu bạt thế, nức nở nghẹn ngào thế?

Có lẽ, chính vì những điều trên mà kiệt tác “Mùa xuân đầu tiên” của Văn Cao sau khi được báo “Sài Gòn giải phóng” in trước tết Bính Thìn: 01-01-1976, được hát trên Đài Tiếng nói Việt Nam mấy lần liền bị cấm suốt 24 năm (1976-2000). Sinh thời, Văn Cao không được nghe, được nhìn thấy đứa con tinh thần lớn lao này của mình được trình diễn. Sau khi ông mất (1995) 05 năm, “Mùa xuân đầu tiên” mới ra khỏi nhà tù kiểm duyệt của chế độ.

Xin quý bạn đọc hãy nghe nhà thơ, họa sĩ Văn Thao, con trai trưởng của nhạc sĩ Văn Cao kể

sơ qua về sự ra đời của bài hát này:

“Sau khi bài "Tiến về Hà Nội" ra đời cuối năm 1949, bố bị đưa ra kiểm điểm và bị phê phán khắp nơi. Từ đó bố đã thê, sẽ không sáng tác ca khúc chính trị nữa... Nhưng rồi những năm tháng sau này đôi lúc hứng khởi bố vẫn sáng tác. Vẫn biết có sáng tác ra cũng chẳng được dàn dựng...

Tôi còn lưu giữ được một số tác phẩm của ông sáng tác sau này nên tôi hiểu những điều ông nói. Giá như ông không bị rơi vào cái nạn “Nhân văn” và bị “vô hiệu hoá” mất 30 năm thì tôi chắc rằng ông sẽ còn sáng tác được thêm nhiều tác phẩm cho nền âm nhạc Việt Nam. Những ngày tháng sau đó, căn gác nhỏ nhà Văn Cao không lúc nào ngớt khách. Những khuôn mặt bừng sáng. Những nụ cười rạng rỡ. Những giọt nước mắt sung sướng bên những ly rượu tràn đầy và có cả những khuôn mặt, một thời không dám bước chân đến căn gác nhỏ này vì sợ “bị vỗ vai”.

Văn Cao đã sáng tác xong ca khúc MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN vào đúng dịp tết Bính Thìn.”
(trích bài “Văn Cao với ca khúc “Mùa xuân đầu tiên” của Văn Thao in trên “Tạp chí Sông Hương” số 179-180)

<http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c168/n2814/Van-Cao-voi-ca-khuc-Mua-xuan-dau-tien.html>

Văn Thao tiết lộ tiếp rằng, bài hát bị cấm ở Việt Nam nhưng bên nước Liên Xô người ta lại dịch sang tiếng Nga, phát trên Đài phát thanh Matxcova:

“Nhưng cũng thật bất ngờ (không hiểu bằng con đường nào), trong cái năm 1976 ấy MÙA XUÂN ĐẦU TIÊN đã được in ở nước Nga và được Liên Xô trả nhuận bút cho tác giả 100 Rúp. Văn Cao phải viết giấy uỷ quyền qua sứ quán để con gái ông đang học bên đó lĩnh hộ. Ông bảo con gái: “Con cứ lấy mà tiêu, ở nước mình bao lâu nay bố có được biết đến đồng nhuận bút tác phẩm nào đâu.”

<http://tapchisonghuong.com.vn/tap-chi/c168/n2814/Van-Cao-voi-ca-khuc-Mua-xuan-dau-tien.html>

Qua tiết lộ trên của anh Văn Thao, con trưởng nhạc sĩ thì nhà ông Văn Cao trên căn gác nhỏ 108 Yết Kiêu suốt một thời luôn luôn có công an ngầm canh gác, ai đến đều “bị vỗ vai” hỏi tên tuổi, xem đến nhà tên phản động “Nhân Văn” làm gì? Người viết bài này sau năm 1975 có lần đến thăm nhạc sĩ Văn Cao để cho ông mượn cuốn tiểu thuyết vĩ đại: “Giờ thứ 25” của văn hào Romania Constantin Virgil Gheorghiu (1916-1992) mang ra từ Sài Gòn như đã hứa, cũng đã từng bị công an mặt “vỗ vai” hỏi đi đâu? Bèn bảo: đi phỏng vấn tác giả “Quốc ca” viết bài in báo cũng bị cấm à? Người “vỗ vai” hất đầu cộc lộc: “Vào đi”.

Người ta đã cầm giữ Văn Cao như một tù nhân lương tâm bị giam lỏng, một thứ nhà tù tại chỗ, nhà tù nhân dân kiểu xã hội chủ nghĩa. Rằng Văn Cao bị vô hiệu hóa suốt 30 năm vì tội Nhân Văn - Giai Phẩm. Rằng suốt 30 năm ấy, nhạc sĩ Văn Cao sống rất nghèo khổ, “bố có được biết đến đồng nhuận bút tác phẩm nào đâu”.

Chúng ta lại được nghe người con trai thứ của nhạc sĩ Văn Cao, nhà thơ Nghiêm Bằng kể sơ qua về sự ra đời của “Mùa xuân đầu tiên”:

“Đó là một đêm vào giữa tháng 12-1975. Chúng tôi đang sống với cha mẹ trong ngôi nhà số 108 Yết Kiêu. Mùa đông Hà Nội rét tê tái. Cha tôi đã từ lâu rồi không đàn. Vậy mà trong đêm ấy, tôi nghe có tiếng chân nhẹ nhàng lần từng bước từ phòng trong ra gần chiếc đàn piano - đối diện với chiếc giường tôi đang ngủ.

Một giai điệu khe khẽ vang lên, nó được đàn bởi một bàn tay phải. Cũng phải nói thêm là cha tôi đã đàn trên chiếc đàn vốn được Hội Nhạc sĩ VN cho thuê lại với giá 7 đồng rưỡi một tháng (lương tôi hồi đó là 63 đồng, còn tiền thuê nhà là 15 đồng); từ ngày kỷ niệm 30 năm Tiến quân ca (1974), chiếc đàn mới được tặng hẳn cho cha tôi thì cha lại rất ít có dịp dùng đến.

Bài hát đã được báo Sài Gòn Giải Phóng số năm mới 1-1-1976 in trang trọng ở bìa 4 và thu thanh ngay sau đó, được phát trên sóng Đài Tiếng nói VN, nếu tôi không nhầm thì do ca sĩ Trần Khánh và đoàn ca nhạc Đài Tiếng nói VN trình bày. Bài hát được phát khoảng mười lần trong

chừng một tháng (hồi ấy ca khúc được truyền bá chủ yếu qua sóng phát thanh), rồi không hiểu sao lặng lẽ chìm đi, như thể bị quên lãng.

Như mọi lần, trong suốt mấy chục năm, cha không tỏ ra bức bối gì, chỉ hơi buồn thôi. Cha tôi nói chắc chắn bài hát sẽ có ngày được hát lại và mọi người sẽ yêu nó. Và như mọi lần, cha tôi lại đúng. Chỉ có điều lúc đó cha tôi không còn nữa. Khi bài hát lần đầu tiên được phát trên sóng truyền hình Việt Nam năm 2000, cha tôi đã mất được năm năm.”

Nhà thơ NGHIÊM BĂNG - THU HÀ ghi

Nhà văn Vũ Thư Hiên, trong tác phẩm “Đêm giữa ban ngày”, kể lại lời Văn Cao nói với ông về Tố Hữu hay Trường Chinh chủ trương đánh “Nhân Văn”, kể lại chuyện ông lãnh tụ Trường Chinh cho gọi Nguyễn Tuân và Văn Cao lên cảnh cáo sau vụ “Nhân Văn – Giai Phẩm” (1) (xem thú thích dưới bài)

Xuân Diệu đấu tố Văn Cao là trùm phản động, là đầu sỏ chống cộng (2) (xem chú thích cuối bài)

Với tất cả tội trạng tày trời do Xuân Diệu đấu tố Văn Cao công khai trên báo chí, tội của Văn Cao có khi còn to hơn tội của bà nhà văn Thụy An và ông Nguyễn Hữu Đang (cùng bị án 15 năm tù giam, 05 năm quản thúc vì hai người này bị cho là đầu sỏ gây ra vụ án chống đảng “Nhân văn – giai phẩm”). Sở dĩ Văn Cao thoát tù một công vì ông chính là tác giả Quốc ca. Ngay sau vụ “Nhân Văn”, nhà nước cộng sản tính lấy một bài hát “Cách mạng tiến quân” của Đỗ Nhuận làm bài quốc ca, thay bài “Tiến quân ca” của Văn Cao nhưng việc không thành. Mấy năm sau, năm 1981 nhà nước mở cuộc thi quốc ca trong suốt hai năm, quyết thay bài hát của tên phản động đang bắt đắc dĩ dùng làm quốc ca; nhưng mấy trăm bài dự thi thay đổi quốc ca, không bài nào được chọn (vì quá tẻ nhạt) để thay thế bài ca lịch sử của Văn Cao.

Nếu không có bài quốc ca che chắn, có lẽ Văn Cao có thể đã chết trong tù Cộng sản? Một Văn Cao mềm mỏng, nồng nàn, say đắm, lãng mạn tận cùng (với các ca khúc bất diệt: “Buồn tàn thu”, “Suối mơ”, “Bến xuân”, “Trường Chi”, “Thiên Thai”...) trong một Văn Cao tỉnh bơ, quyết liệt, lạnh băng, thần kinh thép, thậm chí dữ dằn, sắt máu: “thề ăn gan uống máu quân thù”... “đường ta đi xây xác quân thù”... đến cùng tận khi một mình một xe đạp, đến tiệm hút thuốc phiện ở Hải Phòng, dương khẩu súng lục số 7165 của tổ chức (do Nguyễn Đình Thi trao) nhắm thẳng vào đầu Đỗ Đức Phin (bị Việt Minh cho là tay sai của Nhật) tuyên án từng lời danh thép: tao bắn mày vì mày là Việt gian tay sai giặc Nhật! Đoạn, Văn Cao bóp cò súng cái đoàng, đầu Đỗ Đức Phin nức toác, tóe máu; rồi ông thủng thủng nhét súng vào thắt lưng, đứng đĩnh đạp xe đi như đang dạo mát...

Sau này, cả cuộc đời còn lại, Văn Cao vô cùng ân hận vì đã bắn chết một con người là Đỗ Đức Phin. Đến nỗi, sự sám hối quặn quại khôn xiết này đã khiến ông không còn dám gõ lên piano những giai điệu lãng mạn tuyệt đẹp thuở ban đầu kiểu “Suối mơ”, “Bến xuân”... nữa; vì ông có cảm giác tay mình còn nhuốm máu đồng loại. Thế mà, có những kẻ vô lương tâm, can dự vào việc giết chết hàng chục triệu đồng bào vô tội của mình mà vẫn vênh mặt tự hào, chẳng một chút ăn năn sám hối!

Nghe nói Văn Cao còn bắn sảy (bắn hụt) hai mật thám Nhật tại Hà Nội là Cung Đình Vạn và Võ Văn Cẩm (không biết có phải vì ông căm thù quân Nhật từng giết bố vợ mình là cụ Nghiêm Xuân Huyền - một chủ báo, chủ xuất bản lớn Hà Nội từng bị Nhật thủ tiêu trong tù?). Một con người như thế không dễ gì thỏa hiệp, đầu hàng, thà chết cho điều mình tin yêu hơn là phải sống như một chiếc bóng trong suốt hơn ba mươi năm bị giam lỏng trong án tù thả lỏng: “Nhân văn - Giai phẩm”...

Có lần, Văn Cao kể cho người viết bài này (trong một bàn rượu đơn sơ “cuốc lủi”, lạc rang, đậu phụ mắm tôm, với bạn tâm giao: nhà văn Mạc Phi, nhà văn Sơn Tùng...) rằng: “Sau vụ Nhân Văn, anh em “chống đảng” chúng tôi, ngoài mấy người bị án tù 15 năm, tất cả đều bị đi cải tạo lao động trên Tây Bắc. Trong chặng đường đi đày trên tàu hỏa, dù tôi đang đau dạ dày nặng sắp chết vẫn bị điệu đi, mấy lần tôi đã toan nhảy xuống đường tự tử khi tàu chạy, nhưng hình bóng đàn con lóe lên trong đầu như ánh chớp, hình bóng bà Băng (bà Nghiêm Thúy Băng –

phu nhân nhạc sĩ) còng lưng nuôi đàn con bơ vơ mất bố, tôi liền bỏ ý định tự sát để tiếp tục sống hèn mà trở về nuôi con...”

Có lẽ men “cuốc lủi” làm Văn Cao cảm động, tay ông run run, kể tiếp: “Thảm nhất là khi ở nơi cải tạo lao động, đến bữa ăn, cứ thấy mình ngồi bàn nào là anh em (cùng bị đi đày lao động) lại tìm sang bàn khác ngồi, không ai chịu ngồi cùng bàn ăn với kẻ đầu sỏ Nhân Văn, đến nỗi chị nuôi trại đi đày phải xẻ một suất cơm ời cá thối cho tôi ngồi một mình một bóng mà ăn cho khỏi chết đói chứ nào có ngon lành gì...”

Ngày 30 tháng tư 1975, ngày kết thúc 30 năm chiến tranh, theo mấy người con và mấy người bạn thân của nhạc sĩ kể lại, Văn Cao im lặng không nói gì, không reo mừng hò hét vỗ tay vỗ chân rầm rập trong hàng nghìn ca khúc khẩu hiệu diếc tai như phần lớn đồng nghiệp đã hết. Có lẽ, ông nghĩ rằng, nhờ chiến thắng này mà có thể thân phận “tù tại ngoại” của ông cũng sẽ được giải phóng, thoát án giam lỏng nhân văn chăng?

Dồn nén khát vọng tự do mấy chục năm, dồn nén khát vọng hòa bình mấy chục năm, dồn nén khát vọng mùa xuân mấy chục năm, dồn nén khát vọng thoát khỏi “nhà giam tự nhân” mấy chục năm, dồn nén khổ đau buồn hận mấy chục năm, dồn nén oan ức bị chà đạp mấy chục năm, chợt một sáng cuối đông, đầu xuân năm 1976, vỡ òa cảm xúc, vỡ òa nước mắt nhỏ giọt yêu thương, nhỏ giọt mật đắng nghẹn ngào lên từng phím đàn thành giai điệu Văn Cao “Mùa xuân đầu tiên” chẳng?

Thành ra, “Mùa xuân đầu tiên” chính là lời reo vui của đắng cay, niềm rưng rưng kiếp nạn giải thoát, nỗi hoan ca ngục tù gặp nắng gió mệnh mông...?

Xin xem thêm tài liệu tổng kết vụ án “Nhân Văn - Giai Phẩm” (NVGP) của đại tá công an A 25 Thái Kế Toại đã in công khai trên rất nhiều trang mạng, để thấy thân phận của Văn Cao suốt ba mươi năm dưới chế độ “ưu việt gấp triệu lần tư bản” thâm hiểm là dường nào (3) (xem chú thích cuối bài)

Qua lời tự thú của vị đại tá công an phụ trách theo dõi văn hóa văn nghệ trên, ta thấy số phận kẻ trọng tội NVGP bị lưu đày trong chính căn phòng mình, trên chính quê hương mình của Văn Cao và các bạn hữu NVGP của ông hầu như đã bị tước quyền công dân, tước hết quyền sáng tạo nghệ thuật, bị “giam tại nhà”, bị đấu tố, bị làm nhục, bị cải tạo lao động hà khắc; không khác mấy so với những kẻ thua trận Việt Nam cộng hòa bị tù tội trong danh phận học tập cải tạo sau năm 1975...

Không thấu hiểu hoàn cảnh sống bị chà đạp, bị lãng nhục, vùi dập, bị đói khổ, bị mất hết tự do nơi Văn Cao suốt ba mươi năm, chúng ta sẽ không cảm nhận được hết nỗi vui của người tù vừa tìm thấy một khe hở gió nắng, được vụt lóe với khói trên sông, với tiếng gà trưa hiu quạnh trong nỗi đau nghẹn ngào “Mùa xuân đầu tiên” này...

Chính nỗi đau buồn kia đã đẩy Văn Cao tới chân tường của cô đơn, lưu đày ông vào ly rượu và khói thuốc. Chứng nghiện rượu đã giúp Văn Cao phần nào quên đi thực tại thâm hiểm, giúp ông có nghị lực để sống qua thời thương khó. Nhiều đêm, không ngủ được, thức khuya để tìm ảo giác trong men rượu, thấy bóng mình in trên tường, Văn Cao chợt rùng mình hoảng sợ, ngỡ là công an mật nửa đêm xuyên tường đến hỏi cung ông, suýt nữa làm ông co cẳng ù té chạy...

Suốt một đời Văn Cao không chạy thoát khỏi bóng mình, không thoát khỏi kiếp lưu đày thiên bảm của một nghệ sĩ lớn mà thời đại dường như không đủ chỗ cho mình tỏa bóng. Đành thu bóng lại như con mèo nghệ thuật nằm cuộn tròn trong đồng tro tàn cải tạo tại gia mà ăn năn hối cải về tội chống đảng của mình.

Đâu rồi chàng trai Văn Cao yêu đời, yêu người, tự do tự tại, thanh bình, phiêu lãng miền thiên giới, thần tiên sống lẫn con người, lãng mạn tới tận cùng chân trời góc bể trong những ca khúc tiền chiến tuyệt tác? Xin cùng nghe lại bản nhạc đầu tay tuyệt diệu của trang thiếu niên 16 tuổi, và xem lại lời của ca từ “ Buồn tàn thu”:

Buồn Tàn Thu

Ai lướt đi ngoài sương gió, Không dừng chân đến em bến bàng, Ôi vừa thoáng nghe em mơ ngay bước chân chàng, Từ từ xa đường vắng. Đêm mùa thu chết, nghe mùa đang rớt rơi theo lá vàng. Em ngồi đan áo lòng buồn vương vấn, em thương nhớ chàng. Người ơi còn biết em

nhớ mong, Tình xưa còn đó xa xôi lòng. Nhờ bóng chim uyên, nhờ gió đưa duyên Chim với gió bay về, chàng quên hết lời thề. Áo đần hết rồi, cổ quên dáng người, Chàng ngày nào tìm đến? Còn nhớ đêm xưa kẻ má say sưa Nhưng năm tháng qua dần, mùa thu chết bao lần. Thôi tình em đấy, như mùa thu chết rơi theo lá vàng.

“Buồn tàn thu” một nỗi buồn đẹp, trong veo dù tình em tưởng “chết rơi theo lá vàng”. Cái buồn của tình yêu “em thương nhớ chàng” Văn Cao kết hợp hồn nhạc ngũ cung với chất khái huyền Thánh ca Thiên Chúa giáo rất cổ thi; như người chinh phụ nhớ chinh phu “Chinh phụ ngâm” Đặng Trần Côn - Đoàn Thị Điểm, như thần thiếp nhớ quân vương “Cung oán ngâm khúc” Nguyễn Gia Thiều, Kiều nhớ Thúc Sinh trong mùa thu chết “Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san” Nguyễn Du thuở lục bát “người lên ngựa, kẻ chia bào” của “bụi hồng dậm cuốn chinh an”...

Cái buồn của con người gặp cái buồn của trời đất, rất “mang mang thiên cổ sầu” Văn Cao. Chàng thiếu niên 16 tuổi đã ký thác đời mình trong vàng thu lá chết, lấy lá vàng mùa thu làm chiếc điều của của nghệ thuật muôn đời siêu thoát. Chàng tự lưu đày mình vào mùa thu một cách tự nguyện. Chàng chết đuối theo vàng thu chìm ngấm để bắt tử trong giai điệu du dương, sang trọng, như danh họa Nga gốc Do Thái Levitan phó linh hồn cho mùa thu Nga vĩnh cửu sơn dầu...

Ngay từ 16 tuổi, bằng sự lãng mạn tận cùng qua “Buồn tàn thu”, Văn Cao đã sung sướng được đắm chìm vào vương quốc Cái - Đẹp. Chàng dùng nỗi buồn làm rượu, làm lương thực hằng sống nuôi dưỡng những giai điệu du dương lãng mạn đẹp nhất của nền tân nhạc Việt Nam thuở ban đầu trong năm kiệt tác vô song: “Buồn tàn thu”, “Suối mơ”, “Bến xuân” (lời Phạm Duy) “Trương Chi” và “Thiên Thai”...

Dường như năm bản nhạc lãng mạn trên là năm bản thánh ca của tâm hồn con người, đưa ta thoát mọi phàm tục để được thánh hóa, được thăng hoa tới muôn vàn mê đắm, thoát khỏi hận thù mà bắt tử với thương yêu? Bản tình ca của nỗi buồn, của Cái - Đẹp ban sơ được hát lên cùng thiên giới thiêng liêng niềm hoài niệm trần thế; nơi suối nguồn róc rách mê ly chảy ra từ năm dòng kẻ nhạc Văn Cao, theo giai điệu thiên thần réo rất thanh tao kia mà rót vào hồn ta hơi thở đất trời, rót vào tai ta chất men say của niềm ham sống, của tin yêu và hoài vọng. Âm nhạc Văn Cao nâng cánh con người bay lên cõi đẹp, cõi mê, cõi thần tiên, cõi hằng sống là vì thế chăng?

Chừng như Văn Cao đã ngầm ký gửi thân phận mình vào hai ca khúc lãng mạn một cách siêu nhiên có phần kỳ bí, huyền nhiệm: “Thiên thai” và “Trương Chi”, vừa mang phong cách cao sang, nền nã, cổ điển của nghệ thuật Apollon - thần ánh sáng và thi ca, vừa mang phong cách ma mị, xuất thần, cuồng si của nghệ thuật Dionysos - thần rượu nho (theo quan niệm về bi kịch Hy Lạp của Nietzsche)?

Văn Cao, ngay từ độ đôi mươi, đã tự đày ải mình lên miền thiên giới trong đại kiệt tác “Thiên Thai”. Cuộc nhập “Thiên Thai” ấy không chỉ có hai chàng Lưu Nguyễn mà thực ra đã có ba chàng: người tham gia khí muôn vụ thiên hành lên cõi tiên ấy chính là Văn Cao:

Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng
Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên
Kìa đường lên tiên, kìa nguồn hương duyên
theo gió tiếng đàn sao xuyên
Phím tơ lưu luyến, mấy cung u huyền
Mấy cung triu mến như nước reo mạn thuyền

Âm ba thoáng rung cánh đào rơi
Nao nao bầu sương khói phủ quanh trời
Lên đên dưới hoa chiếc thuyền lan
Quê hương dần xa lấp núi ngàn
Bâng khuâng chèo khua nước Ngọc Tuyền
Ai hát trên bờ Đào Nguyên

Thiên Thai chốn đây Hoa Xuân chưa gặp Bướm trần gian
Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần
Thiên Tiên chúng em xin dâng hai chàng trái đào thơm
Khúc nghệ thường này đều cùng múa vui bày tiên theo đàn

Đèn soi trắng êm nhạc lắng tiếng quyên
đây đó nỗi lòng mong nhớ
Này khúc bỗng lai
là cả một thiên thu trong tiếng đàn chơi vơi
Đàn xui ai quên đời dương thế
Đàn non tiên đàn khao khát khúc tình duyên

Thiên Thai! Ánh trăng xanh mơ tan thành suối trần gian
Ái ân thiên tiên em ngỡ phút mê cuồng có một lần

Gió hát trăm tiếng ca tiếng phách ròn lắng xa
Nhắc chi ngày xưa đó đến se buồn lòng ta

Đào Nguyên trước Lưu Nguyễn quên trần hoàn
Cùng bày tiên đàn ca bao năm
Nhớ quê chiều nào xa khơi Chắc không đường về
Tiên nữ ơi!
Đào Nguyên trước Lưu Nguyễn khi trở về
Tìm Đào Nguyên, Đào Nguyên nơi nao?
Nhưng khi chiều tà trăng lên
Tiếng ca còn rền trên cõi tiên

Văn Cao và hai chàng Lưu Nguyễn đã nhập “Thiên Thai” nghệ thuật. Nơi đó, Cái Đẹp chính là tiên nữ, khởi nguồn mọi xúc cảm hồn người. Nghệ thuật, nói cho cùng KHÔNG VỊ BẤT CỨ ĐIỀU GÌ, vì nó là cái chân thiện mỹ đã được thánh hóa, được đóng dấu thiên giới cao sang. Tột cùng của nghệ thuật là sự thoát tục, sự thăng hoa con người lên những thế giới khác, tâm hồn khác, rung động khác, mê ly khác, ảo diệu khác... do con đò của tưởng tượng chở ta sang bờ bên kia của sự thật, bờ bên kia của thế giới.

Những giai điệu thần tiên mê ly hết mực Văn Cao đã đưa hồn ta du nhập cùng ba chàng lãng tử Lưu - Nguyễn - Văn vào cõi trời. Thiên Thai ấy, tiên nữ ấy, nghệ thường ấy hóa ra không ở đâu xa, lại ở chính nơi hồn ta khi được âm nhạc thiên tài Văn Cao đánh thức...

Văn Cao hóa thân vào bi kịch nghệ thuật Trương Chi, hay chính hồn chàng Trương Chi đã ám lấy cuộc đời Văn Cao trong một ca khúc hay đến rợn người, hay đến ngờ có ma trong giai điệu du dương chìm lắng, thể lương, ròn rợn liêu trai, khuya khoắt ngòi nghe một mình có thể nổi da gà:

Một chiều xưa trắng nước chưa thành thơ
Trầm trầm không gian mới rung thành tơ
Vương vất heo may hoa yếm mong chờ
Ôi, tiếng cầm ca thu tới bao giờ.

Lòng chiều bơ vơ lúc thu vừa sang,
Chập chùng đêm khuya thức ai phòng loan
Một cánh chim rơi trong khúc nhạc vàng
Đây đó từng song the hé đợi đàn.

Tây hôn My Nương khi nghe tiếng ngân
Hò khoan mơ bóng con đò trôi
Giai nhân cười nép trắng sáng lả lơi, lả lơi bên trôi

Anh Trương Chi
Tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung,
Anh thương nhớ.
Oán trách cuộc từ ly nào nùng.

Đò trắng cắm giữa sông vắng.
Gió đưa câu ca về đâu?
Nhìn xuống đáy nước sông sâu.
Thuyền anh đã chìm đâu!
Từng khúc nhạc xa vời
Trong đêm khuya diu dặt tiếng tơ rơi.
Sương thu vừa buông xuống
Bóng cây ven bờ xa mờ xóa dòng sông

Ai qua bến giang đầu tha thiết,
Nghe sông than mối tình Trương Chi
Dâng úa trắng khi về khuya,
Bao tiếng ca ru mùa thu.

Ngoài song mưa rơi trên bao cung đàn
Còn nghe như ai nức nở và than,
Trầm vút tiếng gió mưa
Cùng với tiếng nước róc rách ai có buồn chăng?
Lòng băng khuâng theo mưa đưa canh tàn
Về phương xa ai nức nở và than,
Cùng với tiếng gió vương,
Nhìn thấy ngấn nước lấp lánh in bóng đò xưa.

Đò ơi! Đêm nay dòng sông Thương dâng cao
Mà ai hát dưới trăng ngà
Ngồi đây ta gõ ván thuyền,
Ta ca trái đất còn riêng ta.
Đàn đêm thâu
Trách ai khinh nghèo quên nhau,
Đôi lứa bên giang đầu.
Người ra đi với cuộc phân ly,
Đâu bóng thuyền Trương Chi?

Bi kịch Trương Chi chính là bi kịch của nghệ thuật, bi kịch cuộc đời, hơn nữa là bi kịch của thiên tài và thời đại, bi kịch của Văn Cao và chế độ... Hình như Văn Cao đã đổi vai cho chàng ca sĩ thiên tài Trương Chi trong câu chuyện cổ điển tình, được kể lại bằng hồn Văn Cao với giai điệu bi ca, khóc ca, hú ca, My Nương ca?
Hồn Trương Chi u uẩn, u u trong gió sương vương vấn trên sông, đêm đêm đã lấy đi hết nước mắt nàng My nương ân hận nghìn đời. Nay hồn ấy, tình đơn phương yêu đến chết ấy lại nhập vào hồn Văn Cao với giai điệu sầu thương, nức nở, lấy đi bao giọt khóc của người nghe nhạc hôm nay.
Thương thay chàng Trương Chi Văn Cao đã dâng hiến cả tâm hồn và thân xác mình cho tình

yêu con người, cho tình yêu thời đại, yêu đến nỗi cuồng điên kiêu Xuân Diệu: “Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi” nhưng đã bị thời đại đáp lại bằng “cú đớp chính trị” Nhân Văn Giai Phẩm tàn mạt cả một đời.

Nàng My Nương cuộc đời, nàng My Nương thời đại không chấp nhận tình yêu đơn phương tận hiến ấy, yêu và ca hát như con ve tới chết cho nàng, vì nàng, một tình yêu phi điều kiện, phi chính trị. Cũng như Trương Chi, Văn Cao đã bị nàng My Nương - Thời đại phụ tình, hợp hết hồn chàng, rút hết gan ruột chàng trong các ca khúc kháng chiến bất hủ: “Trường ca Sông Lô”, trong “Tiến quân ca”, trong “Làng tôi”, trong “Tiến về Hà Nội”, trong “Ngày mùa”... ăn ốc đổ vỏ, rồi nhốt chàng vào mật thất cô đơn như một huyết mộ của tự do trá hình có tên là căn gác chật hẹp 108 Yết Kiêu, Hà Nội, thuê 15 đồng một tháng (ở tù tại gia mà phải thuê à?)...

Trương Chi đã yêu, đã chết cho mối tình lý tưởng đơn phương, thân xác tan vào sông nước và hồn hóa thành đá quý làm chén ngọc cho My Nương gieo nước mắt thương tình thành sông.

Văn Cao không ném thân xác mình vào cát bụi để được chết vì yêu như Trương Chi; nhưng linh hồn ông, âm nhạc ông đã đang và mãi mãi sẽ được người đời yêu thương đón nhận. Hồn Văn Cao còn hát mãi tiếng tuyệt vời Trương Chi trên dòng sông âm nhạc, nơi sẽ có hàng nghìn My Nương xinh đẹp mong ước chàng sống lại để hậu thế được yêu chàng như lời thơ R.

Tagore vẽ hộ tình yêu mai sau dành cho chàng Trương Chi - Văn Cao:

“Nàng ơi / tất nhiên là nàng sẽ ra đời / trong một thế kỷ nào đó / xin nàng tha thứ cho / nếu quả vì tôi kiêu hãnh / vẽ dáng nàng đang đọc thơ tôi / khi trăng rọi im lìm qua khe chữ / tôi biết đêm nay / dưới trăng mờ / nàng thấp đèn chờ / dù nàng biết chẳng bao giờ nhà thơ (nhạc sĩ - chưa thêm TMH) đến nữa ...”

(bản dịch từ tiếng Anh của Cao Huy Đỉnh)



Tiền bối Văn Cao ơi!

Âm nhạc sang trọng bậc nhất nước Việt của ông còn sống mãi. Những bài hát rất hay, rất quý phái cao sang đầy chất thánh ca của ông vẫn hằng tụng ca con người, tụng ca Cái Đẹp, như một cứu cánh góp phần cứu chuộc dân tộc ta, đất nước ta đang có cơ bị diệt vong bởi chính sự băng hoại của những tà thuyết phi nhân. Xin được gọi ông bằng tên gọi thường nhật triu mến nhất mà thế hệ đi sau ông vẫn hằng được gọi thắm tên ông: ANH VĂN; như ngày xưa thi thoảng được hầu rượu ông nơi quán rượu gần rạp xiếc. Vâng, anh Văn suốt một đời sống chết cũng chỉ vì hai chữ Nhân Văn thiêng liêng, cao cả này mà thôi...

Sài Gòn ngày 23-01-2013

Phụ đính I :



BẾN XUÂN
(BẢN CHƠI VIỆT)

Lời và Nhạc :
VĂN CAO & PHẠM QUÝ

Chữ này vang rộ như đài thánh,
Mặt hàng ngàn ánh sáng (1)
V. C.

Tr. 4. Ph. 4/4

1 - Nhà tôi bên cửa sổ
T - Nhà tôi bên cửa sổ

nhỏ
nhỏ
nhỏ

Em sống thì mới sống
Em sống thì mới sống

Đưa lên khắp bên cửa sổ
Đưa lên khắp bên cửa sổ

nhỏ
nhỏ
nhỏ

Chàng đang sống
Chàng đang sống

nhỏ
nhỏ
nhỏ

Hôm nay ngày nghỉ
Hôm nay ngày nghỉ

nhỏ
nhỏ
nhỏ

© Bản nhạc của THƯ ĐÀ - Huế (Việt Nam)
TÁC GIẢ GIỚI BÀN QUÂN

BE International và các hãng PHILIPS
do sự uỷ NGUYỄN THƯỜNG HIỂN

Chùm thơ Văn Cao



Chiếc xe qua phường Dạ Lạc

(Về Hà Nội, ông thuê căn gác nhỏ số 171 Mongrant
(nay là 45 Nguyễn Thượng Hiền) nhìn sang
phố Khâm Thiên, một căn gác ọp ẹp - 1945)

Ngã tư nghiêng nghiêng đốm lửa
Chập chờn ảo hóa tà ma
Đôi dây hồng lâu cửa mở phấn sa
Rũ rượi tóc những hình hài địa ngục
Lạnh ngắt tiếng ca nhi phách rục
Tình tang gõ nhịp khúc đàn sương
Áo thể hoa lá lướt lượn đêm trường
Tùng mỹ thể rạc hơi đèn phù thế
Ta đi giữa đường dương thế
Bóng tối âm thầm rụng xuống chân cây
Chiếc xe ma chờ vội một đêm gầy
Xác truy lạc gục bên thềm lá phủ
Ai hát khúc Thanh Xuân hờ ơ, phấn nữ
Thanh Xuân hờ Thanh Xuân
Bước gần ta bước nửa thêm gần
Khoảng giữa tuổi xuân nghe loạn trùng hút tuý
Ai huỷ đời trai trên tang trống nhỉ?
Hay ác thần gõ quác nạo mồ khuya
Đào điên mê say thể phách chia lìa

Nghe reo mạnh chuỗi tiên cười lạnh lẽo
Tiền rơi, tiền rơi...
Chùm sao huyền diệu
Lấp lánh hàng hà gạo rơi tiền rơi
Ta lả nhìn cửa sổ mắt mờ rồi
Vàng mấy lá thừa đãi thây phủ chiều.
Ngã tư nghiêng nghiêng chia nẻo
Đặt diu cung bậc âm dương
Tàn canh nhể nhại mưa cô tịch
Đầm đĩa rả rích phương Đông
Mang mang thở dài hồn đất trích
Lưới thép trùng trùng khép cổ đô

Cửa Ô đau khổ
Bốn ngã âm u
Nhà ta thuê mái gục tự mùa thu
Gác cô độc hướng về phường Dạ Lạc
Đêm đêm dầy dài canh tan tác
Bốn vực nhạc động vẫy người
Dãy đèn treo ánh đỏ quạnh máu đời
Ta về gác gió cài then cửa rú
Trên đường tối đêm khoả thân khiêu vũ
Kèn nhịp xa điệu múa Vô Luân
Run rẩy giao duyên khối nhạc trầm trầm
Hun hút gió nâng cầm ca nặng nhọc
Kiếp người tang tóc
Loạn lạc đời nơi xương chất lên xương.
Một nửa kêu than ma đói sa trường
Còn một nửa lang thang tìm khoái lạc.

Ngã tư nghiêng nghiêng xe xác
Đi vào ngõ khói Công Yên
Thấy băng khuâng lối cỏ hư huyền
Hương nha phiến chập chờn mộng ảo
Bánh nghiền nhựa đường nghe xào xạc
Ai vạc xương đổ sọ xuống lòng xe
Chiếc quỹ xa qua bốn ngã ê chề
Chở vạn kiếp đi hoang ra khỏi vực.

Mưa, mưa hàng thao thức
Trên phố lợi đầu hiu
Mưa, mưa tràn trên vực
Hang tối gục tiêu điều
Mang linh hồn cô liêu
Tiếng xe càng ám ảnh
Tiếng xe dần xa lánh
Khi gà đầu Ô kêu.

(1945)

Ba biến khúc tuổi 65

Những ngày buồn không nói được
tôi chỉ tìm ra sự sống của tôi

I

Một người cho tôi con dao găm
Không biết dùng làm gì
đêm nhìn qua cửa sổ
một khoảng trống đen

tôi ném vào khoảng trống
con dao găm ấy
có phải đây là sự nghịch ngợm
bỗng nhiên có tiếng ngã ngoài sân
một người trúng tim đã chết

tôi không hề biết người ấy
tôi là kẻ không muốn giết người
chỉ biết bóng tối
mà tôi đã ném dao

II

Tôi đi trên phố
bỗng nhiên mọi người nhìn tôi
một ai đó kêu lên: thằng ăn cắp
tôi chạy
tôi chạy

tại sao tôi chạy?
tôi không hiểu tôi
cả phố đuổi theo tôi
xe cộ đuổi theo tôi
tôi chạy bạt mạng
gần hết đời
tới chỗ chỉ còn gục xuống
tỉnh dậy mồ hôi chảy
tôi lại thấy tôi là người chưa phạm tội.

III

Tôi rơi vào mạng nhện
mạng nhện cuốn lấy tôi
không còn cách gì gỡ được

tôi như con sâu tằm
cuộc đời cứ như thế

muốn phá cái mạng nhện
tôi không đủ tay.

Tháng 9-1988

Phố Phái

tặng Bùi Xuân Phái

Không người ở
Không số nhà
Không tên phố
Tôi gửi bài thơ về
Phố Phái
Người đưa thư sẽ tìm đến phố anh
Một góc phố Hà Nội
Một góc phố Việt Nam
Trước khi Tây chiếm thành
Hà Nội
Một góc phố anh sống
Một góc phố tôi sống
Không người ở
Không số nhà
Một mình
Phố trắng
Một góc phố tồn tại
Vĩnh viễn.

Có lúc

Có lúc
một mình một dao giữa rừng đêm không sợ hổ
có lúc
ban ngày nghe lá rụng sao hoảng hốt
có lúc
nước mắt không thể chảy ra ngoài được

1-1963

Đường rừng

Nếu không có đường mòn
Ai biết mà tìm nhau
Người đi đâu về đâu
Nhìn chòm sao bắc đẩu
Những người lạc rừng sâu
Tìm về theo giọng suối
Anh lửa và cây cối
Che chở những con người
Chỉ từ những đường mòn
Rừng mở ra vạn lối

5-2-1975

Khuôn mặt em

Giữa những ngày dằng dặc
Chỉ còn khuôn mặt em
Sáng trong và bình lặng

Dù hai đứa chúng ta
Chưa lúc nào sung sướng
Những ngày đau khổ ấy
Khuôn mặt em
Như mảnh trăng những đêm rừng cháy

Trên đường đi
Anh đặt em trên đồng cỏ
Thấy em đẹp mãi màu xanh cỏ dại

Trên đường đi
Anh đặt em trên dốc núi
Để tìm lại những đường mềm của núi

Trên đường đi
Khuôn mặt em làm giếng
Để anh tìm làm đáy ngọc châu

Ôi khuôn mặt sáng trong và bình lặng
Tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng

1974

Một đêm đàn lạnh trên sông Huế

Nảy nảy tơ đồng nhịp nhịp đôi
Lòng nâng ngọn ngọt lại đầu môi
Này em hát khúc tương tư nhé
Ngâm khế em ơi nhẹ nhẹ lời

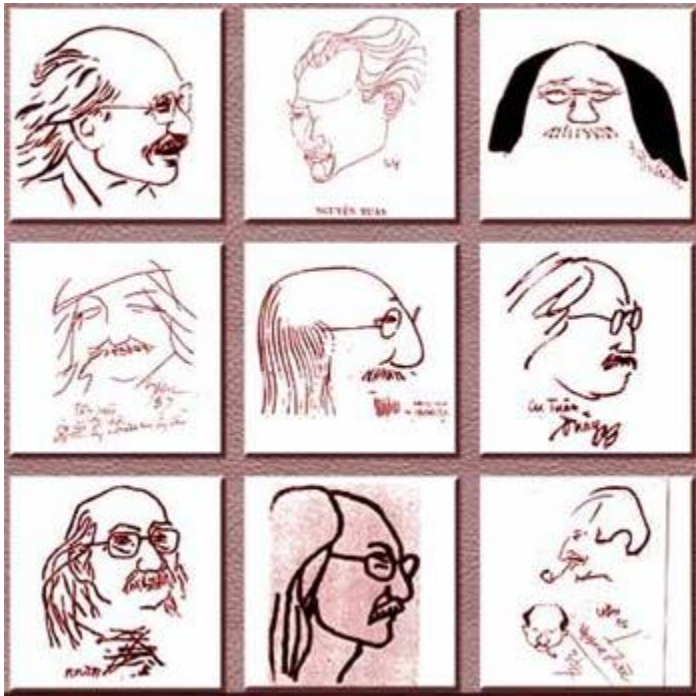
Sao đàn u hoài gì mùa thu?
Sao đàn u hoài gì mùa thu?
Tri âm nghe thử dây đồng vọng
Lạc lõng đêm vàng khi nhạc ru

Như Tử Kỳ nghe nhạc Bá Nha
Em nghe anh dạo khúc thu xa
Thuyền xuôi về bến mô thuyền bị
Sông trắng bờ xa lộ bóng nhà

Giọng hát sầu chi phần nữ ời
Từng canh trời điểm một sao rơi
Tà tà trăng lặn hiu hiu gió
ánh lửa chài xa thấp thoáng trôi

Tay nhấc tờ chùng đã ngấm sương
Hò ngân cung Bắc lướt cung Thương
Dòng Tiêu Kim Thủy gà xao xác
Ngẩng thấy kinh kỳ khói vấn vương

Em cạn lời thôi anh dứt nhạc
Biệt ly đôi phách ngó đàn tranh
Một đêm đàn lạnh trên sông Hué
Ôi nhớ nhung hoài vạt áo xanh



*Chân dung nhà văn Nguyễn Tuân của Văn Cao.
Và các họa sĩ: Thanh Cương, Sĩ Ngọc, Quách,
Đại Hải, Tạ Ty, Phạm Minh Ngọc.*

Năm buổi sáng không có trong sự thật

[i]"Những mái nhà ủ những cánh chim đêm
Ủ những giấc mơ dưới trời sao lồng lộng"

Một

Ngủ dậy một sáng
Cả phố biến đầu mất
Không một bóng người đi
Im lặng hồ nước sâu thăm thẳm
Mặt đất đỏ màu gạch nung
Như miệng quả núi lửa
Anh đi tìm em
Tìm dấu vết những con đường
Chúng ta thường đi lại
Giữa mênh mông tôi gọi em mãi mãi
Thế kỷ chúng ta đứng lại nơi đây
Em ở đâu ?
Thế kỷ chúng ta còn đang tiếp tục
Trên trái đất này
Hàng ngày đứng lại nơi đây
Tôi gọi em mãi mãi

Hai

Buổi sáng nay không nghe tiếng chim hót
Một buổi sáng không thật
Tôi bước đi không thấy tiếng chân đi
Cả thành phố cùng tôi im lặng
Tất cả những con người
Chỉ thấy mắt đen lay láy
Cả tiếng xe không thành tiếng
Tại sao ? Tại sao ?
Không ai nhìn miệng tôi gào thét không ra tiếng
Trong kinh hoàng tôi chạy trên đất
Một mình
Giữa thành phố mọi người im lặng
Tại sao ? Tại sao ? Không tiếng nói
Không tiếng động, không sự sống
Tại sao thành phố sa mạc
Không nghe gió thổi
Những hình người như bị đẩy
Qua nhanh
Hình như nơi đây
Bị đày trong im lặng

Ba

Buổi sáng nay không phải mình thức dậy
Một người nào trong tôi đang thờ
Trước mặt tôi
Buồn nửa đêm nửa ngày len lỏi
Nửa phố mặt trăng nửa phố mặt trời
Từ khi ấy chúng tôi, hai người suy nghĩ
Hai kẻ thù nhau

Hai thái cực tâm hồn
Hai người ấy trong một người chịu đựng
Mưu lại lẫn nhau
Không biết ngày đêm không biết giả thật
Từ phút ấy, tôi không còn thật nữa

Bốn

Buổi sáng nay cả phố phường như mở hội
Mọi con người đeo mặt nạ đi chơi
Những bước chân nhảy múa
Vui lên cảnh non
Lá bàng trên phố xanh màu ngọc
Xuân tháng hai
Cửa hàng rượu bên đường
Tơ lụa pha len, hoa giấy ni-lông
Những mặt nạ gặp nhau chào hỏi
Những em bé búp-bê mùa xuân
Hồng hào da thịt
Ngồi đập nút chai làm tiền bạc chơi xuân
Mở tròn mắt nhìn kinh ngạc
Họ vui làm sao
Ô kìa
Nước mắt mờ hôi
Sao chảy ra trên từng mặt nạ
Từng con người
Vội vàng lau mờ hôi và nước mắt
Trên những mặt nạ giấy bồi

Năm

Những cánh cửa đều khóa chặt
Trong gian phòng trong suốt thủy tinh
Em ở đây với anh
Cho bớt lạnh sáng mùa xuân náo nức
Thịt da em cho anh sờ
Hơi ấm mình con chim khuyên
Trong lòng bàn tay
Run rẩy
Giữa hai cảnh non
Nghe nhựa mùa xuân
Những nụ hồng mới nở
Và mặt vừa thơm và ong đã tới
Chúng ta đi vào bí mật mùa xuân
Ngày đầu tiên của em trên biển

Ai về Kinh Bắc

Có ai cười ngựa về Kinh Bắc
Tôi gửi nhờ đem hộ lá thư?
Trời hỡi ! ồm nằm trong quán trọ
Bạn bè còn lại mấy bài thơ...

Trông qua song cửa: trời vàng úa
Mấy lá bàng rơi nhắc nhớ thu !
Chiều ồm cũng đang chầm chận xuống
Sương mù chìm lẫn lá vàng thưa

Hỡi người cười ngựa về Kinh Bắc
Tôi gửi thư đưa hộ mẹ già
Cổ thét song lời tôi yếu quá
Ngựa đều chân chạy, nhạc cành xa...

14.10.1941

Ngâm thơ

Lạc dòng thơ thả: nao nao gió,
Lạc ánh trắng vàng xuống lẫn sương
Mộng biến lên dần, sầu khởi sự
Huy hoàng đêm đẹp bốn chiều hương.

Lấp lánh màn sau thấp xuống mây,
Ít nhiều mây vương xuống bàn tay
Đó đây, im lặng làm vua chúa;
Len lách đêm mờ thi nhạc bay.

Trăng rãi mơ hồ trên lá phôi,
Đòi nơi rên-siết tựa như cười
Hai dòng trắng bạc giao nhau đổ
Xuống giữa đường mơ sắc thắm tươi.

Thơ làm hoa lá rung rinh thờ;
Ngựa ở thân cây sẽ sẽ dâng,
Sương ở đầu cành thâm thắm lá
Và dẫn dần thắm đất vươn xuân.

Ở những vườn hoa thấy nở rồi,
Cánh vừa hé đã lọt sương rơi;
Nhị rình mình tựa bên hoa chúc,
Một tối hồn trinh bị tả tươi.

Vàng gió chim đêm vung cánh bạc.
La đà càn uốn nặng theo trăng;
Bâng khuâng chút ít vàng vương lối.
-Có phải thiên đàng hay thế gian?

Thơ động vu vơ khúc ái tình...

Ấy ai đang ấp mộng lòng trinh,
Lim dim mắt đẹp như thao thức
Nghe tiếng ngâm thơ khẽ trở mình...

Thời gian

Thời gian qua kẽ tay
Làm khô những chiếc lá
Kỷ niệm trong tôi
Rơi
như tiếng sỏi
trong lòng giếng cạn

Riêng những câu thơ
 còn xanh
Riêng những bài hát
 còn xanh
Và đôi mắt em
 như hai giếng nước

Xuân Đinh Mão, 2-1987

Phụ đính II:

Người ở số nhà 108 Đặng Anh Đào

1992, Văn Cao ngồi đấy tự bao giờ, trước chén rượu quốc lủi? Người con gái của Đặng Thai Mai nghĩ : lạ thật sao ông có một nét gì giống cha mình, những năm đã già, ngồi trước tách cà phê ? Hay ở cái vẻ vừa tách biệt, vừa chiêm nghiệm trước cuộc đời này?

Tôi đã viết những dòng chữ ấy trong kịch bản phim Để nhớ Đặng Thai Mai. Sau này, khi Văn Cao đã mất, đọc một loạt bài hồi ký của những người khác viết về Văn Cao, tôi mới biết có người đã nói đến tư thế ấy (" Văn Cao buồn ngồi nâng nhấp từng ly rượu trắng"...). Từ năm 1958, ngay từ năm 60 tuổi, Văn Cao đã là " một người tóc trắng, râu trắng... tay cầm một ly rượu trắng... ". Sáu mươi tuổi, ở tuổi mà nhiều nhà chính trị và nhiều ông giám đốc công ty thời nay vẫn đang được tung hô là ở độ tuổi sung sức nhất, vậy mà Văn Cao - người đã khiến những giấc mơ của tôi bay bổng từ tuổi thơ - chính con người ấy, đã là ông già! Vậy thì năm 1992 tôi có thể nhìn thấy ai khác ngoài một ông già ? Dầu sao, tôi đã được trông thấy Văn Cao, ngồi ngay trước mặt ông. Tôi đến để xin được ghi kỷ niệm của Văn Cao về ba tôi. Tôi không thể hình dung nổi Văn Cao lại già đến thế.

Dòng suối Mơ chảy qua tuổi thơ của tôi, ngăn nó thành hai bờ... Bờ bên kia là thời trước những ngày tháng Tám 1945. Tôi nhìn thấy một đứa bé ngồi trên xe tay, xe nhà. Nó ngồi cùng với ba nó, mắt chăm chú nhìn anh xe (không đến nỗi gọi là thằng xe) mãi một kéo, cái chân sai sải, hai bàn tay nắm hai cái càng xe, mỗi bàn tay có sáu ngón - cái nét dị dạng đã trở thành quen thuộc. Miệng nó mút cái kẹo sucette, chiếc kẹo giống như quả bàng, thơm, trong suốt, cắm vào một chiếc que Kẹo hết, trời nóng. Ở nhà, nó đã năng nặc đòi mẹ mặc cho bộ diện nhất : cái áo len xoa (laine soie) và cái quần soóc nhung. Ba mẹ nó chưa có con trai nên hay bắt đứa con gái thứ tư mặc đồ con trai. Nặng lên, rôm sảy bắt đầu cắn. Nó già, tuyết nhưng quần soóc bám vào

những kẻ hăm. Nó tụt từ trên ghế xuống chỗ để chân, khóc lè nhè " Xót đít! Xót đít ". Ba nó đỡ dành, đưa bé mới chịu ngừng kêu những cái tiếng không được lịch sự lắm ấy ở ngoài đường. Tối đến, hễ có khách, dù đã lên giường, nó cũng trở dậy để ra phòng khách, trình bày bài hát tu của nó :

"Giê đơ dà múa

Mỏng pé y ề Pa ri... "

(Tôi có hai mối tình

Xứ sở quê hương và Paris...)

Trong nhà có một cái máy hát và những đĩa thịnh hành thời đó. Nó lúc lắc cái đầu, nhịp theo điệu hát Tino Rossi : " Tant qu'il y aura des étoiles " (Chừng nào còn những ngôi sao...). Đứa bé không chọn những bài hát Việt Nam. Nó rất thích một bức ảnh trên tờ báo Đông Pháp. Đó là bức ảnh cô con gái một lãnh tụ khởi nghĩa thất bại. Tôi nhớ là Hoàng Thị Thế (?) bận áo đầm dạ hội bằng voan trắng rất xinh đẹp (1). Trên sân khấu Paris, cô đang hát bài " Giê đơ dà múa... "

Sầm Sơn những mùa hè 40... Ông "chủ giấy thép" Huỳnh Trâm bạn của ba nó có một cô em vợ tên là cô Long, người cao lớn, hơi đầy, mắt hơi lồi nhưng rất mơ màng. Cô ngược cặp mắt tròn, nhìn lên trời, ca bằng giọng Huế :

"Ai lướt đi ngoài sương gió

Không dừng chân đến em bẽ bàng...:

Và Hà Nội. âm điệu khúc Thiên Thai dịu dặt tỏa ra từ những quán bar ven Hồ Gươm đã khiến đứa bé thấy cái quán café - kem quen thuộc, quán Zéphir (gió nhẹ)... nơi ba nó thường dắt mấy chị em ra ăn kem và chuyện trò cùng bác Nguyễn Kim Cương, Phạm Văn Đồng... Giống như một chốn thiên thai ! Cái quán chiếm diện tích rất hẹp mé trở ra mặt đường ấy thường xuyên được chiếu rọi bằng ánh đèn xanh, ở ngoài lại có bức tượng một vị thần (hay thần ái tình ?) tóc xoăn, tay cầm những nhánh nhỏ Bài hát ấy, khung cảnh ấy kết hợp với những cốc kem ngon tuyệt, đối với đứa bé, đúng là cảnh tượng Thiên thai. Rồi bom Mỹ khiến gia đình nó trở lại Sầm Sơn. Một số thanh niên yêu nước bấy giờ tổ chức nhóm trẻ con sinh hoạt chung theo kiểu Sói con, có lẽ với mục đích định hướng chính trị kín đáo. Một trong những anh hướng đạo của chúng tôi là anh Chương, sau 1945 nghe đâu anh trở thành người bảo vệ cho hoàng thân Xuphanuvông. Rồi anh chết trong những ngày đầu kháng chiến, khi bơi qua sông Mê Kông để làm nhiệm vụ.

Còn hồi đó, khi chưa cách mạng, anh dạy chúng tôi một điệu hát trầm hùng :

" Cùng ngược mắt về phương Thăng Long thành cao đứng trong khói sương chiều ám trên dòng sông "...

Những ngày ấy, tôi đã hát Buồn tàn thu, Thiên thai, Thăng Long hành khúc mà không hề biết đến tên Văn Cao, không cần biết nó của ai. Đó là bờ bên kia của tuổi thơ.

Còn Bến Xuân, tôi lại chỉ biết khi nó đã thành Đoàn Chim Việt. Bờ bên này của tuổi thơ Mùa thu 1945-1946. Trong đời tôi, chưa bao giờ sắc nắng thu Hà Nội rực rỡ đến như thế. Trên đường đi họp Đội ở ấu Trí Viên, đi qua bờ hồ mé nhà Khai Trí Tiến Đức, tôi thấy một thiếu phụ bận áo dài hoa tuyết nhưng màu đen đứng giữa vòng người đang dự, đệm ghi ta hát bài Đoàn chim Việt ; Đó là nữ ca sĩ Thương Huyền. Bà có một vẻ phóng túng duyên dáng tôi không thể nào quên được.

Ba tôi không hề biết tới âm nhạc, nhưng bấy giờ trong nhà đầy những bản Thiên Thai, Trương Chi... tít in bằng kim nhũ, rất đẹp. Còn Tiến quân ca lúc ấy là khúc hát của đường phố. Tuy nhiên chị Thúy Bằng (vợ Văn Cao) lúc ấy là bạn học cùng lớp với chị tôi và cùng ở đội thiếu nữ Tiền phong đã khoe " Hễ hát bài hát của anh Văn tở thì mọi người đều phải đứng nghiêm ". Còn tôi, tôi nhớ Tiến quân ca như một dòng thác xô đẩy dòng người đi biểu tình trên đường phố Tràng Tiền. Khi đến mục giải tán, tôi ở dòng đi ngược với Nhà Hát Lớn, mấy chị tôi ở dòng xuôi. Hà Nội xưa vắng vẻ thế, mà những ngày tháng Tám người đông đúc, chật chội tới mức đã ở dòng ngược, tôi không thể nào rẽ sang dòng bên kia để đi theo các chị trở về nhà.

Bấy giờ, câu hát mà tôi thường hát vang lên một mình những lúc ở nhà, mắt ngược nhìn trăng sao qua khung cửa sổ rộng của tầng hai, số nhà 32 Lý Thường Kiệt, đó là những câu trong bài Không quân Việt Nam :

"Ta là tinh cầu bay trong đêm trăng... "

Cho đến giờ, tôi vẫn nhớ cảm giác lâng lâng, bay tới tuyệt đỉnh của giấc mơ lúc ấy.

Ngay cả những câu như "Khi nhìn qua khói những kinh thành tan - Đồi cánh tung hoành dạt trên mây xanh..." đối với tôi không hề vương vấn một chút gì hung hăng, hiếu chiến. Cả bài Thiên Thai mỗi lúc hát cũng gợi cảm giác hết như thế : tôi là một tinh cầu đang bay.

Sau này, vào những năm 60-70, có lần tôi nghe một cán bộ nói chuyện, anh ta liệt Thiên Thai, Trương Chi vào loại " nhạc vàng ". Theo anh, người ta đã thí nghiệm cho lợn nghe loại nhạc này: lợn bỏ ăn, đổ bệnh ! Quả thật điều phi lí nhất, nghe mãi cũng quen tai. Một thời gian dài, người ta không dám hát những bài hát ấy. Riêng tôi, trong cuộc đời căng thẳng vì bom đạn, thiếu thốn, hễ lúc nào rỗi rãi, tôi lại hát thật to những câu hát thời thơ ấu, và lại cảm thấy lâng lâng trong giây phút, được sống lại cảm giác hạnh phúc bay bổng của ngày xưa. Đến nỗi những đứa con của tôi khi còn bé rồi sau này, cả đứa cháu đầu tiên của tôi lúc bốn, năm tuổi đều giữ ấn tượng rất mạnh về bài Thiên Thai. Thỉnh thoảng, đứa cháu ấy lại năn nỉ bà hát cái bài có các quả đào tiên và dòng suối đầy hoa, với các cô tiên !

Còn mỗi lúc hát Suối mơ, tôi lại nhớ Việt Bắc những ngày kháng chiến. Có lẽ đối với đa số người Việt Nam, bài hát này chỉ đến với họ vào những năm ấy. Suối mơ chính là Việt Bắc, không có bệnh sốt rét. Mãi đến khi Văn Cao mất, đọc một bài báo, tôi mới biết Suối mơ được viết từ năm 40, 41 !

Năm 1951, cả nhà lếch thếch theo ba tôi đi lên Việt Bắc. Đoạn dọc theo sông Lô, ở một chặng nghỉ, tôi lấy bút ra vẽ cái bớt giặc bên bờ dòng sông, tôi không thể hình dung một Sông Lô khác với hình ảnh trong bài hát của Văn Cao. Những khúc hát đã nuôi dưỡng bao trái tim và mối tình thơ mộng của thanh niên học sinh ! Tôi nhớ dòng Nông Giang ở Thanh Hóa, những đêm sao lấp lánh, chúng tôi cầm đàn đi dọc theo sông và tiếng hát vút lên cao: " ôi đàn xưa còn ửng nhắc chi đến người - Lòng ta tắt bao thắm tươi..." Tôi không thể tìm thấy ai có thể diễn đạt nỗi lòng của mình tuyệt diệu đến như vậy, thuở hoa niên. Để rồi có phút giây nào đó, ta lại hát những bài hát Suối Mơ, Cung đàn xưa, và trong chốc lát, ta thấy sống lại những giây phút không còn có trong thực tế, khi đã già đi.

Đó là một ngày u ám của năm 82. Tôi bị mổ hỏng mắt một mắt, nằm trong quân y viện 108, giường bên cạnh là một nữ bệnh nhân đã già và đang mang một vết chấn thương về tinh thần không thể chữa chạy. Chị vừa vào thăm đứa con trai ở trong tù. Nó tham gia vào một vụ cướp, giết chết một người. Bắp tay của nó chàm dòng chữ: " Thương em nhớ mẹ ". Chị không thể nào hiểu nỗi đứa con chị, đứa con mà chị vẫn nghĩ là hiền lành. Một chiều, tôi thấy chị ngồi bên cửa sổ đan áo và hát khe khẽ: " Suối mơ, bên rừng thu vắng... ". Chị kể lại ngày xưa, chị là công nhân quốc phòng giữ kho cho bộ đội. Chị ngồi bên rừng Việt Bắc hát bài Suối mơ và chờ anh đi chiến dịch trở về... " Từng hẹn mùa xưa cùng xây nhà bên suối... ". Trong giây lát, gương mặt chị sáng lên, trở về với những ngày tuổi trẻ. Trong giây lát, chị thoát khỏi hiện tại. Vì sao tôi không có dịp được nhìn thấy Văn Cao trước năm 92 ? Tôi cũng không hề tìm cách gặp, vốn nhút nhát, vả lại, cho đến khi ba mẹ tôi mất, tôi mới hiểu một điều : không phải những gì quý giá cứ còn lại mãi với mình trên cõi đời này. Thế mà rồi tôi cũng vẫn cứ quên điều đó. Tôi đến phố Yết Kiêu với chị cả tôi lần thứ nhất, Văn Cao đã ngồi đó trước chén quốc lủi tự bao giờ... Khoảng một tuần sau tôi lại đến, lần này để ghi lại những kỷ niệm của ông về ba tôi. Tôi thú vị vì sự trùng hợp của những con số. Nhật ký của tôi còn ghi rõ đó là 9 giờ sáng ngày 9-9-1992. Lại nữa, dù hay quên con số, tôi cũng không thể nào quên được số nhà của Văn Cao : 108. Đó là con số của Thủy Hử.

Lần đó, Văn Cao vẫn ngồi trước chén quốc lủi. Có lẽ vì chỉ có một mình tôi, ông tâm sự lâu hơn. Ông nói về việc vẽ tranh, thời ông vẽ ba tôi. Tôi hiểu vì sao trong một thời gian dài ông không thể vẽ. Đối với nhà văn nghèo vẫn dễ hơn, bởi phương tiện sáng tác không mấy tốn kém. Còn họa sĩ... " Hồi đó, muốn mua được sơn và toile để vẽ, phải là hội viên Hội Văn nghệ...

Tôi không có tiền mua sơn và toile để vẽ. Một bức tranh như bức tranh kia (ông chỉ bức treo trên tường và giải thích bức ấy vẽ từ cảm hứng thơ Neruda - một thứ công trời - bức tranh mà bấy giờ Văn Cao chưa chịu bán cho ai), riêng màu trắng phải mất 5 lít sơn... Tới gần đây tôi mới được vào lại Hội Văn nghệ ".

Tôi hỏi vậy bây giờ anh có còn vẽ ? " Tay cầm cây cọ không nổi nữa rồi. Nhưng có cháu nó giúp thực hiện một số bức ". Muốn làm tranh phải có sức khỏe. " Họa sĩ các nước mua được khung sẵn, vải căng sẵn. về chỉ việc vẽ. Hồng thì bỏ, không phải sửa, bết đi bết lại, làm mỗi tranh, mệt vải. Còn mình thì... Giờ thằng con tôi đi Ba Lan, không có ai giúp. Nhưng rồi tôi sẽ nhờ học trò "... Không hiểu sao, tôi không hỏi ông về âm nhạc. Có lẽ chỉ ngần ấy bài hát, đối với tôi, đã đủ đầy ắp cuộc đời. Sau này, có dịp đọc một bài trả lời phỏng vấn của ông, tôi thấy ông nói : ông không còn có thể sáng tác nhạc được nữa, âm nhạc đối với ông như mối tình đầu bị phản bội.

Hôm đó, Văn Cao còn nhắc tới một nhân vật đặc biệt ghét Nguyễn Tuân trong câu chuyện : " Năm 1986 tôi và nhà tôi vào Sài Gòn. Tình cờ, từ Hà Nội, hai vợ chồng cụ cấp đặc biệt ghét Nguyễn Tuân ấy cũng vào chơi, tới đúng khách sạn tôi đang ở, ngồi ngay trước mặt. Ông ấy bảo tôi: - Nguyễn Tuân làm gì có bề dày sự nghiệp như anh ! Tôi bảo: - Tôi chỉ có những chuyện đây một ít kia một ít. Về văn học, sao có được bề dày của Nguyễn Tuân !... Lúc ấy, ông ta nhìn lên, mắt long lên. Tôi hiểu ông ta là người rất ác. Rất đáng sợ khi nhìn vào mắt ông ta. Một lúc, ông ta nhìn xuống, trở lại cái vẻ thường ngày - có nghĩa là hơi gia trưởng, ngoài ra người ta không nhận thấy gì khác. "

Còn tôi, tôi nhìn người đối diện và thấy mặt Văn Cao rất hiền. Sau đó, Văn Cao kể kỷ niệm về ba tôi, thỉnh thoảng chị Băng lại xen vào chuyện gì đó, Văn Cao bảo : đừng làm đứt mạch suy nghĩ. "Tôi không phải là người gần gũi bác Mai nhiều và tiếp xúc chủ yếu là qua các hội nghị Văn hóa Cứu quốc từ 1946. Lần tiếp xúc riêng đầu tiên là do việc dạy vẽ ở Trường Phan Chu Trinh, trường bác mở ở phố Nguyễn Thái Học. Hồi ấy có phong trào Nam Tiến, anh Nguyễn Đỗ Cung cùng anh Văn Giáo đi vào Nam Bộ. Nguyễn Đỗ Cung phải bỏ việc dạy vẽ ở trường của bác Mai, cử tôi đến dạy thay. Bác giao cho tôi nhận lớp. Sau này Tử Phác có nói với tôi rằng khi bàn chuyện trả lương, Tử Phác bảo Nguyễn Đỗ Cung là một họa sĩ già. Văn Cao chỉ là một họa sĩ trẻ. Nhưng bác Mai nói rằng không được, Nguyễn Đỗ Cung đã cử Văn Cao thay thế, hai người phải hưởng lương như nhau. Đó cũng là một cách nhận xét không phân biệt trẻ già khi đánh giá công việc. Hồi đó, cái mới là ở một trường tư thục đã có môn dạy vẽ như vậy. Tên tuổi bác hồi đó tôi cũng đã biết qua vở kịch Lôi Vũ. Tôi cũng đã được xem vở kịch ấy vào năm 1946, bác đã khiến tôi thất vọng để hiểu đối với người Việt Nam. Tôi cũng đã xem bản dịch Nhật Xuất của bác. Những ngày gặp sau này ở Việt Bắc, đó là khi có cuộc hội nghị lớn thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam. Bác từ khu IV ra, phát biểu một số vấn đề về văn nghệ. Sau này còn có dịp nữa là tôi và bác đều là chấp hành của Hội. Tôi cũng được biết cách đối đãi của bác với bạn bè, trí thức, học trò, họ thường kể lại khi tới chơi với tôi. Đó là lòng ái mộ đối với một nhà văn có uy tín, sống trong sạch. Năm bác bảy mươi lăm tuổi, tôi muốn vẽ một bức tranh bác để tặng đúng ngày sinh nhật. Lúc ấy bác đang làm việc nhiều, nên tôi cũng không muốn bác phải ngồi nhiều cho mình vẽ. Tôi chỉ đến một lần, phác thảo nhanh. Có một phóng viên nhiếp ảnh chụp positions của bác, đằng trước, sau lưng v.v... Vẽ bằng trí nhớ là chính. Có lẽ lúc vẽ ông Giáp tôi phải nghĩ lâu hơn vì cần sự trang trọng của một ông tướng. Ông Mai thì là một người bình dị. Đó là một bức chân dung mà tôi cho là thành công nhất của tôi. Tôi vẽ chủ yếu bằng kỷ niệm. Kỷ niệm về thời Thăng Long Bác thường đưa cô Hà - có lẽ thế - lúc ấy còn bé đi theo. Trí nhớ của tôi không hiểu sao gần hình ảnh bác với một cái can dù lúc ấy bác còn trẻ. Hồi đó bác Mai hay mặc đồ trắng. Vì thế khi đến vẽ tranh bác sau này, dù hôm ấy bác mặc bộ đồ màu be nhưng tôi vẫn vẽ màu trắng. Cầm cái can - người đi tìm đường. Tôi nói với bác : tôi vẽ l'homme à la canne Bác hỏi màu tím sau lưng là màu gì. Màu vàng thì bác hiểu rồi. Tôi nói màu sắc quả có diễn đạt. Màu trắng là màu trong sạch. Một con người dù lúc cần tranh luận có đáo đẽ nhưng người ta vẫn mến. Còn về màu tím, đó là màu của gia đình. Một ông quan nhỏ áo tím. Bác hiểu ngay và ôm lấy tôi hôn. Rất cần ghi lại cái hôn đó.

Bức tranh ấy tôi tặng đúng ngày sinh nhật thứ bảy mươi lăm. Bác Mai cho ô tô đến đón tôi cùng bức tranh... chú lái xe tên là gì tôi quên mất rồi. "

Tôi còn đến nhà Văn Cao hai lần nữa để cảm ơn và mời anh chị đi dự lễ kỷ niệm mười năm ba tôi mất. Mười năm, còn nhanh hơn ngựa phi qua cửa sổ. Thậm chí tôi cũng chẳng nhìn thấy cái vó câu, mà chỉ thấp thoáng thấy cái bóng lướt qua Lầu sau cùng, đi cùng chị cả tôi tôi thấy Văn Cao đương có khách. Một nữ văn sĩ Airolen hoặc người Anh tôi không rõ và anh Dương Tường. Chị cả tôi ca ngợi bài Cung đàn xưa. Và Dương Tường hát bài Thiên Thai. Nữ sĩ chỉ bức tranh mà Văn Cao đã gọi là " Cổng trời ", bảo rằng nó giống như cái tháp Babel. Lại một huyền thoại nữa.

Sau đó, thỉnh thoảng, đi tới khoảng gần ngôi nhà quen thuộc mà ngay ngoài cổng là một cái chợ tạm, tôi nghĩ rằng phải vào thăm Văn Cao. Rồi lại nghĩ : Thôi để dịp khác.

Không bao giờ có dịp đó nữa. Ngôi nhà vẫn còn đó, với cái loa ở cột điện bên trái cổng. Còn cây sấu ngoài vỉa hè, tôi được chị Thúy Băng cho biết là nó đã chết trước khi Văn Cao mất một tuần lễ.

Chú thích:

(1) Chú thích của Diễn Đàn : đúng là Hoàng Thị Thế, con gái của Hoàng Hoa Thám [Đề Thám]. Sinh năm 1901 tại Yên Thế. Bà bị nhà cầm quyền thực dân bắt năm 1916, đưa sang Pháp năm 1916. Năm 1922 về nước, rồi lại bị đưa sang Pháp năm 1927. Bà sống ở Pháp cho đến năm 1961 mới hồi hương [về miền Bắc]. Trong những năm 1930, bà đóng nhiều phim : Bức thư, Chàng trai thanh lịch bí ẩn, Viên ngọc bí ẩn... Năm 1963, Hoàng Thị Thế viết một tập hồi kí bằng tiếng Pháp. Bản dịch tiếng Việt đã được xuất bản năm 1975 [Ty văn hoá Hà Bắc] dưới tựa đề : Kỷ niệm thời thơ ấu.

Con trai viết về người cha: "Văn Cao - đời và nghiệp"



Nhà thơ - nhạc sĩ Văn Cao

20 năm trước, một tai nạn quái ác đã cướp đi của Văn Thao đôi chân, nhưng ông vẫn không nguôi ước mơ viết về cha mình - nhạc sĩ tài hoa Văn Cao. Với nhà thơ Văn Thao, cuốn hồi ký "Văn Cao - đời và nghiệp", dự kiến xuất bản cuối năm, là cả một gia tài nghệ thuật.

- *Viết về Văn Cao, một nhân vật nhiều huyền thoại, hơn nữa lại là con viết về cha mình, tính khách quan trung thực của cuốn hồi ký này sẽ ra sao?*

- Con viết về cha, cha lại quá lớn, quá nhiều người biết nên cũng là một khó khăn... Nhưng tôi cố gắng trung thực với sự thật lịch sử. Tôi đặt nhân vật chính trong dòng chảy thời cuộc, không né tránh. Trong Văn Cao - đời và nghiệp, tôi gom góp những hồi ức của cá nhân, bạn bè và những người thân của cha tôi để làm thành nhiều giọng kể. Sự kiện được xoay ở nhiều góc

cạnh khác nhau. Chẳng hạn, viết về hoàn cảnh ra đời bài Tiến về Hà Nội, Trường ca sông Lô... tôi chỉ lọc ra những sự kiện tiêu biểu.

- *Còn những mối tình của nhạc sĩ Văn Cao thì sao?*

- Một người tài hoa lãng tử như ông có nhiều người yêu vụng nhớ thắm là chuyện đương nhiên. Song ông cụ cũng có những mối tình đơn phương không được đền đáp. Cuốn Văn Cao - đời và nghiệp không thể bỏ qua những mối tình, phần quan trọng và có tính chất quyết định đến sự nghiệp của cha tôi. Đây là lần đầu tiên tôi nêu tên thật và địa chỉ cụ thể của một số "bóng hồng" trong cuộc đời cụ.

- *Lúc sinh thời, bản thân nhạc sĩ Văn Cao không muốn mình trở thành nhân vật trong hồi ký. Vậy tại sao ông vẫn quyết định viết cuốn sách này?*

- Sinh thời, có nhiều người hỏi cha tôi tại sao ông không viết hồi ký, và lần nào cụ cũng gạt phắt đi, bảo: "Khi đã phải ngồi viết hồi ký thì tức là chỉ còn khả năng "nhai lại", chứ không còn khả năng sáng tạo nữa. Cuốn hồi ký sẽ là dấu chấm hết cho cuộc đời nghệ thuật. Những gì thuộc về con người thì đã nằm trong tác phẩm của tôi rồi..."

Tôi có dịp đọc một số tác phẩm viết về cụ, và rất ngạc nhiên bởi có những người chưa một lần gặp cha tôi nhưng cứ như đã quen biết từ lâu rồi. Thậm chí có nhiều chi tiết sai lệch so với sự thật lịch sử. Ví dụ, bài Tiến quân ca được sáng tác vào tháng 10/1944, được in trên số báo Độc Lập đầu tiên vào tháng 11/1944. Vậy mà người ta "sửa lại giấy khai sinh" cho ca khúc ra đời sau khi Nhật đảo chính Pháp (ngày 9/3/1945). Hoặc trong phim Mật mã 1789 có cảnh nhạc sĩ Văn Cao bị địch bắt giam cùng Tô Hoài và Nam Cao, đó là do đạo diễn "phóng tác" hay do nhà văn Tô Hoài nhớ nhầm? Sự kiện này không hề có trong cuộc đời Văn Cao. Tôi không muốn bênh vực hay thanh minh gì cho cha mình. Nhưng vì trách nhiệm với sự thật lịch sử nên tôi phải viết...

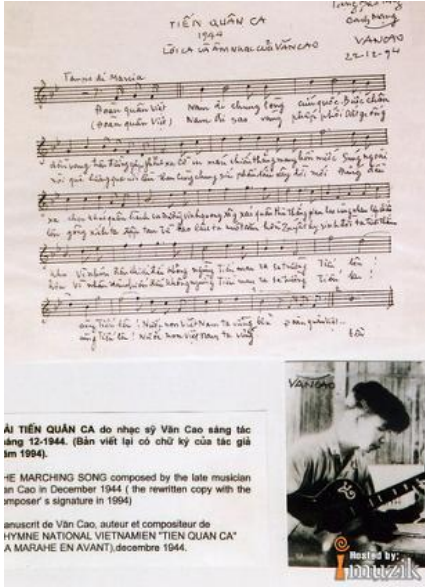
- *Ông đã thu thập tư liệu cho "Văn Cao - đời và nghiệp" như thế nào?*

- Tôi đã mất gần chục năm cho cuốn hồi ký này. Căn nhà một gian ở mặt đường Lê Duẩn vợ chồng tôi đã cho thuê, rồi chuyển vào cái nhà nhỏ thuê trong ngõ để dôi ra chút tiền. Bằng đôi chân giả, hơn chục năm nay, tôi đã lặn lội từ Nam chí Bắc, đến những vùng miền mà cha tôi từng qua để gặp gỡ nhân chứng sống, thu thập và xác minh sự kiện chứ không thể thuần túy dựa vào trí nhớ của cá nhân mình được. Những cuộc trao đổi giữa cha tôi với Nguyễn Tuân, Bùi Xuân Phái, Nguyên Hồng hồi ấy tôi đều có mặt, nhưng tôi vẫn cố gắng gặp lại những bạn bè còn sống của ông để xác minh lại cho chính xác.

- *Ông đã chuẩn bị cho việc ra mắt cuốn hồi ký đến đâu?*

- Văn Cao - đời và nghiệp sẽ xuất bản sớm nhất vào cuối năm nay. Sách gồm 3 phần, độ dày 1.500 trang. Đã có một số nhà xuất bản nước ngoài đánh tiếng mua bản quyền. Nhưng hiện tại tôi vẫn chưa ngã ngũ vì một vài lý do. Nói thật, tôi không sợ é hàng. Bởi lẽ tôi đã viết cuốn sách này một cách thành kính và trân trọng như sự nghiệp của đời mình, như con tằm đã nhả hết tơ.

**Nhân kỷ niệm 60 năm ngày
nhạc sĩ Văn Cao viết Tiến Quân Ca
Nguyễn Thanh Giang**



Chuẩn bị tiễn Văn Cao rời thành phố Sài Gòn về Hà Nội hôm mùng 5 tháng 8 năm 1993, nhà thơ Đỗ Trung Quân có đêm đã hình dung thấy ở trên trời: "Ngày mai có một chuyến bay cất cánh, tóc ông và mây, cái nào trắng hơn?". Cho đến bây giờ, nhìn lên những đám mây trắng ấy, cũng thế, tôi như vẫn thấy một Văn Cao tiên phong đạo cốt lẳng đặng đầu chốn Thiên Thai, trên một "chiếc thuyền lan, dưới hoa", "bằng khuâng chèo khua nước Ngọc Tuyền", để nghe "gió hát trầm tiếng ca, tiếng phách ròn lẳng xa". Để, trong cái "ánh trắng xanh mơ tan thành suối trần gian" huyền ảo kia, Văn Cao giỏi tìm về quê hương, và lại thấy:

*Một cánh tay sông Hồng
 Một cánh tay sông Lô
 Hai cánh tay
 như ôm Trung du
 thấy:
 Một nửa hình con trai ngày*

*lấp lánh sắc cầu vồng
 một nửa mình trăng
 đêm nằm nghiêng trên cát biển
 Quy Nhơn 1 (31 - 3 - 1985)
 thấy:
 Từ trời xanh
 rơi
 vài giọt thắp Chàm
 quanh Quy Nhơn
 Quy Nhơn 3 (15 - 4 - 1985)*

Thấy những "làng tôi xanh bóng tre", mà dưới khóm lá lẩn tẩn "lừng tiếng chuông, ban chiều", thường có:

*Vài ngôi nhà nhỏ nhỏ
 Vẫn ngày đêm lấp lánh
 mang vết thương xưa
 ngày đêm làm ngọc
 Quy Nhơn 1 (31 - 3 - 1985)*

*Ở đây tháng năm áp ủ
 Giấc mơ của mái nhà
 Giấc mơ của một người đang ngủ
 Giấc mơ (5 - 1 - 1972)*

...Vậy mà, Văn Cao ơi, sao ông vẫn không thôi khắc khoải:
*tôi không đi qua tôi
 để lại gì?
 Không để (1967)*

Không, ông đã để lại nhiều lắm. Đến nỗi chúng tôi dù đi xa đến bất cứ xứ sở nào; dù rời đây, sẽ nằm sâu trong ba thước đất, chợt vắng nghe thơ, nhạc của ông, chợt hình dung lại những bức tranh của ông, chúng tôi vẫn cứ còn như đang đi qua suốt cuộc đời này da diết, vẫn cứ còn da

diết lưu luyến những "chiều chưa đi sao gió vương?" nơi con "suối mơ bên rừng thu vắng", nơi bát ngát một dòng Lô với "Thu ru bến sóng vàng từng nhà mờ biếc chìm một màu khói thu"... của ông, của tôi, của nhân dân Việt Nam, của cả thế gian này. Làm sao ngợi ca ông cho xứng tâm tưởng tôi hằng tôn vinh ông. Chỉ xin có đôi dòng tản mạn thấp lên mấy nén hương trầm dâng tặng ông:

I. "Sinh ra tôi đã có Hải Phòng"

Câu thơ mở đầu trường ca "Những người trên cửa biển" này Văn Cao viết năm 1956. Sau này Nguyễn Khoa Điềm phóng tác thành: "Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi". Không biết câu thơ là "Sinh tôi ra..." hay phải là "Sinh ra tôi..." thì mới đúng. Dầu sao, đọc câu thơ trên, nhiều khi tôi cứ lẫn lộn, không biết Hải Phòng đã sinh ra ông hay ông đã góp phần sinh ra Hải Phòng. Cũng như chúa Giêsu sinh ra trong máng cỏ, hay chính Người đã sinh ra hoa trái cho đời? Ngày Văn Cao chào đời, "Đầu nhà mới trồng cây mận". Thật hạnh phúc cho cây mận nào được sinh cùng với ông. Để rồi... đau buồn sao cho cây sấu già trước sân nhà ông bỗng cùng gãy đổ ngày ông mất; lúc 4 giờ sáng mùng 10 tháng 7 năm 1995. Tuổi thơ ông, Hải Phòng sao âm đạm quá:

*Gió biển thổi về trắng trời, trắng đất
Mười năm chưa nguôi nổi
Mái rạ bờ tre xưa
Cả cuộc đời chỉ thấy rơi nước mắt
Chỉ nghe tiếng thở dài...
Ai biết Hải Phòng là đâu
(1956)*

*Thời đó Hải Phòng chỉ đủ nuôi
Những cuộc đời sau bức tường xám xịt,
lơ lửng than khói
Những bức tường hàng chục năm mưa nắng
Trong từng ô từng cửa sổ của dãy phố ven sông
Từng căn gác nhỏ chênh vênh chiếc dây phơi quần áo
Từng cái hầm nhà lom nhom lửa bếp
Những lá thuyền chen chúc nép bên nhau
Qua chiếc lưới phơi thấp thoáng bóng người
Cả cuộc đời của những con hà lông lánh
Bám chắc lấy chân cầu bao nhiêu năm trong bến...
Những ngày báo hiệu mùa Xuân
(1956)*

*Những con người cuối cùng tàn phé
Như những vỏ thùng dầu
Những đống than lò tắt lửa
Giạt ra bên ngoài thành phố
Đầu bờ cuối bãi lênh đênh
Ai biết Hải Phòng là đâu
(1956)*

Lớn lên, xa Hải Phòng, bỗng có ngày ông nhận được "Tin từ Hải Phòng lên, cho biết mẹ tôi, các em và các cháu tôi đang đói khổ. Bà đưa các cháu nhỏ ấy từ Nam Định ra Hải Phòng, đọc

đường đã để lạc mất đứa cháu gái con anh cả tôi. Nó mới lên ba. Đôi mắt nó giống như đôi mắt con mèo con. Có thể nó nằm trong đám người chết đói dọc đường năm ấy. Các anh tôi cũng đang chờ tôi tìm cách giúp đỡ. Năm ấy rét hơn mọi năm. Tôi ngủ với cả quần áo. Có đêm tôi phải đốt dần bản thảo và ký họa để sưởi. Đêm năm ấy cũng dài hơn mọi năm. Những ngày đói của tôi bắt đầu" (Tại sao tôi viết Quốc ca).

*Vậy mà ông vẫn quả quyết:
Tôi yêu Hải Phòng như Việt Nam nhỏ lại
Tôi yêu Việt Nam như tôi biết yêu tôi
Những ngày báo hiệu mùa xuân
Thực ra Hải Phòng không phải quê gốc của ông:
Tôi không có quê hương
Nghe đâu như Thái Bình, Hà Nam, Phủ Lý
Như Nam Định
Ruộng đất mênh mông trong tiếng hát
Quê mẹ quê cha cách một vườn trầu
Ai biết Hải Phòng là đâu*

Gia đình ông là một trong những dòng người tha phương đổ về cho Hải Phòng ngày một đô hội:

*Những hàng ren hàng thêu Nam Định
Những thợ giỏi làng Hồ làng Bưởi
Những giọng ca hay nhất Bắc Ninh
Lũ lượt đi vào tỉnh
Ai biết Hải Phòng là đâu*

II. "Thuở nhỏ lòng tôi hướng mãi ... "

Văn Cao họ Nguyễn, tên đầy đủ là Nguyễn Văn Cao. Ngày 15 tháng 11 năm 1923, Văn Cao cất tiếng khóc chào đời ở chân nhà máy nước Hải Phòng, trong một căn nhà nhỏ nhìn ra bến Bính. Cụ thân sinh lúc bấy giờ là giám đốc (thầy cai) nhà máy nước Hải Phòng. Cậu bé Văn Cao có thời từng được ô-tô đưa đón khi học tiểu học ở trường Bonnal, Nhật đảo chính Pháp, trường đổi tên thành trường Bình Chuẩn. Sau một thời gian bị đóng cửa, tháng 11 năm 1948 trường được tái lập và mang tên Ngô Quyền. Năm 1985, về dự kỷ niệm 65 năm thành lập trường cũ, Văn Cao đã ghi lại những kỷ ức học trò:

*Ta về tóc râu đã bạc
Sân trường hơn nửa thế kỷ trôi
đâu bạn bè xưa một thời trọc lóc
trong bức ảnh cời trần quần đùi
Thầy giáo khuất lâu rồi
làm sao còn khi ta cũng sắp
ơi ầu thơ những mảnh báo in thạch
ai trong đời còn lưu giữ dùm ta*

Ngay từ năm học lớp Ba, Văn Cao đã cùng hai người bạn thân là Trần Liễn và Doãn Tông hý húi nấu thạch làm tiêu bản in báo. Báo viết bằng mực tím, có số lượng đến mấy trăm bản. Tờ báo hấp dẫn đến nỗi vượt khỏi khối tiểu học, tán phát lên cả các lớp trung học. Khi lên trung học, Văn Cao chuyển sang học trường Saint Josef (nay là trường bồi dưỡng giáo viên Hải Phòng). Ngoài giờ tới lớp, Văn Cao học võ với một người tên là Tú. Để luyện cho võ nghệ cao cường, người thanh niên mới lớn này, lúc thì nắm tay đấm vào tường huỳnh huých, lúc thì đuổi

bàn tay thẳng đơ xọc vào thân cây chuối phập phập. Anh chàng còn bắt chước Tạ Duy Hiền dỗ dành cô Diệp -em gái út- đứng dang tay ép sát vào cánh cửa gỗ làm tiêu cho mình biểu diễn tài phóng dao găm chỉ chit quanh người. Trước biển, chàng thanh niên chí thú ôn văn luyện võ đã mơ hồ những dự cảm lớn lao:

*Thuở nhỏ lòng tôi hướng mãi
Theo những con tàu biển ra đi
Đến những đất đai tưởng tượng
Những người anh thủy thủ kể cho nghe
Nơi mọc đêm đêm những ngôi sao biển
Rực rỡ chân trời những hạt lưu ly
Tôi bơi như con cá dưới nước
Vẫn không bơi dài ra tới biển
Tôi theo những thuyền cá ra khơi
Vẫn chưa đi tới chân trời
Ai biết Hải Phòng là đâu*

Ở chàng thanh niên mới lớn đó, chắc hẳn không phải là lòng tự ty mà chính là sự tự thách đố. Cho nên, sau lời cảm thán:

*Cổ thét song lời tôi yếu quá
Ngựa đều chân chạy nhạc càng xa
Ai về Kinh bắc (14-10-1941)
là những khăng định quả quyết:
Ta ngày nay đợi từng mùa bình tĩnh
Như những người ươm cây
Hái hoa trái tự tay mình vun xới
...
Tôi giờ đây liếm môi nóng bỏng
Nhìn ra biển bao la
Lòng hãy còn nhiều khát vọng
còn rất nhiều khát vọng
Biến thành người khổng lồ kêu khát suốt ngày đêm
Là hoài vọng khôn cùng:
Nước ngọt của ngàn sông
Bao giờ đổ đầy lòng biển
Những ngày báo hiệu mùa xuân*

III. Chân dung người nghệ sỹ đa tài

Nhà thơ Thanh Thảo khi viết về Văn Cao đã như choáng váng, sửng sò: "Trong một Văn Cao có quá nhiều Văn Cao: Văn Cao thơ, Văn Cao hoạ, Văn Cao hiệp sỹ, Văn Cao Quốc ca, Văn Cao rượu đế... Một Văn Cao đa tài, đa nguyên, đa nạn... Một Văn Cao lặng lẽ như chén rượu mỗi sớm, lặng lẽ như những dòng chữ lít nhít trong sổ tay, lặng lẽ như Thơ...".

Không, Văn Cao không chỉ là một nghệ sỹ đa tài, nhà văn lão thành, giáo sư Đặng Thai Mai từng đánh giá: "Văn Cao là một viên ngọc trên bức khảm văn hoá- nghệ thuật của dân tộc Việt Nam". Phác hoạ cho được chân dung viên ngọc quý này thật khó. Chỉ xin dẫn ra đây mấy mảng ký hoạ của nhiều người đã gặp, đã cùng sống với Văn Cao:

Nhà văn Vũ Bằng: "Nói đến Văn Cao, ai cũng nhận là anh duyên dáng, quyến rũ người nghe chuyện từ buổi đầu gặp gỡ, và có những cử chỉ mã thượng để làm cho các cô gái yêu mến... Anh bé nhỏ, ốm như Thâm Tâm mà cũng cao hơn Thâm Tâm một chút, da hơi tái tái. Tóc anh

xoã xuống trán như một cái lưới trai, bờ phờ rủ xuống cặp lông mày hơi rậm, mũi cao, tiếng nói rụt rè và nhỏ. Cổ anh nhỏ, và điều làm cho người ta lưu ý nhất là anh lộ hầu và mắt cũng hơi lộ nữa."

Nhà thơ Vũ Cao: "...tôi thấy Văn Cao và Nguyễn Văn Bổng đang nằm trên một chiếc giường tre. Bổng Văn Cao chăm chăm nhìn tôi hỏi:

- Nghe giọng ông có vẻ người Nam Định lắm nhỉ?

Tôi nghĩ: chắc vì anh ấy là nhạc sỹ cho nên rất tinh khi nhận xét mọi thứ âm thanh. Xong, anh nhắc đến núi Hồ, làng Gạo, chợ Hầu, Trinh Xuyên ...Hoá ra anh với tôi là người cùng xã, chỉ khác thôn. Mà sao một cái thôn, cái xã nghèo khổ cơ cực như vậy, suốt nghìn năm không có lấy một ông Thám, ông Bổng nào, vậy mà bỗng chốc lại nẩy sinh ra một tài năng độc đáo như Văn Cao!"

Thi sĩ Nguyễn Trọng Tạo: "Đến bây giờ tôi vẫn nhớ giọng vang trong của ông đọc thơ trong quán rượu. Bài thơ " Năm buổi sáng không có trong sự thật " ông làm năm 1960 mà tôi tưởng ông vừa làm trong quán rượu năm 1980 này. Chúng tôi nghe như nuốt từng lời thơ ông vào tâm khảm. Khi ngấm rượu ông nói hay đến nỗi tôi có cảm giác là đang nghe ông trong giáo đường chứ không phải giữa chợ."

Nhà văn Nam Dao: "Văn Cao ngẩng đầu lên, dưới thẳng người. Những nốt nhạc nhảy nhót trên chín bậc thính không. Văn Cao cúi xuống, những nốt nhạc chìm dần vào những vực sâu tưởng sẽ mất hút. Văn Cao gục xuống, tiếng đàn nghẹn lại tằm tích mơ hồ. Mắt anh đầy nước mắt. Bổng Văn Cao vùng dậy, râu tóc dựng đứng. Râu tóc ấy đã bạc phơ, song cái xanh của con người trong anh dường có chút bóng đen của đêm tối, thì vẫn xanh. Tối hôm ấy, khi nắm tay Văn Cao tôi thấy ướt ướt, thì ra Văn Cao đánh đàn thế nào mà ngón tay ứa máu."

Hoạ sỹ Tạ Ty: "Vào mùa đông năm 1948, trời bên ngoài đen như than, mưa phùn, gió bắc. Chiếc mền Mỹ mỏng teo làm chúng tôi rét không ngủ được. Văn Cao nằm giữa, ngâm bài thơ "Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc". Giọng ngâm làm da thịt tôi tê rợn. Nó âm u hơn cửa Địa ngục. Nó rờn rợn như thể có ai đang cầm một miếng mảnh chai cạo vào chiếc lông tre khô. Nó ai oán thê lương hơn một bãi sa trường sau giờ tác chiến. Nó thấm vào hồn mình như từng giọt cường toan... Văn Cao là mẫu người đặc biệt. Với vóc dáng nhỏ nhắn. Với nụ cười lẳng chằm không thành tiếng. Với hàm răng ngắn, đều. Với đôi mắt lạnh lùng dễ sợ lúc giận dữ và dịu hiền khi tâm hồn chìm du vào dòng suy tưởng... Từng bước khẳng khái, Văn Cao hiên ngang đi vào lòng mẹ Việt Nam và được tiếp nhận nồng hậu. Chưa ai nghĩ tới và tưởng tượng nổi một Văn Cao trước những đối nghịch lớn, chứa đựng trong cái vóc dáng khiêm nhường ấy. Người ta có thể coi là huyền thoại khi nói về một Văn Cao vẽ giấy bạc giả để chi dùng trong khi hoạt động túng thiếu, đến lúc hành vi bị lộ, đã rút súng colt 45 chĩa vào những người có mặt, bắt họ giữ nguyên vị trí để mình rút lui, rồi sau ngày 19 tháng 8, mang giấy bạc thật đến hoàn lại số tiền đã trả bằng bạc giả với đôi lời xin lỗi... Văn Cao uống hai chai đế, da mặt cứ tái đi và thái độ vẫn ung dung hoà nhã như chưa uống giọt nào. Lúc trước tôi đã nghe nói về tửu lượng và sức hút thuốc phiện của Văn Cao. Theo anh em, Văn Cao có thể hút sáu bảy mươi điếu liền trong một tối và uống tối thiểu một chai cô-nhắc sếch. Lúc vui, tôi hỏi, Văn Cao xác nhận: "Đúng! "moa" uống và hút thế đó. Nhưng không nghiện thứ nào cả, có cũng vui, không cũng chẳng sao". Nói xong Văn cười, nụ cười không thành tiếng, tôi chỉ nhìn thấy hàm răng trắng nhỏ đều lấp lánh bên ánh đèn dầu lửa... "

Nhà văn Nguyễn Thụy Kha: "Đêm cuối xuân 1945. Gió rét. Hải Phòng chìm trong bóng tối. Một thanh niên nhỏ nhắn lạ mặt xuất hiện ở "vườn hoa đưa người". Không ai biết đấy là Văn Cao. Cải trang từ Hà Nội, khi về Hải Phòng ập vào nhà Doãn Tông, không ai nhận ra Văn Cao. Đêm nay, vẫn hình thù ấy, mặt mũi ấy, Văn Cao đến "vườn hoa đưa người", trong ngực giấu một khẩu Côn to và một khẩu Brao-ninh bé xíu".

Nhà điện ảnh Nguyễn Hà: "Điều quan ngại nhất, sức khỏe của ông quá kém. Tuổi mới 70 nhưng trong mình ông chứa đầy bệnh tật đã thành mãn tính. Một đốt xương sống bị gãy. Tim, gan, bao tử đều có chuyện. Huyết áp trời trụt vô thường... Oái oăm, muốn bồi dưỡng thì ông lại biếng ăn. Ngày chỉ hai chén súp nhỏ hoặc vài ly sữa. Sức khỏe chủ yếu được duy trì bằng mỗi bữa vài ly rượu tằm trong vắt. Cũng như Nguyễn Tuần xưa kia, ông bảo đấy là "tinh của gạo"

Nhạc sỹ Trịnh Công Sơn: "Anh Văn ngồi. Ngồi ở sạp gỗ cũ kỹ như đã ngồi hàng trăm năm. Ngồi tóc bạc phơ, râu cũng bạc phơ... Chỗ ngồi đã mòn. Lưng dựa đã mòn. Ngồi như thể có ích gì, anh Văn... Cho đến bây giờ tôi vẫn bị ám ảnh bởi cái không khí ảm đạm, cô đơn của những mùa thu đông ở Hà Nội, với hình ảnh một Văn Cao ngồi một mình với cốc rượu trước mặt ngày này qua ngày khác. Anh ngồi đó mà như một sự vắng mặt trước cuộc sống. Ngồi hơn hai mươi năm như một cái bóng. Ly rượu cũng biến thành cái bóng. Cái bóng của hai người. Người và ly-rượu-người. Thân thiết và chia sẻ cùng nhau những nỗi đời riêng, hiu quạnh, không còn ai khác có thể san sẻ giùm".

IV. "Ngoài kia lời non nước đang nhắc ta"

Trên đây là câu mở đầu một ca khúc Văn Cao viết năm 1945, sau này được Tổng Công Đoàn chọn là bài ca chính thức của công nhân Việt Nam. Bài này được xếp vào bộ tứ bình ca khúc: "Không quân Việt Nam", "Bài ca chiến sỹ hải quân" "Chiến sỹ Việt Nam" "Công nhân Việt Nam". Tất cả đều được sáng tác ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, năm 1945. Ông được suy tôn làm công nhân danh dự số một của Công ty Tem Việt Nam.

Từ ngày bị ty hiem và mất chức, cụ thân sinh Văn Cao phải về mở cửa hàng chữa thuê máy nước hồng, Văn Cao bắt đầu lam lũ, nhập vào đám con em thợ thuyền. Mười lăm tuổi, năm 1938, Văn Cao bỏ học vào làm điện thoại viên ở Sở Bưu điện ngay gần nhà. Chẳng bao lâu. chán cảnh làm viên chức quèn tù túng, Văn Cao rủ bạn bè lập nhóm du ca đi hát lang thang. Bài "Buồn tàn thu", ca khúc đầu tay, mở đầu cho sự nghiệp âm nhạc của Văn Cao chính là ca khúc được sáng tác cho nhóm du ca này biểu diễn. Nhóm du ca lúc lên Hà Nội, lúc về Hải Phòng. Cảnh tình tha phương của một nghệ sỹ lưu lạc gian truân giúp Văn Cao tiếp xúc càng gần hơn với khổ nghèo, với cuộc đời muôn mặt. Nhìn vào đâu cũng thấy thể lương:

*Những giỏ cơm lạnh ngắt nắm tro tàn
Xóm rợn mình người nằm đợi sang canh
Có tiếng khóc ở mấy nhà bên cạnh
Cửa gỗ mấy thây người đã lạnh*

...

*Thân xác xơ đói khổ sống âu sầu
Không đóm lửa chỉ chấp chờn trăng chiếu
Bến Ngự trên Thương cảng*

Về Hà Nội, ông thuê căn gác nhỏ số 171 Mongrant (nay là 45 Nguyễn Thượng Hiền) nhìn sang phố Khâm Thiên, một căn gác ọp ẹp:

*Nhà ta thuê mái gác tự mùa thu
Góc cô độc hương về phường Dạ Lạc
Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc
(1945)*

Từ góc nhìn này, ông càng cảm thông sâu sắc với những kỹ nữ bị dày vò như cánh hoa tàn tạ:

Ai hát khúc thanh xuân hờ ơ phấn nữ

*Thanh xuân hờ thanh xuân
Bước gần ta chút nữa thêm gần
Khoảng giữa tuổi thanh xuân nghe loạn trùng hút tử*

...
*Trên đường tối đêm khoả thân khiêu vũ
Kèn nhịp xa điệu múa vô luân
Run rẩy giao duyên khối nhạc trầm trầm
Hun hút gió nâng cầm ca nặng nhọc
Kiếp người tang tóc
Loạn lạc đòi nơi xương chất lên xương
Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc*

Cho đến một đêm quá rừng rợn khi Văn Cao chợt nhìn vào đêm đen và bắt gặp một chiếc đèn bão leo lét đu đưa trên chiếc xe ba gác chở xác người chết đói kéo qua mà tiếng bánh xe xiết xuống lòng đường như nạo vào xương tủy mình:

*Bánh nghiêng nhựa đường nghe sào sạo
Ai vạc xương đổ sọ xuống lòng xe*

Trái tim thắm đẫm nhân văn của người nghệ sỹ lớn bỗng như quặn thắt, Văn Cao thốt lên vô thức:

*Ta về gác chiếu chăn gào tự tử
Lời thét gào quần quai bi tráng này về sau đã quật cường lên thành tuyên ngôn:
Giữa sự sống và sự chết
Tôi chọn sự sống
Để bảo vệ sự sống
Tôi chọn sự chết
Chọn
(26-8-1957)*

Rồi ông trở về Hải Phòng, quyết tâm trừ khử tên Việt gian tay sai cho Nhật. Ông rủ Trần Liễn, một người bạn cùng học tiểu học, và Trần Khánh – em Trần Liễn, sau này trở thành một ca sỹ nổi tiếng của Đài Tiếng nói Việt nam – tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Trần Liễn đến trước chọn chỗ nằm hút ngay sau Đỗ Đức Phin. Dụ Phin hút thật phê, Lúc ấy Văn Cao đột ngột tiến vào, có Trần Khánh hộ vệ. Trần Liễn đọc nhanh bản tuyên cáo và Văn Cao nổ súng trúng đầu tên Phin, Văn Cao phóng xe đạp về nhà Doãn Tông cải trang rồi trốn biệt. Về Hà Nội ông còn bắn trượt Cung Đình Vận ở gần rạp hát cuối phố Huế.

Trước vụ ám sát Đỗ Đức Phin người ta còn nghi ngờ Văn Cao có dính líu đến vụ in và rải truyền đơn dẫn đến cái chết của một người tên là Nghiêm Xuân Huyễn. Nghiêm Xuân Huyễn, tước hiệu "Voi đen" nguyên là chủ hiệu ảnh Aristic ở phố hàng Đàn. Tuy nhiên bên trong hiệu ảnh lại là toà soạn và nhà in của tuần báo "Rạng Đông" và một tờ báo trào phúng lấy tên là "Con Ong" do Tam Lang Vũ Đình Chí chủ biên. Ngoài việc in báo, ở đây còn in truyền đơn. Nguyễn Xuân Huyễn do vậy bị Nhật bắt và "xin âm dương" cho đến chết ở trong nhà lao. Không biết ngẫu nhiên hay do tâm giao đồng chí mà Văn Cao đã trở thành con rể của nhà cách mạng này.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Văn Cao tự mình chỉ huy đoàn thanh niên xung phong đồng ca bài "Tiến Quân Ca" của mình.

Năm 1946 Văn Cao được cử cùng Hà Đăng Ấn chuyên chở vũ khí và tiền vào mặt trận Nam Bộ. Sau đó chính thức được mời tham gia Hội Văn hoá Cứu quốc và được bầu là Ủy viên Chấp hành.

Đầu năm 1947, ông được cử phụ trách một bộ phận điều tra đặc biệt của công an Liên khu 10 ở biên giới phía bắc. Tại đây ông được giao nhiệm vụ kết nghĩa với vua Mèo để lập ra một phòng tuyến bảo mật chống sự tràn sang của quân Tưởng khi thua trận...

Tháng 3 năm 1948, Văn Cao được kết nạp vào đảng Cộng sản Đông Dương. Cuối năm 1949, Văn Cao thôi làm báo Văn Nghệ chuyển sang phụ trách Đoàn Nhạc sỹ Việt Nam.

Văn Cao dẫn thân đi làm cách mạng với tâm niệm: "Càng tới gần cái cuộc sống đầy mâu thuẫn đấu tranh là càng như đi gần lại một kho thuốc nổ. Có người dao động và sợ hãi quay lưng lại. Có người vụng về mà làm nổ. Nhưng cũng có người can đảm biết làm nổ để mở đường" (Mấy ý nghĩ về thơ). Từ đây, lời ông đã từng như hồi kèn thúc quân giục giã: "... nước non đang chờ mong tay người, hồn sông núi khí thiêng ghi muôn đời ". (Chiến sỹ Việt Nam).

V. Nhạc sỹ, họa sỹ, nhà thơ. Tất cả đều tài danh

Với những "Suối mơ", "Thiên thai", "Tiến quân ca", "Bắc sơn", "Trường ca Sông Lô"... , người ta thường nhớ đến Văn Cao như một nhạc sỹ tài ba. Thực ra, ông được học có lớp lang hơn, không phải về âm nhạc, mà là hội họa. Ông đã theo học hai năm ở trường Mỹ thuật Hà Nội, song, theo các họa sỹ cùng lứa như Lương Xuân Nhị, Tô Ngọc Vân, Tạ Tỵ, Nguyễn Đỗ Cung thì tuy Văn Cao chỉ học với tư cách thính giả tự do nhưng cũng đã tỏ ra một tài hoa kỳ lạ, khó tả trong môn phái lập thể. Văn Cao từng có những thành công không kém gì âm nhạc từ rất sớm. Tại triển lãm Salon Unique năm 1943 ở Nhà Khai trí Tiến Đức, ba bức tranh sơn dầu của Văn Cao đã từng được treo ở chỗ tốt nhất của phòng tranh và được các báo khen ngợi. Đặc biệt là bức tranh "Le Bal aux suicidés" (Cuộc khiêu vũ của những người tự tử) . Ngoài ra còn có bột màu "Thái Hà áp đêm mưa" (1943), màu dầu "Sám hối nửa đêm " (1944), màu dầu "Phố Nguyễn Du" (1945), màu dầu "Lớn lên trong kháng chiến" (1952)...

Nhiều và nổi tiếng hơn là minh họa trên báo và bìa sách. Tranh minh họa của Văn Cao thường rất phóng khoáng với những nét đen đệt, khỏe. Ngựa và thiếu nữ trong các minh họa ấy rất độc đáo, trẻ trung, phảng phất chất sang trọng, quý phái. Những đường kỹ hà trong tranh Văn Cao hao hao như Kadinsky. Ông thường vẽ nhanh và nét bút vung mạnh, rất thần, rất thiên. Người ta cho rằng cái nhìn hội họa của Văn Cao có địa vị dẫn đường và chi phối. Những đề xuất của ông về một ngữ pháp mới cho đồ họa đến nay vẫn có khả năng khai thác và biến thể thành một thể hệ ngôn ngữ hội họa nữa. Tài năng hội họa của Văn Cao còn là một bí ẩn, chưa được khai thác, bộc lộ, và cũng chưa được làm sáng tỏ. Nói như nhà nghiên cứu Thái Bá Tân: "Nếu âm nhạc và thơ là một bản thể tươi tốt của anh, thì hội họa là một tri thức sâu sắc. Cách nhìn thế giới của anh nghiêng về hội họa. Là bởi phép viển cận của các thời đại hội họa, là tiềm thức sâu kín của phôi cảnh xã hội, nơi Văn Cao tỏ ra những nhạy bén về xúc cảm, và tinh tường trong quan sát." (Văn Cao-người đi tìm cái đẹp).

Trong một Triển lãm Hội họa ở Liên khu Ba, Văn Cao gửi tham gia một bức sơn dầu mang tựa đề "Cây đàn đồ" vẽ một người bộ đội ôm "Cây đàn chủ nghĩa". Sau này Văn Cao còn treo một bức sơn dầu lập thể khác vẽ một cậu bé thổi sáo bằng hai cái mồm. Một cái được vẽ từ cách nhìn thẳng, một cái được vẽ bằng cách nhìn nghiêng. Làm nền, phía sau cậu bé là đông nghịt những con người trong một tiết tấu đầy chuyển động của nhịp chiến tranh. Hai bức sơn dầu lập thể này đã gieo họa cho Văn Cao. Ông bị quy kết: hình thức lai căng, nội dung thì có vấn đề về tư tưởng!

Văn Cao nhiều lần tự định trước bạn bè: "Minh chưa bao giờ là nhạc sỹ cả", nhưng, ngoài những ca khúc rất nổi tiếng, chỉ bằng tự học một cách hết sức kiên nhẫn, ông đã tiến tới viết cả nhạc không lời. Ông đã hoàn thành bản giao hưởng thính phòng Anh bộ đội Cụ Hồ ngay trước ngày giải phóng Miền Nam và một số tác phẩm khí nhạc cho piano như Sông Tuyền, Biển đêm, Hàng dừa xa.

Ông viết nhạc cho cuốn phim "Đi bước nữa", phim "Chị Dậu", phim "Lửa rừng" và vở kịch "Vào tuyền" của Tất Đạt. Nét độc đáo là ở vở kịch này, ông cho 4 cây ghi-ta chơi từ đầu đến cuối. Ngoài "Vào tuyền" ông còn soạn nhạc cho các vở: "Gió xoay chiều", "Ta-nhi-a", "Lịch sử và nhân chứng", "Chỗ đứng"...; cho vở cải lương "Những người quyết tử" do đoàn Kim Phụng dàn

dựng. Song, không thể không nói đến vở kịch đầu tiên Văn Cao viết nhạc là vở "Bắc Sơn" của Nguyễn Huy Tưởng. Bài hát Bắc Sơn với ca từ bi tráng: "Khi nhìn châu xưa bóng cờ mấy ánh sao vàng. Đồn cao vách đá nép mây huy hoàng" không chỉ rền vang khắp miền "rừng núi ngàn tiếng hú căm hờn" suốt những năm dài kháng chiến mà còn được hát vang nhiều lần trong các đêm biểu diễn vở kịch này ở Nhà Hát Lớn thủ đô. Nguyễn Huy Tưởng sau đó nhiều lần đã bàn định với Văn Cao làm nhạc cho vở "Vũ Như Tô" của mình. Tiếc thay, chưa kịp xúc tiến thì Nguyễn Huy Tưởng đã mất sớm - ngày 25 tháng 7 năm 1960.

Nhà hát Cải lương Việt Nam thì coi Văn Cao là người góp công lớn sáng lập ra mình vì ông đã có công giữ được bà Dịu Hương, ông Năm Ngũ... trong một tổ chèo hồi còn ở chiến khu. Năm 1959, chuyển về công tác ở Ban Nghiên cứu Âm nhạc thuộc Bộ Văn hoá, ông đã biên soạn công trình nghiên cứu "Điệu thức năm cung trong dân ca đồng bằng và trung du Bắc Bộ". Ở đây ông đã có một đóng góp quan trọng qua luận điểm: Điệu thức Do Re Fa Sol La là điệu thức gốc trong dân ca đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Ở đó, âm quãng bốn của điệu thức (tức âm Fa) đóng vai trò chủ âm nằm ở bụng điệu thức.

Thơ Văn Cao cũng có vị trí nhất định trong thi đàn Việt Nam

Nhà thơ Nguyễn Trọng Tạo viết: "Những bài thơ của ông khiến chúng tôi nổi da gà, kinh ngạc vì thán phục. Thơ ông đẹp một cách quyết liệt. Thơ ông thật đến siêu thực. Thơ ông mới, bất ngờ như mầm cây vừa đội đất trời lên."

Nhà văn Nguyễn Thụy Kha: "Thơ anh không ồn ào. Chỉ những người mặc cảm về sự tẻ nhạt của mình mới ồn ào. Thơ Văn Cao là những khoảnh khắc lắng xuống dưới tiếng động. Người hời hợt, ham sự kiện có lẽ không hợp với thơ anh. Không bày tiệc mời, thơ anh là những viên tăng lực cho con người giữa đời sống cần lao, nhọc nhằn. Nó trụi trần nhưng không thô thiển. Nó đẹp nhưng không diêm dúa. Nó lắng buồn nhưng không chán nản. Thi pháp Văn Cao thật khó bắt chước nhưng tạo được ảnh hưởng mạnh tới thế hệ trẻ".

Nhà thơ Thanh Thảo: "Cái nhìn của Văn Cao trong thơ, nhiều lúc, là cái nhìn của một họa sỹ, nó bắt được cái thần của đối tượng chỉ qua vài nét phác. Sự giản lược tối đa, những khoảng trống, những khoảng lặng, tự làm khô lại như một củ huệ, lan chờ lúc bật mầm. Thơ Văn Cao gợi nhớ đến Ya. Ritxtốt hay thơ N. Hítmét. Đó là thơ của những người chỉ có một khoảng không gian hẹp trong đời sống, những người phải dè xẻn lương thực, những cây xanh phải tận dụng đến từng chiếc lá của mình để phát điện."

Nhà thơ Hoàng Cầm: "Đêm ấy tôi đọc hết bài thơ dài Những người trên cửa biển. Có những câu đầy khí thế, rất Văn Cao, ứ đọng những tư tưởng mới, những cách nhìn mới về xã hội, về con người, về thành phố cảng."

Giáo sư Hoàng Như Mai thì khái luận: "Văn Cao không nói nhân văn hiền từ như lời thuyết pháp của nhà truyền đạo hay ôn hoà như lời giảng bài của giáo sư. Anh nói nhân văn và nói mãnh liệt, quyết liệt, tính cách của tác giả Tiến quân ca".

Về văn, Văn Cao có đăng một vài truyện ngắn. Trước Cách mạng ông có một phóng sự tả về đời sống công nhân các nhà máy ở Hải Phòng nhưng tờ Tiểu thuyết Thứ Bảy không đăng có lẽ vì tính chất tố cáo quá mạnh của bài báo. Năm 1948, Văn Cao có viết một vở kịch mang tên "Cái hầm sống".

Ngoài thiên chức một nghệ sỹ lớn, Văn Cao còn là một nhà tư tưởng rất có tư chất khoa học. Đây là tuyên ngôn cổ súy mạnh mẽ tư duy sáng tạo đối với con người của ông: "Người ta yêu những người cố mở đường mà thất bại, yêu những người biết thất bại mà dám mở đường... Hôm nay, con đường lớn nhất của chúng ta là mở cho tất cả những giấc mơ, những khát vọng thuộc về sự sáng tạo của con người tự do phát triển bay đi xe mặt về ổ. Mở cho những giấc

mơ, những khát vọng tự do phát triển bao nhiêu là tập trung tất cả giấc mơ và khát vọng của con người làm thành mũi nhọn kéo lê đi phía sau cái thực tế chậm chạp " (Mấy ý nghĩ về thơ).

VI. "Này khúc Bồng lai... " và "Sông mênh mông như bát ngát hát..."

Trịnh Công Sơn - nhạc sỹ thiên tài, người vừa được nhận "Giải thưởng Âm nhạc Hoà bình Thế giới", một Nobel về âm nhạc, mang tên "Trọn đời vì hoà bình" – đã nói về âm nhạc của Văn Cao như sau: "Trong âm nhạc, Văn Cao sang trọng như một ông hoàng. Trên cánh đồng ca khúc, tôi như một đứa bé ước mơ mặt trời là con diều giấy thả chơi. Âm nhạc của anh Văn là âm nhạc của thần tiên bay bổng. Tôi la đà đi giữa cõi con người. Anh cứ bay và tôi cứ chìm khuất. Bay và chìm trong những thân phận riêng tư".

Những trí thức, những thanh niên sục sôi tinh thần cách mạng trước 1945 đã từng cuồng nộ với "Hò kéo gỗ Bạch Đằng Giang" (1941), "Gò Đống Đa" (1942), "Thăng Long hành khúc" (1943)... qua những ca từ hùng dũng: "Cổ bước bước trên đường thơm gió mát. Ta đi đi đi đi thăm gò xưa chất thây. Đống Đa còn chốn đây...", những "Ơi Thăng Long! Ơi Thăng Long! Ơi Thăng Long ngày mai. Xây đắp dưới vinh quang bằng chí khí anh hùng ...".

Các thế hệ học sinh sau Cách mạng Tháng Tám có lẽ không ai không thuộc bài Làng tôi. Ngày 10 tháng 2 năm 1993, sau buổi gặp giữa ông và một số trí thức Việt Nam với tổng thống F.

Mitterant, hai câu: "Ngày giặc Pháp đốt làng triệt thôn" và "Ngày khi quân Pháp qua" đã được đề nghị đổi thành: "Ngày giặc ác đốt làng triệt thôn", và "Ngày khi quân ác qua" .

Cái tâm trạng khổ đau của người dân mất nước:

Sao đàn u hoài gì mùa thu?

Sao đàn u hoài gì mùa thu?

Tri âm nghe thử dây đồng vọng

Lạc lõng đêm vàng khi nhạc ru

Một đêm đàn lạnh trên sông Hué

cái khắc khoải mông lung của một trí thức trẻ muốn tìm đường:

Sương buông chùng núi vấn vương

Tiếng chim lạ cất tiêu thương buồn trời

Cái gì cũng thấy chơi vơi...

Đêm ngàn

(22-11-1941)

có lúc đã đưa Văn Cao, cũng như nhiều trí thức đương thời, tìm đến thoát tục. Ông tìm lại Trương Chi để được sống với "Một chiều xưa trắng nước chưa thành thơ. Trầm trầm không gian mới rung thành tơ. Vương vất heo may hoa yển mong chờ. Ôi tiếng cầm ca thu tới bao giờ" (Trương Chi – 1942). Ông đến Bến Xuân (một trong mấy ca khúc viết chung với Phạm Duy), bước đi run rẩy:

... Tới đây, chân bước còn ngập ngừng

Mắt em như dáng thuyền soi nước

... Tới đây, mây núi đòi chập chùng

Liễu dương hơ tóc vàng trong nắng

Ông thả lòng trong Chiều buồn trên sông Bạch Đằng:

Chiều dần rơi sương buông non ngàn xa

trầm ngâm trên sông vắng

Bạch Đằng Giang sầu mơ bên lau xanh

với bến nước xa xôi

Thuyền ai kia trôi theo dòng sông xanh

*không vang một tiếng người
Buồn ai đứng nhìn con sông xanh biếc
ngày xưa mà nước mắt mờ rơi*

Ông cứ thế, lang thang buồn rồi lạc vào Thiên Thai khi 18 tuổi. Song, nỗi buồn ông cao quý quá, đẹp quá. Nó vút lên thành: "Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng ...". Để ca ngợi Thiên Thai một cách muôn mản, khiến cưỡng, Trần Bạch Đằng, cho đến năm 1986, mà còn viết: "...nếu hiện nay, Văn Cao vừa sáng tác xong bài Thiên Thai thì... đề anh xuống mà nện. Còn nữa thế kỷ trước, đó là chuyện khác". Tôi thấy khó mà đồng ý được với ông Trần Bạch Đằng. Thiên Thai lúc nào cũng là Thiên Thai. Cái chốn tràn trề những "nguồn hương duyên theo gió tiếng đàn xao xuyên", cái chốn "Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần" kia luôn luôn là niềm mong tưởng trong sáng; là mục tiêu tốt cùng của cách mạng. Tôi ước sao thanh niên ngày nay biết mê Thiên Thai để bớt xài hồng phiến, rủ nhau lao vào nhẩy xéch thác loạn; bớt lời kéo nhau vật lộn điên cuồng làm giàu bằng mọi giá; và tán tưng hết lối ẩm thực phương Đông đến lối ẩm thực phương Tây. Hát Thiên Thai, tôi nghĩ, sẽ cũng là một cách thiền để người ta vượt được lên trên những dục vọng vật chất tầm thường. Và chẳng, dù có lạc vào Đào Nguyên thì Văn Cao vẫn tỉnh táo nhìn thấy "Ành trăng xanh mơ tan thành suối trần gian"; vẫn ngậm ngùi cùng bày Tiên: "Nhớ quê chiều nào xa khơi. chắc không đường về Tiên nữ ơi" kia mà. Nó cũng giống như Tản Đà: "Nửa năm Tiên cảnh. Một bước trần ai. Ước cũ, duyên thừa có thể thôi!"

Giai điệu Thiên Thai biến hoá diệu kỳ, khiến người nghe thấy "Khi cao vút tận mây mờ. Khi gần vát vèo bên bờ cây xanh". Ngâm lên câu hát "Gió hát trầm tiếng ca. Tiếng phách ròn lẳng xa" hay "Này khúc Bồng Lai, là cả một thiên thu trong tiếng đàn chơi vơi" ...người ta tưởng như đang được tấu lên những tiết điệu réo rắt của ca trù tuyệt diệu. Tuy nhiên có nhạc sỹ lại liên tưởng Thiên Thai với nhạc phẩm trữ tình nổi tiếng của nhạc sỹ Pháp hiện đại Debussy và cho rằng, trước Văn Cao, những tác giả ca khúc Việt Nam khác, chưa ai tổ chức ca khúc trên một hình thức mở rộng như thế và mang chứa một nội dung phóng khoáng như thế. Thiên Thai được biểu diễn lần đầu tại Nhà Hát Lớn Thủ đô do tốp ca nữ trường Đồng Khánh (Trường Trưng Vương ngày nay), có phần múa phụ hoạ do nhạc sỹ Văn Chung biên đạo và dàn dựng. Nhờ bản dịch tiếng Anh của Xuân Oanh, bài hát được lan truyền đến nhiều nơi trên thế giới và là bài hát Việt Nam đầu tiên được người Mỹ hát từ giữa thế kỷ trước. Thiên Thai cũng được chọn đưa vào băng nhạc để các phi hành gia Mỹ đem vào vũ trụ trên tàu Apollo. Áo huyền với Thiên Thai "nao nao bầu sương khói phủ quanh trời", nghiêng tai vào "Bờ xanh ngắt bóng đôi cây thủy dương" để nghe cho được con suối mơ "hát theo đôi chim quỳên", bỗng một ngày Văn Cao ào ạt, tràn trề với "Sông Lô đang xuôi mau. Tin về đồng lúa reo mừng". Xướng lên ngồn ngàng những "sóng ngàn Việt Bắc", "bãi dài ngô lau", "núi rừng âm u" trong câu nhạc mở đầu điệp trùng như không dứt: "Sông Lô sóng ngàn Việt Bắc, bãi dài ngô lau, núi rừng âm u" rồi hoạ lại mệnh mang một "Thu ru bến nắng vàng từng nhà mờ biếc chìm một màu khói thu" để rồi ngay sau đó cao độ âm thanh được nâng lên 3 giọng và giữ nguyên qua 4 nốt nhạc như để cất lên đồng vọng tuyên cáo: "Sông Lô, sóng ngàn kháng chiến cháy bờ lau thưa đã tàn thôn trang"; trường ca Sông Lô như một bài hịch, như một cuốn phim, như một bức tranh liên hoàn, như một cuốn truyện nhiều tình tiết hấp dẫn với những: "mùa thu tới nước băng qua ngàn nước in ven bờ xanh ôm bóng tre", "Phan Lương vui bóng thuyền. Lều dựng lên ven sông, bóng người sầm uất bến Then", "Bên sông Lô đắp nhà. Bao dân trong khu Mười, mơ thành người sông Lô"; với cảnh hoang tàn: "Về trong đêm gió rét. Từng sân bao bóng người quanh lửa hồng. Nền khô tro than xám. Đêm chìm đợi ánh chiều dương". Câu nhạc lúc ở trên nguồn cao, lúc lên lóng tràn ra đến biển: "Dòng sông Lô trôi. Dòng sông Lô trôi "; lúc dồn dập hành quân chiến đấu hay hăng say lao động: "Vui hát ca hoà, vui hát ca hoà dân buông lưới... Vui hát ca hoà, vui hát ca hoà chí chiến đấu "; lúc nhõn nhõn thư thái: "Đời vui vút lên. Đời vui sướng về"....

Ở Việt Nam chắc chắn chưa có bài hát nào về một con sông hay đến thế, hào hùng đến thế. So với thế giới hình như cũng vậy. Bài "Dòng Danube xanh" chỉ tả được cảnh thiên nhiên, ở Sông Lô có cả cảnh chiến đấu và chiến thắng.

VII. Bản Tiến Quân Ca bất hủ

Vào những năm trước Tổng khởi nghĩa, ở chiến khu chưa có bài hát mới nên các chiến sỹ cách mạng thường phải hát những bài hát của hướng đạo. Theo Văn Cao kể, ông viết Tiến Quân Ca là theo "đơn đặt hàng" của một cán bộ bí mật tên là Vũ Quý, để kịp có một ca khúc cách mạng cho khoá quân chính kháng Nhật đầu tiên sắp mở. Vũ Quý vốn đã theo dõi những hoạt động nghệ thuật của Văn Cao từ ít năm trước và đã từng khuyến khích Văn Cao sáng tác những bài hát yêu nước như: Đống Đa, Thăng Long hành khúc, Tiếng rừng... Vũ Quý còn là người đầu tiên trực tiếp đưa Văn Cao vào đội ngũ cách mạng.

Tháng 10-1944, Tiến Quân Ca được viết xong tại số nhà 45 Nguyễn Thượng Hiền- Hà Nội.

Tháng 11-1944, Văn Cao tự tay viết lên đá để in litô bản Tiến Quân Ca trong trang Văn Nghệ đầu tiên của báo Độc Lập. Quốc hội nhất trí xét chọn và ngày 13-8-1945, Tiến Quân Ca được chính thức công bố là Quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Vậy là, ngẫu nhiên mà trùng hợp. Cả Rouget de Lisle ở Pháp khi viết Marseillaise cũng như Văn Cao ở Việt Nam khi viết Tiến Quân Ca đều không hề nghĩ rằng mình đang viết Quốc ca. Có điều Rouget de Lisle chỉ là một đại úy công binh chứ không trở thành một nhạc sỹ lừng danh như Văn Cao.

Thật ra cái hào khí bừng bừng trong Tiến quân ca đã được phát khởi từ Gò Đống Đa (1942): "Lời đoàn quân trước trong gió rung bao cờ bay. Còn rền theo trống chiêng lừng khua trong chiều nay. Hỡi dũng sỹ ái quốc ngại gì bao nguy khó. Giữ đất nước thống nhất bao người đang ngóng ta. Tiến quân hành khúc ca. Thét vang rừng núi xa"; từ Thăng Long hành khúc (1943): "Nhị Hà còn kia. Nhị Hà còn đó. Lũ quân chàng Tôn sập cầu trôi đầy sông. Tháp đây, gươm thần đâu dưới nước biếc... Xây đắp dưới vinh quang bằng chí khí anh hùng..." . Cái khí thế bừng bừng đó càng bột khởi mạnh mẽ trong năm 1945. Chỉ riêng trong một năm Tổng khởi nghĩa này Văn Cao có hàng loạt hành khúc chiến đấu: Không quân Việt Nam, Bài ca chiến sỹ hải quân, Chiến sỹ Việt Nam, Bắc Sơn, Công nhân Việt Nam. Cái hùng khí cách mạng rất mạnh mẽ, rất quyết liệt nhưng cũng rất lãng mạn trong những hành khúc này còn thôi thúc mãi trong tâm tưởng thế hệ chúng tôi và âm vang của nó hẳn sẽ còn làm khoẻ mạnh tinh thần nhiều thế hệ sau nữa.

Thế mà! Không biết do không ưa tác giả hay do không đủ tâm, đủ trí chiêm nghiệm nổi cái giá trị lịch sử, cái hồn thiêng khí phách của bài Tiến Quân Ca bất hủ mà bỗng dưng người ta ra Nghị quyết và âm ỉm tổ chức thi sáng tác quốc ca để thay thế. Trong cuộc vận động sáng tác rầm rộ này người ta đã chọn ra 17 bài trong vòng sơ khảo. Tất cả đều được ấn hành với số lượng lớn và Đài Phát thanh đã phát oang oang trên cả nước suốt một thời gian dài. Phấn khích bởi sự khích lệ rơn rã của hệ thống tuyên truyền, người viết bài này cũng đã từng hồ hởi tham gia. Bài " quốc ca" của kẻ ngạo mạn này không được chọn vào vòng nào cả. Có chăng chỉ được vài anh chị em tập và hát nghêu ngao trong cơ quan. Bây giờ nghĩ lại thấy xấu hổ quá!

Trộm nghĩ, nếu không muốn dùng Tiến Quân Ca nữa thì còn một bài ca khác cũng rất xứng đáng sử dụng làm Quốc ca. Nhưng, bài đó cũng chính là của... Văn Cao: bài Chiến sỹ Việt Nam. Ở bài Chiến sỹ Việt Nam, có một đoạn mà tôi thấy còn thích hơn cả Tiến Quân Ca: "Thề phục quốc. Tiến lên Việt Nam! Lập quyền dân Tiến lên Việt Nam! Đài hạnh phúc đắp xây tự do. Việt Nam tranh đấu chống quân ngoại xâm".

Như là "đồng khí tương cầu", nhà thơ Phùng Quán cũng đã từng hết lời biểu dương bài Chiến sỹ Việt Nam. Tôi xin được chép lại nguyên văn một bài thơ Phùng Quán nói về Văn Cao, về bài hát này:

*Giữa chiến khu võ vàng đôi khát
Cả tiểu đội tôi chỉ còn mắt với răng
Như một đồng ca chúng tôi lên cơn sốt rét
Lên cơn sốt rét, Chúa Trời cũng phải rên
Chúng tôi hát:
Bao chiến sỹ anh hùng!...
Có một điều anh không bao giờ ngờ được
Chúng tôi đã cải biên khúc quân hành bảo tấp của anh
Thành nhạc không lời
Thành một điệu rên...
Cả tiểu đội tôi chỉ một mình tôi còn sống
Những người đã rên theo điệu quân hành của anh
Đã ngã xuống
Như những anh hùng
Trong những bài ca bất tử của anh!...
Những năm tháng trường chinh
Nằm gai nếm mật
Chúng tôi thường mơ đến Anh
Như trẻ nhỏ mơ những anh hùng truyền thuyết
Chúng tôi thường mơ...
Một hôm nào đó
Nhạc sỹ Văn Cao bị bốn bề súng giặc
Chúng tôi sẽ xông ra lấy ngực che đạn cho anh!
Chúng tôi thường mơ...
Trên chiến trường quê hương Trị thiên
Chúng tôi sẽ đánh một trận lừng danh đất nước
Trên sông Hương, sông Thạch Hãn, sông Bồ...
Để anh về anh viết trường ca
Như trường ca sông Lô...
Anh Văn Cao
Cuộc đời tôi quá hiếm hoi niềm vui
Hiếm hoi hạnh phúc
Niềm vui lớn nhất
Hạnh phúc lớn nhất
Đời tôi
Là được gặp Anh!
Được thay mặt những người đồng đội đã khuất
Nói với anh một lời gan ruột:
Tình chúng tôi yêu anh*

Chép nguyên xi một bài thơ dài của tác giả khác vào bài viết của mình có thể xem là một sự lạm dụng. Nhưng, tôi thấy bài thơ hay quá, chỉ riêng nó đã nói được hơn nhiều lần về Văn Cao so với bài viết lê thê này. Cho nên tôi vẫn cứ xin chép để sự suy tôn Văn Cao càng được nhân lên.

VIII. Những dự báo đã thành hiện thực

Tưởng cũng nên hơn một lần nhắc lại rằng Văn Cao không chỉ là một nghệ sỹ tài ba mà còn là một nhà khoa học. Ông luôn cổ vũ, biểu dương cái mới. Ông có tư duy khoa học và diễn giải

cũng rất khoa học: "Cái mới đâu phải là những cái không sẵn có. Sự làm mới những cái sẵn có cũng là một phương pháp sáng tạo", "... Một trong những hướng xây dựng nhân vật là đào tạo cho xã hội những người biết khai thác, khám phá, phân tích thực tế và mở đường cho tương lai" (Mấy ý nghĩ về thơ) Ông có nhãn quan vượt thời đại, có tầm dự báo chính xác đến ngạc nhiên. Cách mạng Tháng Tám vừa thành công, ông đã dự báo ngay về những binh chủng hiện đại sẽ có trong lực lượng vũ trang của ta qua Bài ca chiến sỹ hải quân, Không quân Việt Nam. Còn ở chiến khu chống Pháp với những nhóm quân so với quân đội Pháp chỉ như "châu chấu đá voi" mà ông đã hình dung cái buổi tiễn về Hà Nội rõ rệt như đang diễn ra trước mắt: "Năm cửa ô đón mừng đoàn quân tiến về. Như đài hoa đón mừng nở năm cánh đào chảy dòng sương sớm long lanh... Khi đoàn quân tiến về là đêm tan dần. Như mùa xuân xuống cánh, đường nghe gió về, Hà Nội bừng Tiến quân ca" (Tiễn về Hà Nội – 1949). Hát bài hát lên, người hát ngày ấy, khi chưa được trở về Hà Nội, hay bây giờ đều như thấy mình đang thật sung sướng đứng giữa rừng cờ hoa ngày Thủ đô giải phóng. Điều kỳ lạ hơn là ông không chỉ dự báo lạc quan mà còn cảnh báo được những ẩn họa đằng sau tấm huân chương. Ông nói như Kinh Dịch:

*Những bó hoa mang tới
chúc tụng
Thành công một con người
Hằng ngày hằng ngày
Xây thành cái mồ chôn
Con người thành công ấy
Đôi khi người ta bị giết
bằng những bó hoa
Những bó hoa
(17-3-1974)*

Điều cảnh báo này không ngờ nghiệm rất đúng ngay cả cho ông Tổng Bí thư Đảng nước ta sau chiến thắng 1975! Ông nói vừa như về khoa học tự nhiên, vừa như giảng giải triết học:

*Tin tất cả và hoài nghi tất cả
Chúng ta là những kẻ chài quen biển
Thấy ngọn lửa quay đầu
Biết bão táp đang trở mình trên mặt sóng
Những ngày báo hiệu mùa xuân*

Thì ngọn lửa quả đã quay đầu rồi. Quay về kinh tế thị trường, về tư bản hoang dã; chỉ còn cái khẩu hiệu dối lòng được giương lên thật cao: Định hướng xã hội chủ nghĩa! Sau cái chết khó hiểu của Vũ Quý, ông giật mình nhận ra trong cuộc đời, và ngay trong Đảng của ông:

*Tôi đã nhìn thấy chung quanh tất cả
Những con người và con vật
Dững cảm và hèn nhát
Cao quý và ty tiện
Trung thực và bất lương
Trong mùa xuân đời tôi
Ông thảng thốt tố cáo:
Trong những ngày khó khăn chồng chất
Kẻ thù của chúng ta xuất hiện
Những con rồng đất khi đỏ, khi xanh
Lẩn trong hàng ngũ*

*Những con bói cá
Đậu trên những dây buồm
Đang đo mực nước
Những con bạch tuộc
Bao tay chân cố dìm một con người
Đất nước đang lên da lên thịt
Đất nước còn đang nhỏ máu ngày ngày
Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng như trái vải
Đã thấy loài sâu nằm tròn trong cuống
Chúng muốn các em nhỏ mới biết đi phải rụng
Mòn mỗi dần sức vỡ đất khai hoang
Làm rỗng những con người lụi dần niềm hy vọng
Héo dần mầm sáng tạo mất phẩm giá con người
Chúng nó ở bên ta trong ta lén lút
Đào rỗng từng kho tiền gạo thuốc men
Tôi đã thấy từng mặt từng tên xấu chuôi
Tôi sẽ vạch từng tên từng mặt
Hãy dừng lại
Những tên muốn ôm cây mùa xuân không cho mọc
Những tên muốn cây to che cóm mầm non
Những người trên cửa biển*

Những kẻ "Đào rỗng từng kho tiền gạo thuốc men" ngày ấy, nay nhung nhúc trong Đảng, trong xã hội ai cũng thấy; nhưng còn "Những con rỗng đất khi đỏ khi xanh", khi ngã theo Liên Xô, khi sà vào lòng Trung Quốc; gõ mõ thật to để tụng niệm "Tư tưởng Hồ Chí Minh" mà thực tế ngược lại Hồ Chí Minh; thậm chí đã từng tổ chức hãm hại Người; "Những tên muốn ôm cây mùa xuân không cho mọc. Những tên muốn cây to che cóm mầm non ". "Làm rỗng những con người lụi dần niềm hy vọng. Héo dần mầm sáng tạo mất phẩm giá con người" thì đâu có dễ vạch mặt chỉ tên, vì chúng là "Những con bói cá. Đậu (tít) trên những dây buồm". Chúng là bọn hãnh tiến, là những tên cơ hội nguy hiểm nhưng lại đủ quyền đủ thế để lu loa người chân chính là cơ hội. Đối với đất nước, với dân tộc, chúng là thế lực phản động nhưng lại oang oang vu khống những người nghĩa khí là phản quốc, phản Đảng, thậm chí là gián điệp! Có lúc Văn Cao đã dám rứt rề vạch mặt một trong những tên đầu xỏ bạc thầy đó:

*Tôi đã gặp lại anh
Im lìm như một bức ảnh
Người anh dẹt như một con dao
Gây nhiều vết thương cho bạn hữu
Anh mang trong tôi nhiều bộ mặt
Đâu là cái cuối cùng
Chỉ còn hai con mắt
Trắng dã không thể dối lừa
Về một người
(1960)*

Nhìn vào bức chân dung ai cũng nhận ra được một nhân vật tác oai tác quái một thời, nhưng không ai dám nói thẳng tên ông ta. Ông ta đã từng hãm hại rất nhiều hiền tài, kể cả những công thần đại danh của cách mạng, đến như tướng Võ Nguyên Giáp. Nhưng rồi, chắc chắn lịch sử sẽ phán xử công minh. Thật chua xót khi cho đến ngày nay, nhìn lên, ta chỉ thấy:

*Còn lại những đám khói đen
Đọng giữa trời sương sớm*

*Ai biết Hải Phòng là đâu
Cho đến ngày nay dân tộc ta vẫn phải
Đêm đêm cầu nguyện bên đèn
Chưa thấy ngày mai hừng sáng
Chỉ thấy những xác thiêu thân
Chết trên mặt bìa những cuốn sách kinh
Những pho tượng không bao giờ nói
Hai con mắt nhìn an ủi
Ngón tay không chỉ rõ đường
Tình yêu và khát vọng
(1956)*

Đánh giá về Văn Cao vĩ kiến, tôi thật tâm đắc với Nguyễn Thụy Kha khi ông viết: "Tôi nhớ câu thơ của nhà thơ Liên Xô Andrei Vonhexenxki: "Không thể chịu được khi không có tài năng – nhưng khi có tài năng lại cũng không chịu được". Thật không muốn nhắc lại những gì đã qua, nhưng trong ngót nửa thế kỷ này ta không thật sự nuôi dưỡng những tài năng lớn. Tâm nhìn thiển cận đã tự làm nghèo mình đi bao nhiêu. Cũng là tài năng thơ nhưng có người suốt một thời chỉ nhằm tạo ra hiệu quả trước mắt cho cách mạng. Hành động đáng quý đó xảy ra với Maiacopxki ở Liên Xô, với cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh ở Việt Nam. Nhưng không tạo ra hiệu quả kịp thời không có nghĩa là chống lại cách mạng, mà chính họ - những nghệ sỹ ấy muốn đem lại cho cách mạng những giá trị đích thực và dài lâu. Hành động đó cũng đáng quý như hành động kể trên. Không so sánh tài năng, chỉ đồng nhất hiện tượng, có thể kể ra ở Liên Xô cũ là Boris Pasternak, còn ở Việt Nam là Văn Cao và một số tài năng cùng thế hệ anh".

IX. "Có lúc nước mắt không thể chảy ra ngoài được"

Sau suốt một đời hô hào "dắt giống nòi quê hương qua nơi lâm than. Cùng chung sức phấn đấu xây đời mới" và bản thân đã từng xả thân chiến đấu cho độc lập dân tộc, cho cái chân, cái thiện, cái mỹ, Văn Cao đã từng có thời khắc được ngợi lên khúc khải hoàn ca:

*Từ đây người biết quê người
Từ đây người biết thương người
Từ đây người biết yêu người
Mùa xuân đầu tiên*

Tuy vậy, trên kia vẫn là tiếng kêu buồn của ông gửi trần thế mà tất cả những lương tri còn lại trên đời không thể không xót xa, trần trở:

*Có lúc
một mình một dao giữa rừng đêm không sợ hổ
có lúc
ban ngày nghe lá rụng sao hoảng hốt
có lúc
nước mắt không thể chảy ra ngoài được
Có lúc
(1-1963)*

Suốt gần hai chục năm trời, ngoại trừ Quốc ca, hầu như các bài hát của Văn Cao không còn được hát, thơ Văn Cao không thấy được in. Ông phải lao đao mưu sinh bằng vẽ bìa sách, minh họa báo, sáng tác nhãn diêm, tem thư ... Tất cả đều không được ghi bút danh thật mà chỉ có chữ "Văn". Nhà văn Sơn Tùng kể, có hôm ông lách thếch đi bộ từ nhà sang gõ cửa gọi vợ mình: "Chị Mai ơi! chị còn tiền đi chợ không, đem mua chút rượu về đây uống, mai kia có nhuận

bút cái tranh minh hoạ ở báo Văn Nghệ tôi lại đưa chị". Trong những cuốn sách ký tặng nhà văn Sơn Tùng, có cuốn ghi: "Thân mến gửi anh chị Sơn Tùng tập nhạc này để nhớ nhiều ngày đã ăn cơm nhạt" (Xuân Canh Thân).

Một hôm khác, đã gần khuya, bỗng có tiếng đập cửa nghe rất hung bạo. Vừa mở cửa, thấy sững người vì trước khung cửa là một khuôn người lực lưỡng, mặt méo mó như có sẹo. Lấp ló phía sau là Văn Cao rã rời, không còn thần sắc. Hắn nắm cánh tay đẩy Văn Cao vào:

-Khuyết rồi. Báo đưa về nhà với vợ, không chịu. Chỉ đường đưa tới đây!

Lúc tỉnh dậy, Văn Cao rùng rợn kể lại chuyện có người đến nhà rủ ra quán. Một bọn hùa nhau đổ cho Văn Cao thật say rồi gọi xích lô chở đi. Rã rượu, Văn Cao nhận ra hình như đang nằm trong một cái động nhà thổ, ghê sợ lắm. (Người ta dễ dàng liên tưởng đến vụ kéo nhà thơ Bùi Minh Quốc đi hát Karaoke và vụ rủ tướng Trần Độ đến khách sạn Hữu Nghị để bố trí quay phim, chụp ảnh).

Vì sao Văn Cao có thời gian dài "ngồi chơi xơi nước", có "nhiều ngày ăn cơm nhạt"? Quả tình Văn Cao chưa hề bị tù như Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Cung... Nhưng đối với những trí thức như Văn Cao, cái đòn "đắm đuối người trên cạn mà chơi" còn độc ác, còn gây đau khổ gấp mấy lần tù giam lỏng. Một số anh em trẻ hỏi tôi lý do Văn Cao bị xử lý. Câu trả lời của tôi nói chung không đủ sức thuyết phục và họ đều cho rằng tôi không nắm được vấn đề. Tôi đi hỏi thêm một số người được xem là có dính dáng đến Nhân văn Giai phẩm. Chẳng câu trả lời nào nghe cho thật có lý. Chính bản thân Văn Cao cũng không hiểu vì sao:

*Tại sao tôi chạy?
tôi không hiểu tôi
cả phố đuổi theo tôi
xe cộ đuổi theo tôi
tôi chạy bạt mạng
gần hết đời
tới chỗ chỉ còn gục xuống
tỉnh dậy mồ hôi chảy
tôi lại thấy tôi là người chưa phạm tội
tôi rơi vào mạng nhện
mạng nhện cuốn lấy tôi
không còn cách gì gỡ được
tôi như con sâu tằm
cuộc đời cứ như thế
muốn phá cái mạng nhện
tôi không đủ tay
Ba biến khúc tuổi 65*

Cho đến bây giờ, được lạc vào Thiên Thai rồi, chắc Văn Cao càng không thể nào hiểu được. Chỉ còn vọng lại những tiếng kêu buồn thảm thiết:

*Tôi chỉ còn thoảng nhớ
Một cái nhớ thuộc về cơ thể
Những vết roi còn nằm trong da thịt nhiều năm
Những tiếng chửi vọng suốt thời tôi sống
Không nhớ
(19-12-1963)*

*Chúng ta ngủ tìm một cơn mộng
Quên một ban ngày đã qua
nhọc nhằn chịu đựng*

Quên
(25 - 6 - 1957)

*Không
đất này mọc lên
từ
nước mắt!
Quy Nhơn 3*
(15 - 4 - 1985)

Nhưng Văn Cao dứt khoát không bi lụy, không rã rời. Ông tự dần vật mình. Ông quần quai vươn lên trong nốt cùng đau khổ một cách kiên cường:

*Khi đêm tối tắt cả người tôi thức dậy
Những đam mê quên ngủ suốt ngày
Thức dậy*
(2 - 3 - 1964)

*Tôi đã mất sắc da tuổi trẻ
Nhưng một tôi đã rắn chắc lại rồi
Mùa xuân không kịp nở
Mãi trong tôi
Những tháng ngày khát khao hy vọng
Trong mùa xuân đời tôi*
(9-10-1959)

*Mùa xuân đi qua không nở được
Còn giữ lại mãi cái mầm trong suốt đời tôi
Như một màu luyến tiếc
Nhưng một ngọn lửa nhen cú bùng lên mãi mãi
Cho đến khi nào chết đi nó vẫn chưa nở được
Để phải mọc lên trên mồ hôi những bông hoa trắng nhất
Cho tuổi trẻ ngày sau thấy một mùa xuân đã mất
Trong một chiến tranh
Để xây ngày mai hạnh phúc
Họ hái mãi những bông hoa trắng đó
Và sống thêm phần hạnh phúc của tôi
Mùa xuân không nở*
(8-1957)

Đầy đoạ một Nguyễn Văn Cao - bậc tiền bối của cách mạng - là sự chà đạp lương tri một cách tàn ác, làm nhơ danh Đảng. Bóp nghẹt cái Mùa–Xuân- Văn–Cao của đất nước, của dân tộc, làm cho nó không thể nào nở được càng có tội bội phần lớn hơn đối với nhân dân Việt Nam. Ai biết được còn bao nhiêu Sông Lô, bao nhiêu Thiên Thai... đã nghẹn lại, không thể ra đời. Và như thế đất nước đã mất đi bao nhiêu cái có thể còn quý giá hơn những gì đã biết của Văn Cao!

Vậy mà sao cho đến bây giờ cũng chỉ có được mấy giọt cảm thương một cách rất rụt rè kiểu như thế này: "Một nghệ sỹ chân chính như Văn Cao không thể không day dứt trước bao nhiêu

cái gọi là "thói đời". Tất cả những người cùng thời với Văn Cao – chúng ta đều hiểu ý nghĩa của Đại hội VI. Vậy những "thói đời" gì? Sao lại để mãi đến Đại hội VI mới sửa một phần "thói đời?" (Trần Bạch Đằng). Nhìn lại một thân phận Văn Cao ở Việt Nam, ta không thể không liên tưởng đến Boris Pasternak ở Liên Xô. Sau khi cuốn tiểu thuyết "Bác sỹ Zivago" được trao giải thưởng Nobel, bỗng dưng B. Pasternak cũng bị nhâu nhâu chửi bới, bị đuổi khỏi Hội Nhà Văn Liên Xô, bị đe dọa trục xuất khỏi đất nước. Như Văn Cao, Pasternak đã từng kêu khóc thảm thương trong bài thơ "Giải thưởng Nobel":

*Tôi chết sống như con thú bị lừa
Đâu đây có người, tự do, ánh sáng
Còn sau lưng tôi là tiếng xua đuổi ồn ào
Mà tôi không có ngã nào thoát ra*

...

*Tôi đã làm gì xấu xa
Tôi sát nhân, tàn bạo?
Tôi đã bắt cả thế gian phải khóc
Thương về đẹp quê tôi*

...

*Với vòng dây thế này ở cổ
Tôi vẫn còn ước ao:
Cánh tay phải của tôi
Lau nước mắt giùm tôi*

Người ta cũng đã tìm mãi mà không hiểu B. Pasternak phạm tội gì, ngoại trừ mấy dòng sau đây trong cuốn "Bác sỹ Zivago":

"Tai họa chính, căn nguyên của cái ác trong tương lai là việc mất tin vào giá trị của ý kiến cá nhân mình. Người ta tưởng rằng đã qua rồi cái thời cần làm theo sự mách bảo của đạo đức, tưởng rằng bây giờ phải hát theo giọng điệu chung và sống bằng quan niệm của kẻ khác, những quan niệm bị gán ép cho hết thảy mọi người".

Đồng thanh tương ứng, Văn Cao cũng từng viết:

"Người làm thơ biết thành lập cho mình một cá tính trong suy nghĩ, trong tình cảm, trong cảm giác những điều mới lạ bao nhiêu là làm phong phú thêm cho người đọc về mặt tư tưởng, cảm xúc hay cảm giác" (Mấy ý nghĩ về thơ- 1957) .

Thì ra, dù biết vì nhân dân quên mình, xả thân đi làm cách mạng nhưng lại không biết khom lưng cúi đầu, làm nô lệ cho những thế lực nhân danh Đảng; lại còn, giống như B. Pasternak, biểu dương cá tính, kêu gọi tôn trọng cái tôi, bênh vực quyền con người thì trong cái chế độ tập trung dân chủ, Văn Cao tất phải mang thân phận Văn Cao. Tuy nhiên, Mùa Thu tưởng như đã lại đến. Cái Mùa Thu buồn vui lẫn lộn. Cứ thấy miên man như Văn Cao:

*Nắng chuyển dần
trên thêm đá cũ
mùa thu năm nay
không mưa ngâu
Mùa Thu
(Trung thu 1992)*

Bến Xuân và giai thoại về mối tình cao thượng, dang dở Phạm Vũ

Mối tình giữa Văn Cao và cô tiểu thư Hoàng Oanh

Lắng nghe Bến Xuân, có lẽ mỗi người không thể không nhớ đến mối tình giữa Văn Cao và cô tiểu thư Hoàng Oanh. Một chuyện tình lãng mạn, nên thơ nhưng éo le trắc trở, khiến cho những câu ca của bài hát càng da diết, ám ảnh hơn bao giờ hết.

Những giai thoại xung quanh những tác phẩm trữ tình bao giờ cũng lãng mạn như chính những tác phẩm tuyệt vời ấy. Với những người yêu nhạc Văn Cao, có lẽ câu chuyện xung quanh sự ra đời của Bến Xuân sẽ còn được nhớ mãi, bởi nó đẹp và nên thơ quá. Thêm nữa, có lẽ những điều mãi dang dở thường trở nên lung linh huyền ảo hơn chăng?

Trong những tài liệu nói về nhạc sĩ Văn Cao trước, những người sưu tầm thường “ngại”

nói ra tên thật của người thiếu nữ ẩn sau bài hát Bến Xuân. Ngay cả tên nhạc sĩ - bạn thân của Văn Cao, người sau này trở thành chồng của cô gái ấy cũng không mấy được đề cập đến...



Trong những năm đầu thập kỷ 40, Văn Cao có chơi rất thân với

hai người bạn. Một người là ca sĩ Kim Tiêu, người còn lại là nhạc sĩ Hoàng Quý, người thành lập ra nhóm nhạc Đồng Vọng nổi tiếng đất Hải Phòng. Văn Cao trong một lần đến nhà Kim Tiêu chơi tình cờ gặp cô thiếu nữ đang độ tuổi trăng tròn tên Hoàng Oanh, và gần như ngay lập tức hai người phải lòng nhau - từ ánh mắt đầu tiên.

Sau khi Hoàng Oanh biết được Văn Cao chính là tác giả của những ca khúc lãng mạn nổi tiếng thì lòng ngưỡng mộ của nàng dành cho Văn Cao càng tăng lên. Có lẽ ai cũng biết tình cảm người kia dành cho mình, chỉ có điều “tình trong như đã, mặt ngoài còn e”. Nhưng, éo le một nỗi: Văn Cao biết hai người bạn thân của mình - Kim Tiêu và Hoàng Quý cũng đều đem lòng yêu mến Hoàng Oanh, và hai người đều tâm sự điều này với Văn Cao.

Hoàng Oanh đến thăm Văn Cao một lần duy nhất, khi đó Văn Cao còn đang ở Hải Phòng. Lần đến thăm đầu tiên đó đã được ông nhớ suốt đời, ông đã ghi cả vào những câu ca mở đầu cho bài hát Bến Xuân - bài hát viết tặng riêng cho Hoàng Oanh:

*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước
Em đến tôi một lần*

Câu hát “Em đến tôi một lần” sao mà hay và đi vào lòng người đến thế. Cái ngày hôm ấy, trời nóng, Văn Cao cởi trần nằm bò ra sáng tác. Trong căn nhà chật chội, Hoàng Oanh ngồi quạt cho chàng nhạc sĩ, và Văn Cao đã thổ lộ với cô: “Ước gì anh có em để hằng ngày em quạt cho anh sáng tác, em vá quần thụng cho anh, làm mẩu cho anh vẽ”.

Đó là câu tỏ tình duy nhất mà Văn Cao dành cho Hoàng Oanh – giản dị mà chân thành, nhưng ông cũng biết là hai người không thể thuộc về nhau. Là một con người tài hoa, Văn Cao còn đề nghị Hoàng Oanh làm người mẫu cho những bức tranh của mình, và hình bóng của nàng đi vào từng nốt nhạc lời ca trong bài hát Bến Xuân

*Nhà tôi sao vẫn còn ngơ ngác
Em vắng tôi một chiều*

*Bến nước tiêu điều còn hằn in nét đáng yêu
Từng đôi chim trong nắng khe khẽ ru u ú ù u ú
Lệ mùa rơi lá chan hoà!*

Mối tình của Văn Cao và Hoàng Oanh không thành cũng một phần bởi Văn Cao - vốn là một con người cao thượng - luôn nghĩ đến hai người bạn thân của mình, ông không muốn làm "kẻ ngáng đường". Một thời gian sau, gia đình ca sĩ Kim Tiểu mang lễ vật đến ăn hỏi Hoàng Oanh, nhưng không thành bởi vì nhà gái thách cưới cao quá.

Cô tiểu thư Hoàng Oanh sau đó lên xe hoa với nhạc sĩ Hoàng Quý, tuy nhiên ông trời phũ phàng, chỉ được ít lâu thì Hoàng Quý mắc bệnh viêm phổi và qua đời.

Chuyện tình giữa Văn Cao và Hoàng Oanh có lẽ thực sự chấm dứt sau khi Văn Cao yêu và lập gia đình với một cô tiểu thư xinh đẹp khác, cũng là con gái nhà giàu, là nàng thiếu nữ Nghiêm Thuý Băng, và bà cũng là người vợ hiền bên ông tận đến những ngày cuối cùng của cuộc đời.

Lắng nghe Bến Xuân, có lẽ mỗi người không thể không nhớ đến mối tình giữa Văn Cao và cô tiểu thư Hoàng Oanh. Một chuyện tình lãng mạn, nên thơ nhưng éo le trắc trở, khiến cho những câu ca của bài hát càng da diết, ám ảnh hơn bao giờ hết.

Bài hát *Bến xuân* là một trong những sáng tác của nhạc sỹ Văn Cao năm 1942 với sự tham gia viết lời của nhạc sỹ Phạm Duy. Về sau Văn Cao đặt lời 2 cho bài hát và lấy tên *Đàn chim Việt*.

Bến Xuân: Câu chuyện mối tình lãng mạn và u buồn

Kể về cảm xúc của mình khi sáng tác Bến xuân , nhạc sỹ Văn Cao tâm sự: "*Tôi yêu thầm người con gái ấy mà không dám nói ra. Nhưng người con gái ấy hiểu lòng tôi và đến với tôi. Nên mới có câu Em đến tôi một lần.*"

Bến xuân

Nhạc: Văn Cao Lời: Phạm Duy

*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước
Em đến tôi một lần
Bao lũ chim rừng họp đàn trên khắp bến xuân
Từng đôi rung cánh trắng ríu rít ca u ú ù u ú
Cành đào hoen nắng chan hòa
Chim ca thương mến, chim ngân xa u ú ù u ú
Hồn mùa ngây ngất trầm vương,
Đi nhau theo dốc suối nơi ven đồi
Còn thấy chim ghen lời âu yếm
Tới đây chân bước cùng ngập ngừng
Mắt em như dáng thuyền soi nước
Tà áo em rung theo gió nhẹ thẹn thùng ngoài bến xuân*

*Sương mênh mông che lấp kín non xanh
Ôi cánh buồm nâu còn trên lớp sóng xuân
Ai tha hương nghe ríu rít oanh ca
Cánh nhận vào mây thiết tha lưu luyến tình vừa qua*

*Nhà tôi sao vẫn còn ngơ ngác
Em vắng tôi một chiều
Bến nước tiêu điều còn hằn in nét đáng yêu
Từng đôi chim trong nắng khe ru u ú ù u ú
Lệ mùa rơi lá chan hòa
Chim reo thương nhớ, chim ngân xa u ú ù u ú
Hồn mùa ngây ngất về đâu*

Người đi theo mưa gió xa muôn trùng
Lần bước phiêu du về bến cũ
Tới đây mây núi đôi chập chùng
Liều dương hong tóc vàng trong nắng
Gột áo phong sương du khách còn ngại ngừng nhìn bến xuânien nóng

Từ Bến xuân đến Cô láng giềng

Trong dòng nhạc tiền chiến, 2 ca khúc Bến xuân (của Văn Cao) và Cô láng giềng (của Hoàng Quý) chẳng có chút liên hệ. Tuy nhiên, hẳn ít ai biết đã có một “bóng hồng” chen vào giữa cuộc đời của họ.

Em đến tôi một lần

Không ai có thể phủ nhận sự tài hoa của nhạc sĩ Văn Cao - cây đại thụ của nền tân nhạc. 16 tuổi đã có sáng tác đầu tay (*Buồn tàn thu*, năm 1939) và các tình khúc tiếp theo của ông được sánh vào hàng “siêu phẩm”: *Suối mơ*, *Thiên thai*, *Cung đàn xưa*, *Bến xuân*, *Thu cô liêu*, *Trương Chi*... Vào đầu những năm 40 của thế kỷ trước, những bài hát của Văn Cao đã lan tỏa từ bắc chí nam. Người có công đầu là Phạm Duy, lúc đó chưa sáng tác nhạc mà đi theo đoàn cải lương Đức Huy - Charlie Miều lưu diễn xuyên Việt, Phạm Duy chuyên hát “phụ diễn”, bài hát ruột là *Buồn tàn thu*. Tri âm đến nỗi Văn Cao đã đề tặng dưới cái tựa *Buồn tàn thu* trong bản nhạc: “Tương tiền Phạm Duy, kẻ du ca đã gieo nhạc buồn của tôi đi khắp chốn”. Còn những người hát nhạc Văn Cao ở phía bắc là ca sĩ Kim Tiêu (nam), Thương Huyền, Thái Thanh (nữ)... Văn Cao sinh năm 1923 tại Lạch Tray (Hải Phòng) nên tham gia vào nhóm Đồng Vọng của nhạc sĩ Hoàng Quý. Cũng chính ở thành phố biển này, Văn Cao đã gặp một giai nhân để rồi dòng nhạc tiền chiến có thêm một viên ngọc lấp lánh: ca khúc *Bến xuân* (đồng sáng tác với nhạc sĩ Phạm Duy).



Bìa bản nhạc Cô láng giềng và Nhạc sĩ Hoàng Quý

Trong cuốn băng video Văn Cao - *Giấc mơ đời người* (đạo diễn Đinh Anh Dũng, Hãng phim Trẻ sản xuất năm 1995, tái bản năm 2009), trong phần giới thiệu ca khúc *Đàn chim Việt* (tức *Bến xuân*), nhạc sĩ Văn Cao tâm sự: “Ngày xưa tôi có thầm yêu một người con gái mà không dám nói ra. Nhưng người ấy hiểu lòng tôi và đến với tôi. Vì thế nên mới có câu hát “Em đến tôi một lần” và có bài hát này”... Người con gái ấy chính là Hoàng Oanh, nữ ca sĩ ở Hải Phòng (sau này trong miền Nam cũng có nữ ca sĩ Hoàng Oanh hiện ở hải ngoại, không phải Hoàng Oanh trong bài viết). Nhưng tại sao nhạc sĩ Văn Cao yêu mà không dám nói? Là bởi con tim của nhạc sĩ “chậm xao động” hơn hai ông bạn thân. Biết được cả Kim Tiêu lẫn Hoàng Quý đều đem lòng yêu thương Hoàng Oanh, chàng nhạc sĩ trẻ đành nín lặng, ôm mối tình đơn phương... Tuy thế, sau những lần gặp gỡ, qua ánh mắt, nụ cười nàng đã hiểu tấm chân tình của chàng. Rồi một hôm, Văn Cao đang ở Hải Phòng thì nàng tìm đến. Không chỉ thầm suông mà nàng còn ngồi làm mẫu cho chàng vẽ (Văn Cao còn là một nhà thơ kiêm họa sĩ), rồi ân cần ngồi quạt cho chàng sáng tác nhạc... Có thể nói ca khúc Bến xuân không chỉ là một bài hát làm xuyên xao

lòng người mà còn là một bức tranh hết sức sống động, một bài thơ với những ca từ đầy biểu cảm. Tóm lại cả ba năng khiếu (thơ, nhạc, họa) tài hoa của Văn Cao đều dồn vào *Bến xuân*: “*Nhà tôi bên chiếc cầu soi nước, em đến tôi một lần, bao lũ chim rừng họp đàn trên khắp bến xuân*”. Hình ảnh thẹn thùng, khép nép của giai nhân trong nhạc của Văn Cao sao mà đáng yêu chi lạ: “*Mắt em như dáng thuyền soi nước. Tà áo em rung theo gió nhẹ thẹn thùng ngoài bến xuân*”. Hôm đó có lẽ nàng cũng có hát nữa nên mới “nghe réo rất tiếng Oanh ca”. Bản nhạc được NXB Tinh Hoa ấn hành năm 1942 với lời ghi “nhạc: Văn Cao, lời: Văn Cao - Phạm Duy” (sau này nhạc sĩ Văn Cao đặt lời 2 và đổi tựa thành *Đàn chim Việt*). Chẳng biết nhạc sĩ Phạm Duy “đóng góp” như thế nào trong phần lời nhưng ở đoạn cuối, rõ ràng là tâm trạng của Văn Cao: “*Nhà tôi sao vẫn còn ngơ ngác. Em vắng tôi một chiều. Bến nước tiêu điều còn hằn in nét đáng yêu. Từng đôi chim trong nắng khe khẽ ru u ù u ù. Lệ mùa rơi lá chan hòa*” (dùng chữ “lệ mùa rơi lá” quá hay!). Cái cảnh chàng gột áo phong sương trở về bến cũ sao mà buồn đến nao lòng: “*Người đi theo mưa gió xa muôn trùng. Làn bước phiêu du về chốn cũ. Tới đây mây núi đôi chập chùng. Liễu dương tơ tóc vàng trong nắng. Gột áo phong sương du khách còn ngại ngùng nhìn bến xưa*”.

Nàng đến thăm chàng một lần, rồi... thôi, chừng đó cũng đủ hiểu lòng nhau và đã quá lãng mạn. Sau này gia đình ca sĩ Kim Tiêu có dạm hỏi Hoàng Oanh nhưng hôn sự bất thành vì gia đình nhà gái thách cưới cao quá. Bản thân Kim Tiêu cũng gặp phải nhiều sóng gió và nghe nói chết trong nghèo đói ở thềm ga Hàng Cỏ (Hà Nội). Rồi Hoàng Oanh lên xe hoa, trở thành vợ của nhạc sĩ Hoàng Quý.

Đôi mắt dăm dăm chờ tôi về

Nhạc sĩ Hoàng Quý sinh năm 1920 (lớn hơn Văn Cao 3 tuổi) và là thủ lĩnh nhóm Đồng Vọng ở Hải Phòng. Ông được biết tới như là một nhạc sĩ tiên phong sáng tác thể loại nhạc hùng, hát cộng đồng (tráng ca) với các ca khúc: *Bên sông Bạch Đằng, Nước non Lam Sơn, Bóng cờ lau, Tiếng chim gọi đàn*... Tuy nhiên, người ta nhớ đến Hoàng Quý nhiều nhất bởi ông là tác giả của ca khúc *Cô lán giềng* bất hủ.

Thời điểm nhạc sĩ sáng tác *Cô lán giềng* cũng gần như cùng lúc với Văn Cao viết ca khúc *Bến xuân* (khoảng năm 1942, 1943). Lúc này Hoàng Quý phải rời Hải Phòng để lên Sơn Tây làm thư ký cho một trang trại nuôi bò. Chuyên đi khiến ông phải chia tay với người yêu (rất có thể là Hoàng Oanh). Ở Sơn Tây, Hoàng Quý luôn nhớ đến người yêu và mơ một ngày trở về. Đó là chất liệu để ông viết *Cô lán giềng*: “*Hôm nay trời xuân bao tươi thắm. Dừng bước phiêu du về thăm nhà. Chân bước trên đường đầy hoa đào rơi, tôi đã hình dung nét ai đang cười... Tôi mơ trời xuân đôi môi thắm. Đôi mắt nhung đen màu hạt huyền. Làn tóc mây cùng gió ngàn dâng sóng. Xao xuyến nỗi niềm yêu... Cô lán giềng ơi! Tuy cách xa phương trời tôi không hề. Quên bóng ai bên bờ đường quê. Đôi mắt dăm dăm chờ tôi về...*”.

Năm 2002, báo chí có phỏng vấn nhạc sĩ Tô Vũ (em ruột nhạc sĩ Hoàng Quý), ông cho biết nhạc sĩ Hoàng Quý chỉ ở Sơn Tây 6 tháng rồi về quê. Trên đường về, ông có ghé Hà Nội thăm Tô Vũ (lúc đó còn dùng tên thật là Hoàng Phú) và đưa bản nhạc ra khoe với người em. Ông em (Tô Vũ) rất thích giai điệu của ca khúc này, liền xin phép đặt lời 2 cho bản nhạc. Đó là cảnh tượng và tâm trạng của chàng trai khi về tới đầu ngõ thì nghe tiếng pháo vu quy tiến người yêu đi lấy chồng: “*Trước ngõ vào sân vang tiếng pháo. Chân bước phân vân lòng ngập ngừng. Tai lắng nghe tiếng người nói cười xôn xao. Tôi biết người ta đón em tung bưng... Đánh lòng nay tôi bước chân ra đi. Giơ tay buồn hái bông hồng tường vi. Ghi chút tình em nói chờ đợi tôi. Dừng nói đến phân ly... Cô lán giềng ơi! Nay mối duyên thơ đành lỡ rồi. Chân bước xa xa dần miền quê. Ai biết cho bao giờ tôi về?*”.

Hoàng Quý tham gia Việt Minh từ rất sớm và hoạt động tích cực trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật. Tiếc rằng tài hoa yếu mệnh, ông mất năm 1946 vì bệnh lao, khi mới 26 tuổi.

Người góa phụ trẻ Hoàng Oanh nửa đường gãy gánh không biết số phận sau này thế nào. (Hà Đình Nguyen)

Lời 2: Đàn Chim Việt -Văn Cao

Về đây khi gió mùa thơm ngát
Ôi lũ chim giang hồ
Bao cánh đang cùng dật dờ trên khắp cố đô
Từng đôi trên đất Bắc riu rít ca ...
Mờ mờ trong nắng ven trời
Chim reo thương nhớ chim ngân xa ...
Hồn còn vương vấn về xưa
Về nơi hoàng hôn Thái Nguyên tung hoành...

LỜI KẾT

Chữ Xuân định nghĩa theo danh từ là một mùa đầu tiên trong năm. Khi dùng trong nghĩa văn chương nó là một năm. Theo tính từ Xuân là trẻ đẹp như "*tuổi xuân hoa mộng*". Bến Xuân của Văn Cao chính là cảnh "Thiên thai thu nhỏ", như lời bài hát **Thiên Thai** nổi tiếng của Văn Cao:
*Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng
Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên
Kìa đường lên tiên, kìa nguồn hương duyên
Theo gió tiếng đàn sao xuyên
Phím tơ lưu luyến, mấy cung u huyền
Mấy cung triu mến như nước reo mạn thuyền.
Âm ba thoáng rung cánh đào rơi
Nao nao bầu sương khói phủ quanh trời ...*

Văn Cao nhớ về người yêu Hoàng Oanh trong bầu trời trong xanh, cỏ hoa tươi thắm của Bến Xuân (tiểu Đào Nguyên và Thiên thai thu nhỏ):

*Cành đào hoen nắng chan hòa
Chim ca thương mến, chim ngân xa u ú ù u ú
Mắt em như dáng thuyền soi nước
Tà áo em rung theo gió nhẹ thẹn thùng ngoài bến xuân
Sương mênh mộng che lấp kín non xanh
Ôi cánh buồm nâu còn trên lớp sóng xuân
Ai tha hương nghe riu rít Oanh ca (tiếng ca của người yêu?)
Cánh nhận vào mây thiết tha lưu luyến tình vừa qua.*

Hay ông nhớ da diết mỗi tình nên thơ của mình cùng người yêu trong Bến Xuân – chính là cảnh "tiểu Đào Nguyên, Thiên thai thu nhỏ" với "*cành đào...chim ca...thuyền soi nước...sương mênh mộng...non xanh...lớp sóng Xuân...Oanh ca...cánh nhận...tức là Xuân trong mơ*" của riêng mình... chứ chưa hẳn một mùa Xuân cụ thể nào đó.

Tiếp nối *Xuân trong mơ*, năm 1976, Văn Cao sáng tác "*Mùa Xuân đầu tiên*" –đây mới chính là *mùa Xuân cụ thể* của chính Văn Cao –ông đã "đi trước" thời đại ở cái nhìn sâu đằng sau một chiến thắng vang dội là những gì dân tộc này đã phải đánh đổi, hy sinh. Ở cái nhìn xa đằng sau niềm hân hoan phút chốc này là bao nỗi lo về một cuộc đời mới, một cuộc dựng xây mới.

Mùa Xuân đầu tiên, ý chỉ mùa xuân hòa bình, độc lập đầu tiên của dân tộc nhưng cũng chính là mùa xuân cuối cùng, một trong các bài hát cuối cùng trong sự nghiệp sáng tác của cố nhạc sĩ Văn Cao. Như một cơ duyên, bài hát cũng phải chịu số phận kỳ lạ, nhiều truân chuyên, trắc trở *như chính cuộc đời người nhạc sĩ tài hoa ấy*. Đây là một cảm nghĩ từ tấm lòng Văn Cao về một mùa Xuân đầu tiên của Quê hương yêu dấu của chính ông và của mọi người cùng sống trên non sông gấm vóc này!

Văn Cao: nghệ sĩ đa tài Phanxipăng

Chiều 15-7-2016, tại Hà Nội, Quốc hội phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao & Du lịch nước Việt Nam tiến hành lễ tiếp nhận Quốc ca là ca khúc *Tiến quân ca* do gia đình cố nhạc sĩ Văn Cao (1923 - 1995) hiến tặng, đồng thời truy tặng huân chương Hồ Chí Minh của Chủ tịch nước cho cố nhạc sĩ, và trao bằng khen của Thủ tướng cho bà Nghiêm Thúy Băng - phu nhân của nhạc sĩ Văn Cao.

Kỳ thực, gọi Văn Cao là nhạc sĩ e chưa đầy đủ, bởi ông còn là họa sĩ, thi sĩ, v.v., đã lưu những bức tranh, áng thơ đặc sắc với phong cách thể hiện rõ cá tính. Nhân dịp này, chúng ta hãy ôn lại cuộc đời và sự nghiệp nhân vật này bằng cách đọc bài *Văn Cao: nghệ sĩ đa tài* của Phanxipăng từng đăng trên tạp chí Thế Giới Mới số 40 (10-1992) nhằm mừng thọ 69 của nghệ sĩ đa tài và đa đoan, gốc Nam Định, chào đời tại Hải Phòng, thường trú ở Hà Nội. Trong bài, những chữ in nghiêng đều của Văn Cao.



Mặc dù tên tôi là Văn, nhưng lại ưa nghiệp võ! Văn Cao cười, nói hóm như thế khi hồi tưởng thời trai tráng của mình. Ấy là giai đoạn cả nước chạm phải những thử thách lịch sử nghiêm trọng. Văn Cao, thuở ấy, là một thành viên nòng cốt trong ban ám sát, hoạt động bí mật giữa "băm sáu phố phường"⁽¹⁾ bị kiểm tỏa bởi quân đội phát xít Nhật.

Người nghệ sĩ tuổi đôi mươi, có vóc dáng nhỏ nhắn và đôi mắt lạnh lùng kia thoát ản thoát hiện qua nhiều giai thoại đậm đà chất tráng sĩ. Như chuyện chàng khử tay mật thám Đỗ Đức Phin trong một tiệm hút ở Hải Phòng.

Sát ngày tổng khởi nghĩa, Văn Cao vào khu vực chùa Hương làm nhiệm vụ trừ gian. Trở về, chàng ốm liệt giường. Thứ sáu 17-8-1945, Đảng Đại Việt tổ chức mít tinh công chức ở Hà thành. Văn Cao gượng dậy, trà trộn vào đám đông để quan sát tình hình. Giữa cuộc mít tinh, lực lượng Việt Minh bất ngờ chiếm diễn đàn, treo cờ đỏ sao vàng. Đồng thời, loa phóng thanh vang lên tiếng hát:

Đoàn quân Việt Minh đi

Chung lòng cứu quốc

Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh xa

Cùng lúc đó, bài hát nọ - đã in sẵn thành truyền đơn - được phát ngay cho quần chúng. Người ta cầm truyền đơn, hát theo. Đây là lần đầu tiên *Tiến quân ca* được trình diễn công khai.

Không chỉ *Tiến quân ca*, những hành khúc khác của Văn Cao đã liên tục sôi sục, dồn vang theo bước *bao chiến sĩ anh hùng lạnh lùng vung gươm ra sa trường*⁽²⁾, theo bước *trùng trùng quân đi như sóng*⁽³⁾ qua nhiều cung bậc thăng trầm của lịch sử dân tộc.

Một trong những thành tựu xuất sắc nhất của dòng âm nhạc kháng Pháp, như nhiều nhà nghiên cứu nhận định, là tác phẩm thanh nhạc phức điệu *Sông Lô*, một sáng tác dài hơi của Văn Cao:

*Sông Lô sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau núi rừng âm u
Thu ru bến sóng vàng từng nhà mờ biếc chìm một màu khói thu
Sông Lô sóng ngàn kháng chiến cháy bờ lau thưa đã tàn thôn trang
Ai qua bến nắng hồng lặng nhìn màu nước sông Lô xưa.*

So với những tác phẩm thể hiện cùng đề tài - chẳng hạn "Lô giang" của Lương Ngọc Trác, "Chiến sĩ sông Lô" của Nguyễn Đình Phúc, "Trên sông Lô" của Phan Huỳnh Điểu, "Tiếng hát trên sông Lô" của Phạm Duy - thì *Sông Lô* của Văn Cao vượt hẳn về cả hai phương diện nội dung và hình thức.

Bên cạnh tráng ca và âu ca, những tình ca của Văn Cao đã làm mê say muôn con tim. Không riêng dân Việt mà khán thính giả sành nhạc ở Âu Mỹ cũng ái mộ giai điệu trữ tình Văn Cao. Đặc biệt, tại Hoa Kỳ, trước khi phi thuyền Apollo 11 phóng vào không gian, các phi hành gia được nghe một ít nhạc phẩm chọn lọc, trong đó có *Thiên thai* của Văn Cao ⁽⁴⁾:

*Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng
Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc tới Đào Nguyên
Kìa đường lên tiên
Kìa nguồn hương duyên*

Và còn bao tình khúc *Trương Chi*, *Suối mơ*, *Cung đàn xưa*, *Bến xuân / Đàn chim Việt*, *Thu cô liêu*, *Buồn tàn thu* của Văn Cao bằng khuông luyện nhớ, dạt dào kỷ niệm.

Tham gia phong trào Nhân Văn - Giai Phẩm, nên Văn Cao gặp lắm rắc rối gian nan. Từ cuối thập niên 1950, Văn Cao ít sáng tác âm nhạc. Nói đúng hơn là chỉ "nghỉ khỏe" với ca khúc suốt nhiều năm, chứ Văn Cao thỉnh thoảng vẫn soạn nhạc phim. Sau khi đất nước thống nhất, Văn Cao bỗng bật bài hát *Mùa xuân đầu tiên* rộn ràng điệu valse, đăng báo Sài Gòn Giải Phóng số xuân Bình Thịn 1976, nhưng sau đó không thể diễn xướng ở Việt Nam, trong lúc ở Liên Xô lại thoải mái phổ biến. Năm 1981, rộ lên "cuộc vận động sáng tác quốc ca mới", song rốt cuộc chẳng bài nào thay thế nổi *Tiến quân ca*.

●

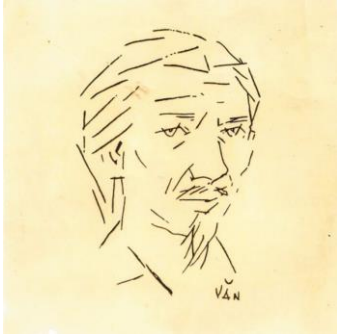
Tuy chỉ học trường Mỹ thuật Đông Dương / Ecole Supérieure des Beaux-Arts de l'Indochine một thời gian ngắn với tư cách dự thính viên tự do, nhưng Văn Cao vẽ khá sắc sảo. Phái lập thể / cubisme / cubism ảnh hưởng sâu đậm đến đường nét, sắc màu, mảng khối của Văn Cao.

Ba bức sơn dầu *Cô gái dậy thì*, *Thái Hà áp đêm mưa*, *Cuộc khiêu vũ của những người tự tử* mà Văn Cao lần đầu tiên trưng bày tại salon Unique / phòng triển lãm Duy Nhất nơi nhà Khai Trí Tiến Đức bên hồ Gươm năm 1943 đã khiến giới mỹ thuật ngạc nhiên vì bút pháp mới lạ. Sau này, các họa phẩm của Văn Cao cũng tạo sự thú vị cho người thưởng lãm. Ví dụ bức *Say*. Nhưng chẳng phải ai ai cũng khoan khoái. Từng có kẻ phán: mấy họa phẩm này "có vấn đề" đấy!

Suốt nhiều năm, Văn Cao tập trung vào nghệ thuật tạo hình: minh họa cho thơ với truyện ngắn lẫn truyện dài, vẽ vignette cho báo chí, thiết kế nhãn hộp diêm, trình bày sách và chơi sơn dầu. Một số tranh của Văn Cao đã được đưa vào Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Nhiều họa phẩm của Văn Cao được giới thưởng ngoạn gần xa nhắc, chẳng hạn *Cô gái và đàn dương cầm*, *Dân quân miền núi*, *Vợ chồng Mèo đi chợ*, *Nhà văn Đặng Thai Mai*, *Nguyễn Hữu Tiến*, *Lâm cà phê*, *Chân dung bà Băng* (tức Nghiêm Thúy Băng - vợ của Văn Cao). Vẫn cách diễn hình, diễn khối biểu lộ sự tìm tòi giàu chất trí tuệ. Vẫn những đường, những mảng dựng theo lối lập thể. Điều này khiến đông người yêu thích, và dĩ nhiên, một số kẻ lại thấy... nghịch nhãn!

●

Văn Cao gia nhập làng văn bằng vài mẫu truyện và kịch ngắn đăng trên tờ Tiểu Thuyết Thứ Bảy. Các sáng tác này, lúc ấy bị chìm lìm bởi những tên tuổi cỡ Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Thế Lữ trong Tự Lực Văn Đoàn, và Tô Hoài, Nam Cao, Bùi Hiển, Nguyễn Công Hoan trong nhóm Tân Dân. Mãi đến khi những tình khúc của Văn Cao ra đời, giành được cảm tình của đông đảo công chúng, thì người ta mới chú ý đến các loại hình nghệ thuật khác của người nghệ sĩ đa tài này.



Những ca khúc trữ tình của Văn Cao thành công không chỉ nhờ cấu trúc và hình tượng âm nhạc, mà còn nhờ ca từ. Ca từ đẹp. Đẹp như thơ. Xét kỹ, thấy lời ca của Văn Cao chính là thơ, loại thơ đã kết hôn cùng âm nhạc. Còn những bài thơ do Văn Cao làm rải rác đó đây - trong sổ tay, bên lề sách, trên vỏ bao thuốc lá, v.v. - tuy ít đăng báo nhưng đã tạo lập được "một kênh thơ khác". Cổ nhân từng nhắc: thi trung hữu

họa, thi trung hữu nhạc.

Ưu thế ấy, với đôi tai âm nhạc và cặp mắt hội họa, Văn Cao phát huy rõ trong thơ. Như dăm dòng lục bát với thủ pháp điệp từ:



*Vì vu... Rừng lại sang rừng
Xa xôi tiếng hát cũng ngừng xa xôi.
Nương nương qua tiếp đôi đôi
Áo chàm nàng thổ pha phôi sắc chàm.
Cầu mây treo giữa gió ngàn
Mây bông treo giữa trăng ngàn đêm sương.
Sương lưng chùng núi vẫn vương
Tiếng chim lạ cất tiêu thương buồn trời.
Cái gì cũng thấy chơi vui...⁽⁵⁾*
Càng về sau, thơ Văn Cao càng cô đọng hơn, thâm trầm kín đáo hơn, như cây giấu bóng tối trong đá.

Văn Cao sẵn sàng phá vỡ để xây từ một cách phóng khoáng. Ông từng cùng Nguyễn Đình Thi bênh vực thơ không vần. Không vần, nhưng Văn Cao vẫn đảm bảo tiết tấu thơ, và đặc biệt, chất tạo hình nổi lồ lộ:

*Từ trời xanh
rơi*

*vài giọt tháp Chàm
quanh Quy Nhơn
tôi như đứa nhỏ yêu huyền thoại⁽⁶⁾*

Nhiều người đã ca ngợi chất suy tưởng lẫn độ tinh nhạy của cảm xúc trong thơ Văn Cao. Éo le thay! Khổ kẻ khác đọc thơ Văn Cao thì bị "dị ứng"!

•
Sau cơn mưa, trời lại sáng dần. Nhạc trữ tình Văn Cao lại được công diễn. Tranh Văn Cao lại được trưng bày. Và cùng với những



bài viết của Văn Cao tái xuất trên báo chí, những bài thơ Văn Cao sáng tác suốt mấy chục năm qua - tưởng đã *như mùa thu chết rơi theo lá vàng* ⁽⁷⁾- được nhà xuất bản Tác Phẩm Mới tuyển thành tập và in ra với nhan đề: *Lá*.

Tập thơ *Lá* gồm 28 bài, ấn hành tháng 6-1988, mở đầu bằng mấy dòng:

*Ở rẻo cao lá sà mu gọi mưa
Ở rừng sâu lá thùy dương gọi suối
Ở biển xa
lá phi lao
gọi mặt trời...*

Điểm lại lịch sử văn nghệ trong cũng như ngoài nước, hỏi có mấy nghệ sĩ thọ nhận vinh quang ngay khi đang tại thế như trường hợp Văn Cao?



• Hiện nay, năm Nhâm Thân 1992, trên căn gác hai của ngôi nhà 108 Yết Kiêu, có một cụ già râu tóc bạc phơ ngày lại ngày cứ ngồi trầm ngâm nhấp rượu làng Vân và ngược qua ô cửa sổ để thấy bầu trời Hà Nội chuyển tông từng giờ từng phút, để nghe bao nhiêu tạp âm của phiên chợ chiều đang diễn ra ngay trước hiên nhà, để chiêm nghiệm về những màn những cảnh trong tấn-trò-đời mà mình từng đích thân nếm trải. Thi thoảng, cụ cười. Nụ cười ngây thơ làm sao! Nhà thơ Thanh Thảo so sánh: "Ngây thơ như đạo sĩ".

Văn Cao đó.

Trong căn gác mốc thối, cây piano đã hỏng. Song, tứ thơ và nét vẽ của Văn Cao vẫn run run triển chuyển trên giấy, trên toan.

Mới đây, nhà thơ Trinh Đường đặt câu hỏi:

- Làm thế nào để có thơ hay?

Văn Cao đáp:

- *Đó là hỏi đến sự bí mật của sáng tạo. Điều này chỉ tìm thấy ở Beethoven và người viết về ông ta là Romain Rolland và Stefan Zweig. Nhưng càng nói, càng bí mật thêm!* ♥

□ (1) - Ca dao xưa có câu: *Hà Nội băm sáu phố phường*. Nhiều tác phẩm văn nghệ lâu nay cũng ghi nhận không khác. Tập bút ký nổi tiếng của nhà văn Thạch Lam được in lần đầu năm 1943 dùng nguyên dòng ca dao nọ làm nhan đề. Thế nhưng, Nguyễn Vinh Phúc (1926 - 2012), nhà giáo ưu tú, nhà Hà Nội học, 1 trong 11 công dân thủ đô ưu tú năm 2010, viết trong tập 1 *Hỏi đáp 1000 năm Thăng Long - Hà Nội* (NXB Trẻ, 2000; trang 28 - 30) rồi in lại trong sách *1000 năm Thăng Long - Hà Nội* (NXB Trẻ, 2009; trang 79 - 82): "Thực ra, phố và phường là 2 phạm trù khác nhau. (...) Không làm gì có cái gọi là Hà Nội 36 phố phường. Chỉ có Thăng Long thời Lê có 36 phường hoặc là Hà Nội thời Minh Mạng có 239 phường, thôn, trại và Hà Nội thời Tự Đức với 153 phường, thôn, trại. (...) 36 phường thời Lê không thể là 36 phố + phường được".

□ (2) - Trích ca từ bài hát *Chiến sĩ Việt Nam*.

□ (3) - Trích ca từ bài hát *Tiến về Hà Nội*.

□ (4) - Chi tiết ấy đã được một số cây bút nêu, chẳng hạn Trường Giang viết trong bài *Văn Cao - một tâm hồn, một tài năng, một nỗi ưu tư* từng đăng báo Giáo Dục & Thời Đại, đã được giải thưởng Sugi Ryotari của Nhật Bản, rồi in vào sách *Thời cuộc, con người & số phận* (NXB Lao Động, Hà Nội, 1994; trang 15). Cần kiểm định tính xác thực của chi tiết ấy. Một số người khác - trong đó có Nguyễn Thanh Giang, Thanh Thảo, Nguyễn Thụy Kha - còn viết rằng bài *Thiên Thai* của Văn Cao được hoà tấu và "được chọn đưa vào băng nhạc để các phi hành

gia Mỹ đem vào vũ trụ trên tàu Apollo". Thông tin này chẳng chính xác, bởi vào tháng 7-1969, với mục đích sử dụng riêng cá nhân, phi hành gia Neil Amstrong đã mang lên phi thuyền Apollo 11 - chuyến bay đầu tiên đưa con người lên bề mặt nguyệt cầu - băng cassette *Music Out of the Moon* (Nhạc từ mặt trăng) của Samuel Hoffman tự biên tự diễn những nhạc phẩm sáng tác năm 1947 trên nhạc cụ điện tử theremin, và băng cassette *New World Symphony* (Giao hưởng Thế Giới Mới) của Antonín Leopold Dvořák (1841 - 1904).

- (5) - Bài thơ *Đêm ngàn*.
- (6) - Khổ đầu bài thơ *Quy Nhơn 3*.
- (7) - Trích ca từ bài hát *Buồn tàn thu*.

Phụ đính III



Văn Cao
(Trịnh Công Sơn, 1992)

Văn Cao sóng ngàn kháng chiến Đặng Tiến



(Văn Cao tự hoạ)

Từ Suối Mơ đến Bến Xuân

Từ những tình khúc đầu mùa như *Thu cô liêu*, *Buồn tàn thu* (1939), *Cung đàn xưa*, *Bến xuân* (1942), *Suối mơ* (1943), Văn Cao đã ghi lại những thành công trong thời kỳ phối thai của nhạc mới, mà bây giờ vẫn còn người hát; và nghe lại, ta vẫn thấy hay, trong khi một số ca khúc đồng thời của Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước... đã trở thành lạc lõng. Giải thích hiện tượng

này, Phạm Duy đã có một loạt bài hay, và anh là người có nhiều thẩm quyền để phê phán: anh sống, sáng tác và ca diễn vào thời đó, anh nắm vững lịch sử tân nhạc và tâm lý quần chúng; về nhạc thuật, Phạm Duy là vua. Vậy chúng ta nghe Phạm Duy:

“Phải đợi cho tới khi tân nhạc ra đời vào những năm cuối 30 và đầu 40 thì chúng ta mới có được một loại nhạc tình lãng mạn do các người tình tiền phong của thời đại như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Lê Thương, Văn Chung, Dzoãn Mẫn, ... tung ra (...). Tuy nhiên loại nhạc tình lãng mạn đó chỉ có thể gọi là đạt tới độ hoàn mỹ khi nó được phát xuất ra từ một con người tài hoa bậc nhất của thế giới nghệ sĩ trẻ lúc bấy giờ. Người đó là Văn Cao”.

[Tạp chí Văn Học số 15, 1987, đăng lại trên Hợp Lưu số 8, 1992]

Cái mới, điểm tiến bộ đầu tiên Văn Cao đưa vào nhạc mới là người đàn bà đẹp, kiều diễm, trang trọng, cao quý, khác với *Cô hái mơ*, *Cô lái đò*, *Cô lái thuyền*, *Cô hàng bán hoa*, *Cô hàng cà phê*, *Cô láng giềng* trong những bài hát thịnh hành thời đó. Xã hội Việt Nam ngày xưa không tạo cơ hội cho trai gái gặp nhau, ngoài sinh hoạt nơi đồng áng hay hội hè – vốn hiếm. Nơi công cộng, nếu không gặp cô thôn nữ tát nước bên đàng, thì cũng là cô sơn nữ, cô hái hoa gì đó, vì trai gái không có quy chế (*statut*) gặp gỡ. Phải đợi đến Văn Cao, cô gái mới đi thẳng đến nhà người yêu *bên chiếc cầu soi nước*. Người con gái khuê các, có thể ngồi trong nhà mà nhớ người yêu: *ôi vừa thoáng nghe, em mơ ngay bước chân chàng*. Đặc biệt là chữ “ngay” như một phản xạ, một tự do. Phải rồi. Cô gái trong tình khúc Văn Cao là cô gái tự do, báo hiệu cho một nền văn hoá mới, trong vẻ đẹp tuyệt vời, huyền diệu:

Chiều năm xưa

Gót hài khai hoa

Mắt huyền lưu xuân

Dáng hồng thơm hương

Người đẹp kiều sa này, đi vào kháng chiến sẽ để lại những *lời mòn thơm mãi dấu chân em* trong thơ Nguyễn Đình Thi, ra khỏi kháng chiến thì:

Em đài các lòng cũng thoa son phấn

Hai bàn chân kiều ngạo dẫm lên thơ

trong *Mê hồn ca* của Đình Hùng. Nhất Linh đã bảo vệ người phụ nữ, Dương Thiệu Tước đã mơnon trón, và Văn Cao đã kính trọng người phụ nữ.

Một đặc điểm khác trong tình khúc Văn Cao là toàn bài hát được cấu trúc như một tác phẩm hài hoà và toàn bích, như một bài thơ độc lập, có giá trị nhất quán và tự tại. Phạm Duy công nhận “*Nếu đem so sánh với những bản nhạc tình của thời đó thì bài Suối mơ với Bến xuân là các điểm của lãng mạn tính trong ca nhạc. Lúc đó các nhạc sĩ còn đang lẩn quẩn trong cách xếp đặt chữ nghĩa trong ca khúc thì Văn Cao đã viết hẳn ra một Bài thơ bên suối”* (sđd).

Cung đàn xưa kết hợp nhuần nhuyễn những lời thơ thiết tha da diết, xoắn sâu vào nỗi đau thương:

Cung thương là tiếng đàn

Cung nam là tiếng người

Ai oán khúc ca cầm châu rơi

Tình duyên lãng đãng nhớ thương dần pha phôi

Cung đàn ngân

Buồn xa vắng trong tiếng trầm

Buồn tê tái trong tiếng ngân

Buồn như lúc xuân sắp tàn

(...) Giờ còn mong chi người hát theo đàn.

Trong thơ mới có lẽ ngoài Hàn Mặc Tử ra, chúng ta cũng ít khi thấy ngôn ngữ thể thiết dồn nén đến mức ấy. Ngôn ngữ Văn Cao thật mới: trong khi các nhạc sĩ khác còn vâng vâng hình ảnh hoa rộ thuyên trôi, thì Văn Cao đã có những sáng tạo:

Hồn cầm phong hương hình bóng xuân tàn

... Hồn cầm lắng tiếng đời

... Cánh nhận vào mây thiết tha

... Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần...

Đó là đặc sắc trong lời ca. Về nhạc lý, chúng ta nghe Phạm Duy phê phán nhạc tình thời này: “Về phần nhạc thuật ta thấy rằng tất cả những bài hát đó chỉ được coi như là phó sản của những nhạc phẩm đã được sản xuất trước đây. Tất cả đều được nằm trong một khuôn khổ cố sẵn (thể nhạc khiêu vũ tango hay rumba) với những âm hình (dessins mélodiques) mà ta có thể gọi được là tiếng gọi cái của những thanh niên thất tình” (Văn Học, tháng 12.1986).

Theo Phạm Duy, phải đợi đến *Cung đàn xưa*, Văn Cao mới “đưa nhạc tình trong năm 1943 này lên tới đỉnh cao nhất của những bài ca ái tình” (Văn Học, số 15, 1987).

Từ Bạch Đằng Giang đến Sông Lô

Song song với những tình khúc đầu mùa, thời kỳ mà Phạm Duy gọi bằng tiếng Pháp là *le temps de l'innocence* – thời thơ ngây, vào những năm đầu thập niên 1940, một nhạc trào khác phát triển mạnh là nhạc hùng, những bài hát khoẻ, vui của hướng đạo, học sinh, đề cao lịch sử, đất nước, sức khoẻ, bắt đầu từ nhóm **Đồng vọng** của Hoàng Quý tại Hải Phòng đến Hùng Lĩnh, Lưu Hữu Phước. Những hành khúc này có những động cơ xã hội hay chính trị, hoặc tự phát hoặc có lãnh đạo.

Văn Cao là tư tưởng tự do và tiến bộ, trong thể loại nào cũng giữ hai nét đặc biệt ấy. Văn Cao yêu lịch sử nhưng không nô lệ: tự hào về quá khứ đất nước, anh vẫn xem như là một kỷ niệm đã qua – cần phải được vượt qua để tồn tại và tiến hoá.

Trận Đống Đa là chiến thắng thần tốc oanh liệt nhất của chiến thuật Việt Nam, của chiến tranh nhân dân và phong kiến, của bạo lực và chính nghĩa, của chiến lược thuần tuý. Nhưng Văn Cao không hề bị choá ngợp trước đỉnh cao lịch sử đó ngược lại, trong *Gò Đống Đa*, anh khẳng định:

Thề quyết phẫn đấu

Đồng tâm hy sinh

Làm sao cho hơn thời xưa

Rồi cất sức sống ngày mai...

Thăng Long hành khúc ca cũng nhắc lại chiến công Tây Sơn; Văn Cao nhìn về toàn bộ lịch sử dân tộc qua hình ảnh cổ đô:

Thăng Long thành xưa

Thăng Long ngày nào

Cờ khoe sắc phất phới.

Nhưng hiện tại thì khác. Việt Nam, lúc đó, là một nước nô lệ làm than, lạt hậu. Hà Nội là một thủ phủ thuộc địa: *bao năm qua khắp chốn cũ cũng đã mất hết tình anh*. Muốn dân chúng yên vui, thậm chí sống oai hùng, tiếp nối với truyền thống thì phải biết đổi mới, tiếp thu khoa học và dân chủ, phải mở tim mở óc chờ gió mới bay về... *bao ánh sáng phương tây từ khắp chốn bay về*.

Sông Bạch Đằng là một chủ đề khác. Chiến công hiển hách này được nhiều người đưa ra như một tiêu chuẩn, một giá trị miên viễn. Hoàng Quý, đồng hương, bạn và thầy nhạc Văn Cao, viết:

Đến bây giờ mỗi khi đi trên sông Bạch Đằng

Thì anh em ta vui ca rằng:

Trên sông Bạch Đằng dân Nam hò reo.

Lưu Hữu Phước cũng cho rằng *Đằng Giang vẫn sáng để cho nòi giống soi chung*. Trong khi đó Văn Cao trên con sông quê hương thì buồn thiu:

*Bạch Đằng giang sầu mơ b ên lau xanh
Vời bến nước x a xôi
... Buồn ai đứng nhìn con sông xanh biếc ngày xưa
Mà nước mắt mờ rơi...*

[Chiều buồn trên Bạch Đằng Giang]

Đã đành, ở đây lãng đãng nét u buồn lãng mạn vẫn cố hữu trong nhạc Văn Cao, nhưng không thể phủ nhận tư tưởng cầu tiến và duy tân của anh. Lưu Hữu Phước thường nói đến nòi giống. Có khi rất hào hùng. Hào hùng lắm thì kỳ thị:

*Đây Bạch Đằng giang sông hùng dũng
Của nòi giống anh hùng, giống Tiên Rồng, giống Lạc Hồng, v. v...*

trong khi, về nòi giống, trong một đề tài khác, Văn Cao thực tế và tha thiết mong:

*Đoàn quân Việt Nam đi
Sao vàng phấp phới
Đất giống nòi quê hương qua nơi lâm than
Cùng chung sức phấn đấu xây đời mới...*

[Tiến Quân Ca]

Thời đó, Văn Cao đã có cái nhìn rất thoáng, rất rộng về dân tộc trong một cộng đồng nhân loại lớn lao: trong *Công nhân Việt Nam* (1944), bài hát chính thức của Tổng công đoàn Việt Nam hiện nay, anh viết:

*Ngoài kia lời non nước đang nhắc ta
Mau nhắc cao giống nòi
Yêu mến muôn giống người
Tranh đấu cuối cùng
Là đời sống mới đang xa.*

Một tình cảm tiến bộ, lành mạnh. Nói rằng những tư tưởng kia có lãnh đạo, cũng không giảm giá cá nhân Văn Cao. Tố Hữu cũng được lãnh đạo – và lãnh đạo kẻ khác – tuổi đời và tuổi đảng nhiều hơn Văn Cao, mà tư duy chính trị, ở thời điểm này, còn hạn chế. Tư tưởng Văn Cao một lúc nào đó đã từng *lưu luyến mấy cung u huyền trong tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung*. Tâm hồn hoài cổ ấy bây giờ lao vào những kỷ niệm vang vang hùng khí: *Bừng nghe dư âm mệnh mộng khúc anh hùng ca ra nơi biên cương. Bao chiến mã lên đường...* Nhưng cái bắt ngờ là Văn Cao không dừng lại ở những “dư âm mệnh mộng”, anh còn đòi

*Lập quyền dân tiến lên Việt Nam
Đòi hạnh phúc đắp xây tự do*

Những yêu cầu thiết yếu mà ngày nay, sau nửa thế kỷ xương máu và lâm than, dân tộc ta vẫn chưa đạt tới. Và ngày nay vẫn còn có thể hát đấng cay: *Tiếng than nơi nơi... Tháng năm dần trôi*. Về nhạc thuật, Phạm Duy đánh giá cao bài *Chiến sĩ Việt Nam*: “ *Với tài năng tuyệt vời của một họa sĩ, Văn Cao vẽ ra cảnh chiến sĩ Việt Nam phi ngựa trên đường xa (...). Tài soạn nhạc của anh tới lúc này đã bỏ xa những nhạc sĩ chuyên nghiệp khác, đừng nói gì tới những tay soạn nhạc tài tử như Nguyễn Đình Thi hay Đỗ Nhuận. Trong khi nhạc hùng của Hoàng Quý, Lưu Hữu Phước dù hay đến mấy cũng không vượt ra ngoài khuôn khổ của những ca khúc rất chân phương, rất cân đối, rất sách vở... thì Văn Cao trở tài soạn hành khúc như bài Chiến sĩ Việt Nam này. Câu nhạc thứ hai dài dằng dặc, với nhịp điệu dồn dập, thay đổi hơi thở luôn luôn khiến cho câu ca có sức sống mãnh liệt: Ngựa phi nơi xa xa kia nghe sừng vang bên trời điệu*

kèn rộn ràng. *Tiếp tới là sự nhắc lại nhạc đề (...). Cái hay của tác giả là đã chuẩn bị để vào cuối câu nhạc sẽ chuyển qua một nhạc đề khác, để chứng tỏ sự phong phú của bàn tay sáng tác”* (Văn Học, số tháng 10, 1986).

[Tư liệu: 1944, Văn Cao làm xong *Tiến quân ca* thì Nguyễn Đình Thi là người xướng âm đầu tiên. Sau đó cao hứng, Thi rủ Văn Cao làm một bài khác, và làm xong *Diệt phát xít* trước bài *Chiến sĩ Việt Nam* của Văn Cao].

*Dân quân du kích cách mạng b ừng mùa thu
Sao vương bóng cờ bay trên chiến khu...*

Đây là những hình ảnh đẹp đầu tiên của cách mạng Việt Nam, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Con người sống thực tại như một giấc mơ, sống lịch sử như một nghệ thuật, sống đất nước như một bức họa: *ôi còn đâu đây sắc chàm pha màu gió... Ai về châu xưa nhớ hồi máu thấm cây rừng*. Bài hát *Bắc Sơn*, nguyên uỷ là sáng tạo cho vở kịch *Bắc Sơn* của Nguyễn Huy Tưởng, nhưng vượt khỏi đề tài, trở thành bài hát của người du kích. Cũng như *Tiến quân ca*, lúc đầu là bài hát làm cho một khoá quân sự kháng Nhật, sau trở thành quốc ca. Văn Cao năm 1977 đã viết một đoạn hồi ký hai ngàn chữ về bài này; quốc ca là sở hữu của dân tộc và lịch sử, chúng tôi không bàn tới trong bài này – vì không phải nơi, không phải phép.

Cách mạng tháng Tám 1945 đưa dân tộc vào một khúc quanh. Văn Cao làm bài thơ *Chiếc xe xác qua phường Dạ Lạc* đăng trên báo *Tiền phong*, bài thơ quan trọng đầu tiên của anh, sau đó là *Ngoại ô mùa đông 1946* đăng trên báo *Văn nghệ* thời kháng chiến, 1948. Bài thơ mới mẻ, mạnh bạo đã có nhiều nét báo hiệu phong cách thơ Văn Cao về sau.

Toàn quốc kháng chiến. Hà Nội chiến đấu. *Mùa xuân về, giữa chiến hào xa*. Văn Cao ra đi, rạo rực phơi phới với hai mối tình lớn: đất nước và người yêu. Xuân kháng chiến cũng là Xuân trăng mật. Bài hát *Làng tôi* mang những âm hưởng đầm ấm, dịu dàng, phần khởi chưa từng thấy trong những ca khúc trước đó. Văn Cao vốn tiết kiệm tâm sự, kín đáo về đời tư, nên mãi đến năm 1974, anh mới có bài thơ về chị ấy, *Khuôn mặt em*, nhưng cũng không lấy gì làm rõ nét. Chúng tôi chỉ phỏng đoán vì hai câu cuối

*Ôi khuôn mặt sáng trong và bình lặng
Tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng*

Làng tôi là tình khúc thiết tha dịu mát. Trăng mật của lúa đôi soi óng ánh vào quê hương yêu dấu

*Làng tôi xanh bóng tre
Từng tiếng chuông ban chiều
Tiếng chuông nhà thờ rung
Đời đang vui đồng quê yêu dấu
Bóng cau với con thuyền một dòng sông.*

Tuy là một bài ca chiến đấu, *Làng tôi* theo đoàn quân du kích... nhưng âm hưởng lưu lại một nguồn ánh sáng lung linh dịu mát trong niềm nhớ mong mênh, như *rừng chiều nhớ cánh đồng chiều xưa*... Đồng quê có lúc rộn lên với *Ngày mùa* nhanh nhẹn tươi vui:

Ngày mùa vui thôn trang, lúa reo như hát mừng.

Hình tượng lý tưởng *súng tì tay anh đứng, em ngừng liềm trông sang*, có thể không phản ánh lại gian lao của những năm chống Pháp nhưng diễn tả ước mơ của người nghệ sĩ trong kháng chiến.

Tuy nhiên phải đợi đến trường ca *Sông Lô*, Văn Cao mới nói lên được trọn vẹn vẻ đẹp của quê hương, hoang sơ nhưng thân mật, đơn giản mà hùng tráng, đẹp như một bức tranh. *Sông Lô* là một bức tranh

*Sông Lô sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau núi rừng âm u
Thu ru bến sóng vàng từng nhà mờ biếc chìm một màu khói thu.*

Những nét đậm thanh ẩn hiện trên nền màu mờ nhạt, khi nhịp câu ca loang dần ra xa; những hình ảnh liên tiếp tạo ra không gian mênh mông, hoang dã và huyền bí. Khí hậu lặng lẽ và lạnh lẽo bỗng bùng lên ánh sáng ngọn lửa chiến đấu

Sông Lô sóng ngàn kháng chiến cháy bờ lao thưa

Tiếp theo là ánh bình minh: thiên nhiên như hồi quang ý chí con người. Bài hát lấp lánh lời đối đáp giữa ánh sáng và hơi ấm

Ai qua bến nắng hồng lặng nhìn màu nước sông Lô

Rồi vũ trụ bỗng chan hoà âm thanh, bao la, rộn rã trong tiếng sóng reo vi vu... *gió lá vi vu:*

Sông mênh mông như bát ngát hát

Bao rừng thu như bát ngát cười.

Lời hát say sưa ngợi ca đất nước và con người nhắc chúng ta khí thế lúc đó, như trong thơ Nguyễn Đình Thi: *gió thổi rừng tre phát phới. Trong biển nói cười thiết tha*, hay trong tuý bút kháng chiến của Nguyễn Tuân: *chúng tôi đang mơ chung một cơn hoả mộng...*

Văn Cao vẫn bám vào hiện thực; trong chiến thắng hân hoan, anh nghĩ ngay đến đời sống thường nhật của người *dân buồng lười. Phan Lương vui bóng thuyền, lều dựng lên ven sông*. Phút vẻ vang, phút hùng tráng là chuyện phải làm, để bảo vệ cuộc sống tầm thường, trong trần gian êm ả

Dòng sông Lô trôi

Mùa xuân tới

Nước băng qua ngàn

Nước in ven bờ xanh ôm bóng tre

Trận Sông Lô, 1947, là chiến công đầu tiên của quân đội Việt Nam non trẻ (thời đó còn mang tên Quân đội Quốc gia), đặc biệt ngành pháo binh mới phôi thai: thời đó, khi sử dụng đại bác bắn vào tàu địch trên sông, ta chưa biết tính đạn đạo vòng cung, phải kê ngang nòng súng mà bắn như súng trường. Chiến thắng sông Lô, ngoài tầm quan trọng quân sự, còn có tác dụng tâm lý lớn lao và gợi cảm hứng cho nhiều văn nghệ sĩ.

Về nhạc thuật, *Sông Lô* được xem như là đỉnh cao trong sự nghiệp Văn Cao. Anh đã vượt lên khỏi những tiết tấu đơn giản của ca khúc, đi tới một hợp tấu dài hơi, với nhiều tầng lớp nhịp độ khác nhau, lời cuốn chúng ta theo điệu nhạc, lời thơ, màu sắc, như một dòng sông lớn.

Niềm hăng say có lúc chủ quan và lạc quan quá mức; như Nguyễn Tuân mơ *những khái hoàn môn kết toàn bằng bích đào*, Văn Cao trong giai đoạn kháng chiến gian lao, 1949 đã đòi *Tiến về Hà Nội:*

Năm cửa ô đón mừng đoàn quân trở về

Như đài hoa đón mừng

Nở năm cánh đào chảy dòng sương sớm long lanh

Ôi phố phường Hà Nội xưa yêu dấu

những bông hoa ngày mai

Đón tương lai vào tay.

Giọng ca đã khác với *bóng xưa ngàn năm, hồ phai khi tàn mơ*. Nhưng vẫn sắt đá một niềm tin *ôi Thăng Long ngày mai, xây đắp dưới vinh quang bằng chí khí anh hùng*.

Từ nhận xét này, chúng ta có thể nói rộng tầm nhìn vào tác phẩm Văn Cao, về nhạc, hoạ cũng như thơ. Một toàn bộ phong phú, đa dạng, lúc nào cũng đặc sắc, thủy chung với vài ba ý chính và một phong cách riêng. Gắn bó với thời đại, Văn Cao thường xuyên tra vấn thân phận làm người trong và ngoài lịch sử.

Thơ, nhạc, hoạ Văn Cao là những triều sóng triền miên lớp lớp xô buồn vui của đại dương vào với đất liền. Tác phẩm của Văn Cao là hơi thở cuộc sống, ngát ngậy giông bão và đầm thắm trăng sao. Nó chất lọc nhân phẩm con người để dựng lên tinh hoa của thời đại.

Tác phẩm Văn Cao, còn lại là đốm lửa Văn Cao. Đốm lửa đâu đây: trong bếp nghèo bến Cảng, trong núi rừng Việt Bắc hay trong cõi biển rộng trời xa. Một ngọn lửa không quay đầu theo gió. Văn Cao, ngọn lửa bập bùng trong ý thức chúng ta.

15.11.1992

Viết cho ngày sinh nhật Văn Cao 70 tuổi

Văn Cao là khát vọng Đặng Tiễn



Chân dung Đặng Tiễn
(Văn Cao)

Lá, cho đến hôm nay, là tập thơ duy nhất của Văn Cao, xuất bản năm 1988 khi nhà thơ đã sáu mươi sáu tuổi, và đã sáng tác không ngừng nghỉ non nửa thế kỷ trong nhiều bộ môn: nhạc, hoạ, truyện và thơ.

Lá gồm có hai mươi tám bài thơ ra đời rải rác vào nhiều thời kỳ khác nhau, từ 1941 đến 1987, chủ yếu là những bài làm từ 1956 về sau, quan trọng nhất có trường ca **Những người trên cửa biển**. Nói là chủ yếu, vì năm bài thơ làm trước đó còn âm hưởng nhiều trường phái thi ca khác nhau trong thơ cũ. Từ 1956 những tác phẩm làm trong phong trào **Nhân văn - Giai phẩm** đã khẳng định cá tính thơ Văn Cao, mới lạ trong cấu trúc và sâu sắc tư duy. Hai mươi tám bài thơ: con số có lẽ là một trùng hợp tình cờ; không có gì chứng tỏ Văn Cao đặt rung cảm mình vào khuôn sáo nhị thập bát tú.

Thơ Văn Cao trĩu nặng tâm sự và khát vọng thời đại, và đất nước, nhưng nhan đề sao mà nhẹ nhàng, một chữ ngắn: **Lá**. Phải chăng đây là nhan đề ngắn nhất trong các tập thơ Việt Nam? Ngắn nhưng không gọn, giản dị mà không giản lược, vì buộc người đọc phải suy nghĩ lao lung. Lá là một hình tượng thiên nhiên xuất hiện từ lâu trong nghệ thuật, vì gần gũi với con người từ buổi hoang sơ. *Kinh Thi* đã rậm lá, lá quyền, lá hạnh; thơ cổ điển đầy những lá trúc, lá ngô. Thơ nôm Nguyễn Trãi có lá sen, lá chuối. Thơ mới rợp lá bàng, lá phượng, lá me... Nhưng vẫn là một loại lá gì đó, trong một trạng thái nào đó, khi vàng, khi đỏ, khi xanh, lúc *"che ngang mặt chữ điền"*, lúc *"dệt áo mơ phai"*. Trong tác dụng tượng trưng hàm súc nhất: một chiếc lá vàng cũng đủ báo hiệu cho *"thiên hạ cộng tri thu"*, thì lá vẫn có tên, có tích, ấy là lá ngô đồng. Trái lại **Lá** của Văn Cao là một hiện tượng thiên nhiên đơn lẻ trần trụi: lá của Văn Cao là cuộc sống, trong khi các loại lá rải rác trong thi ca, chỉ là những âm sắc, tính cách cục bộ nào đó, phân tách ra khỏi đời sống.

Là sự sống trong hình thái đơn giản và thiết yếu, lá hồ hấp khí trời và mặt nhật để chuyển động ánh sáng thành màu xanh lục diệp và chuyển màu xanh thành đường khí. Là cuộc sống mà cũng là nguồn sống. Là ngoại vật, lá chuyển nhập vào nội tạng con người qua những con đường từ thô thiển đến tinh vi. Lá góp từng tế bào vào cơ thể ta rồi tiếp tục nuôi dưỡng từng tế

bào bằng dưỡng khí. Lá hèn mọn, lá phôi pha, lá vô danh. Sinh âm thầm, chết lặng lẽ. Thơ Văn Cao nói về những sự thật, những ân tình và bạc bẽo ấy.

Lá là nét cân đối trong không gian dưới mắt người hoạ sĩ, lá là những nét ký hoạ mà vũ trụ đã ghi lại hằng ngày trên nhật ký của mặt đất. Trong quá trình sinh trưởng, lá từ nhựa sống vươn đến một cấu trúc cân đối (*symétrie*) để rồi, từ đó dần dần mất dần cân đối (*asymétrie*) với thời gian, trong quá trình huỷ hoại: đó cũng là định mệnh con người từ bản thể chạm vào cơn gió của lịch sử. Lá là con người đương đầu với biến cố. Riêng chiếc lá Việt Nam, thân xác mong manh vùi dập đạn bom, với bột “khai quang”, là một đau thương khác, không thể bình luận về mặt triết học, văn chương.

Claude Levi-Strauss nhà bác học đã góp phần xây dựng nền cấu trúc luận, chi phối nhiều khoa học hiện đại, có kể lại rằng: ông ý thức được rõ rệt khái niệm cấu trúc, khi một buổi sáng chủ nhật ngắm nhìn một đoá hoa bồ công anh (*pissenlit, dent de lion*), một loại hoa đồng cỏ nội màu vàng, thông thường nhỏ bé. Nét hài hoà của đoá hoa, trong tương quan dị đồng với những loài hoa khác, đã đưa tư duy Levi-Strauss từ cảm xúc đến suy diễn, đến nghiên cứu, và lập thuyết. Hành trình của một tư trào lớn, có lẽ cũng là hành trình của một bài thơ, một bức hoạ. Dường như Văn Cao cũng có một ý nghĩ như thế khi anh viết: “*Cũng có người thấy trời xanh vô cùng trong bát nước, và cũng có người chỉ nói tới một giọt ánh sáng để thấy cái vô cùng tận của trời xanh. Có người cần phải tìm con đường lớn mới thấy dấu xe mà có người tìm thấy dấu xe trong hạt bụi*”. Ở đây Văn Cao muốn trình bày thao tác trí thức, về khoa học cũng như về nghệ thuật, như là một sinh hoạt tổng thể, đi từ cảm giác, đến trực giác và suy diễn, lý luận, hay sáng tạo: “*Chỉ riêng cái phần giác quan của nhà thơ cũng nói được cái hướng biểu hiện, hoặc thiên về tư tưởng, hoặc thiên về cảm xúc, hoặc thiên về cảm giác*” (trong **Một vài ý nghĩ về Thơ, Văn Nghệ**, số 3-1957, Hà Nội).

Thơ Văn Cao giàu thị giác, thiên về tư tưởng, đòi hỏi cái mới, cái hiện đại. Nhưng anh cũng chấp nhận kinh nghiệm người đi trước

*Nếu không có đường mòn
Ai biết mà tìm nhau
...Chỉ từ những đường mòn
Rừng mở ra vạt lối.*



Văn Cao cương quyết đi tìm những lối mới, cho hình thể hội hoạ, cho ngôn ngữ thơ ca. Anh ý thức rằng dân tộc cần những con đường mòn, cần truyền thống, để tự khẳng định, để giữ gìn bản sắc, nhưng lại cần những nhảy vọt để tiến bộ, để phát huy bản sắc ấy trong một thế giới đang thay đổi. Những thể nghiệm về hội hoạ trừu tượng năm 1945, về quan điểm thơ không vần 1949, là những cố gắng làm mới nghệ thuật. Nhưng Văn Cao cũng nhận ra rằng không thể có nghệ thuật mới, nếu không có tư tưởng mới và hoàn cảnh mới. Cuộc chiến tranh chống Pháp có tác dụng đổi mới tư duy, cũng như mọi cuộc chiến tranh, nhưng nó là vệ quốc nên, trong một chừng mực nào đó, đẩy lùi tư duy dân tộc về lại quá khứ với “*nam đế cư*”. Nam đế ở

đây không còn là vua Lý vua Trần, nhưng là nhiều thứ vua khác, mà về sau Văn Cao sẽ ví von với “*những con rồng đất khi đỏ khi xanh*”. Không những “*lẩn trong hàng ngũ*” mà còn len lỏi vào tư tưởng và tình cảm của mỗi người. Cái giá rất đắt của gian khổ và chiến thắng mà dân tộc ta phải trả là tinh thần bảo thủ. Tiến bộ là niềm an ủi của những dân tộc chiến bại, Nhật và Đức. Thơ không vẫn là tự hào của một tâm lý thất bại, Thanh Tâm Tuyền là một ví dụ. Thơ vẫn hay không vẫn, tuy chỉ là một vấn đề kỹ thuật, nhưng là một khâu có tác động trên cả guồng máy. Phải đợi sau khi hoà bình lập lại, 1956, Văn Cao mới làm thơ trở lại, không vẫn, thơ mới.

*Tôi muốn tìm hiểu cuộc đời
Như lấy bàn tay dò mạch giếng chảy.*

Thơ Văn Cao là cuộc tra vấn thường xuyên cuộc sống và con người, về thân phận, về ước vọng. Đề tài thơ Văn Cao không nhiều: vài ba kỷ niệm, với dăm người bạn, vài thành phố nhưng lúc nào cũng là những câu hỏi dằn vặt. Về Bùi Xuân Phái, anh nhắc đến những bức tranh *Phố Phái*:

*Không người ở
Không số nhà
Không tên phố
để cuối cùng tự hỏi:
Đến lúc nào phố anh có người thêm ?*

Với Nguyễn Tuân thân thiết, anh chỉ giữ lại cái nhìn:

*Mắt anh và mắt tôi
Một lớp tro đang ròn ròn kéo sợi
Với Nguyễn Huy Tưởng, anh nói về ám ảnh cái chết:
Bức tường lê từng bước một
Đến gần chân chúng tôi hằng ngày
... Chúng ta đều sợ một cái gì nhanh quá*

Khi vĩnh biệt Nguyễn Hồng:

*Riêng anh niềm xúc động của tôi
... Nơi anh nơi tôi hai xóm nghèo được sống*

Các cụ ngày xưa đã tiết kiệm tâm tình, mà cũng có lúc oà vỡ thành tiếng khóc, như Nguyễn Khuyến khóc Dương Khuê. Ở Văn Cao không có những nức nở đó, mà chỉ có những nhức nhối thu lại trong nội tâm, trong im lặng “*Có lúc nước mắt không thể chảy ra ngoài được*”. Thơ Văn Cao, chủ yếu, là những phút im lặng giữa những khoảng tối và sáng trong ngôn ngữ.

Hà Nội vào thu, trong thơ Văn Cao không có những màu mơ sắc mộng, mà nhắc nhở những hy sinh:

*Máu bao nhiêu người thấm đất
Để người ta mãi nhớ
Phố phường Hà Nội
Lúc vào thu*

Hà Nội ban đêm:

*Xa xa xa
Đêm động tiếng còi tàu
Hà Nội càng thêm cũ
Gió cuối năm luồn vào phố hẹp
Ruột phố Hà Nội cũ
Nhớ một cánh buồm*

Cũng một u hoài, nhưng không vồ vè mà quặn thắt. Đọc Văn Cao mệt.

Khi nhìn những con người Hà Nội trên hè phố uống bia, lẽ ra anh phải cho mình cái thanh thời phơi phới, cái phê phỡn với đám đông, cái phút tự quên trong âm ĩ. Thì không, mình vẫn phải chứng kiến bề trái cay đắng phi lý đằng sau bề mặt rộn rã:

*Họ đến đây đông lắm
Uống rỗng những thùng bia
Uống hết một ngày đang hết
Uống hết một năm sắp hết
Còn liếm môi
Họ thèm bia hay thèm sống
Thèm đám đông.*

Những thành phố thân yêu khác cũng là những đau đớn: Huế là “*Từng mặt gương đau / Từng mảnh gương tan*”. Quy Nhơn là một dấu hỏi:

*Mẹ ơi Nghĩa Bình từ đâu
phải từ máu thấm...
Không
đất này mọc lên
từ nước mắt!...*

Nhưng sâu lắng nhất là hình ảnh Hải Phòng, thành phố của tuổi thơ, nơi tiếng sóng đong đưa “*tiếng hát mẹ chiều ru võng*”... Và Hải Phòng trong trường ca “**Những người trên Cửa Biển**” còn là hình tượng cuộc sống toàn diện, bình bằng trên lịch sử gian nan của một dân tộc, một đất nước:

*Tôi yêu Hải Phòng như Việt Nam nhỏ lại
Tôi yêu Việt Nam như tôi biết yêu tôi*

Cái tôi ở đây của Văn Cao là con người nói chung, đặc biệt người Việt Nam:

*Bao tình yêu khát khao hy vọng
Là tiếng con sông mảnh đất viên đá Hải Phòng
... Cuộc đời
Dĩ vãng
Thời gian
Bỏ neo trên mặt bến*

Hải Phòng, cửa khẩu lâu đời, đã ngàn năm làm lá phổi, là đôi mắt của tổ quốc, là “*cổ họng chúng ta ngày đêm rỏ máu*”. Hải Phòng: phòng tuyến trên mặt biển, là một vị trí chiến đấu, từ thời bà Lê Chân, danh tướng của Hai Bà Trưng đến ba lần phá quân Hán quân Nguyên trên sông Bạch Đằng, nhưng gian nan nhất là thời kỳ chống xâm lược từ phương Tây: chúng ta không thể đóng cọc chống lại những tàu chiến và những pháo đài bay hiện đại. Chiến tranh Việt Pháp nổ ra tại Hải Phòng ngày 20.11.1946, một tháng trước ngày toàn quốc kháng chiến, rồi kéo dài qua thời kỳ chống Mỹ, đến cuối 1972, một tháng trước hoà ước Paris. Văn Cao đã gọi lại “*những năm tháng Hải Phòng đầy biến động*” cho đến 1956, với những chấn động xã hội và chính trị theo sau. Hình ảnh Hải Phòng dưới đôi mắt trẻ thơ thời thuộc Pháp:

*Đâm lên khoảng mây giữa tỉnh
Tháp chuông nhà thờ
An ủi những người khổ sở
Chung quanh Hoả Lò, trại lính
Cha tôi nghe tiếng chuông đổ đầu tiên
Giữa buổi chiều không cơm cháo
Bàn tay mẹ tôi quờ trong thạp gạo...*

Thời đó thực dân mộ phu phen gửi vào miền nam hay sang Tân Đảo:

*Xóm tôi càng nghèo xơ nghèo xác
Đàn gà không kiếm ăn được trên đồng rác
Hàng trăm ngàn người lại theo tàu ra biển
Ai biết cao su đất đỏ là đâu
Thình thoảng một xác trôi về bến...*

Người chết trong giông bão, chết vì bị đánh giết, vì đói, vì dịch, và Văn Cao đã thốt lên câu hỏi thống thiết, hiện đại, hiện sinh:

Giê su

Sao người chết mãi không thôi

Có cả những cuộc hành quyết, những Nguyễn Đức Cảnh (1931), Lương Khánh Thiện (1941):

*Có năm Hoá Lò dựng lên máy chém
Cả Hải Phòng sau những án đau thương
Không ai dám nhìn một con gà bị giết*

Âm đạm kéo dài tuổi thơ dưới thời Nhật thuộc:

*Có năm những đoàn ngựa Nhật đi vào tỉnh
Xóm tôi không còn một buồng chuối chín
Có năm bom Mỹ đổ xuống quanh nhà
Chỉ còn tiếng kêu trời khóc ra máu*

Những ngày “*cửa biển về ta / Những năm đầu chính quyền cách mạng*” lướt qua rất nhanh trong thơ Văn Cao “*như bóng cò trắng bay về lòng tôi thuở nhỏ*” có lẽ vì đã có nhiều thơ về giai đoạn này, đặc sắc là bài 19.11.1946 của Trần Huyền Trân. Thời đó, 1946, ta đã có chính quyền nhưng quân Pháp đã đổ bộ và Tàu Tưởng còn đóng quân tại miền Bắc; vấn đề chủ quyền đặt ra, khắp nơi trên nguyên tắc, như gay gắt và cụ thể tại Hải Phòng: ai kiểm soát hải quan? Vậy là quân Pháp nổ súng, sát hại hàng ngàn người dân vô tội trong thành phố: cuộc chiến tranh Việt Pháp thực sự bắt đầu tại Hải Phòng.

Khi nhắc đến “*giấc mơ ủ kín lòng Hải Phòng tạm chiếm*”, Văn Cao gọi lên cuộc kháng chiến chống Pháp trong kích thước quốc gia, vượt ra khỏi tầm một thành phố, với những mất mát không còn hàn gắn lại được:

*Chúng ta nhớ gì những ngày kháng chiến
Mất cả mùa xuân mất cả tình yêu
Mất đôi mắt thật trong, mất rất nhiều rung cảm
Mất rất nhiều đồng chí
Nhưng chúng ta làm chủ được Hải Phòng
Tiếng cười khóc trên Hải Phòng suy nghĩ
Những mái nhà xưa đếm lại thiếu người.*

Hiệp định Genève tái lập hoà bình, thì Hải Phòng chứng kiến cảnh chia ly nam bắc, với những chuyến tàu đi:

Vợ xa chồng

Anh xa em

Chiều Nam chiều Bắc cùng sầu

Di cư xong. Tập kết xong. Miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thời điểm tháng 2 năm 1956: những nhà máy Hải Phòng bắt đầu nhả khói. Tố Hữu làm thơ “*hơn hờ mùa xuân... Giữa mùa xuân, vũng bước tới tương lai... Tôi vui đi, mê mãi... một... hai*”. Văn Cao cũng làm thơ, kết thúc trường ca Hải Phòng với “*Những ngày báo hiệu Mùa Xuân*”. Mới báo hiệu, nghĩa là... chưa có mùa xuân. Đã thế, anh lại còn cao giọng tố cáo:

*Trong những ngày khó khăn chồng chất
Kẻ thù chúng ta xuất hiện
Những con rồng đất khi đỏ khi xanh
Lẩn trong hàng ngũ
Những con bói cá
Đậu trên những dây buồm
Đang đo mực nước
Những con bạch tuộc
Bao tay chân cổ dim một con người
... Ta muốn gói cuộc đời gọn gàng như trái vải
Đã thấy loài sâu nằm trong cuống
... Hãy dừng lại,
Những tên muốn ôm cây mùa xuân không cho mọc
Những tên muốn làm cây to che cóm mầm non*

Những rồng đất, bói cá, bạch tuộc, những con sâu, những tên nọ tên kia là ai? Văn Cao không nói rõ, nhưng doạ “sẽ vạch từng tên từng mặt”. Rồi dòng thơ Văn Cao tuôn ào thác lũ:

*Con đường ta đi tự hào 1ực 1ượng
Con đường nước nguồn thành sông biển
Con đường ta đi tự hào duy nhất
Con đường đi trái đất quanh mặt trời.*

Dĩ nhiên là không dẫm lên vết chân “*mê mãi... một... hai...*” của người kia. Họ ức Văn Cao cũng là điều dễ hiểu.

Hải Phòng, hòn máu của lịch sử, còn là tế bào của xã hội, một xã hội công nghiệp đang thành hình. Hải Phòng là một chiến lũy xưa, nhưng là một thành phố mới, phát triển với xã hội thuộc địa. Tuy rằng kế thừa sinh hoạt bến Vân Đồn thời Trần hay Phố Hiến thời Lê, Hải Phòng bây giờ mới mở mang từ đầu thế kỷ, càng ngày càng sầm uất:

*Đầu những ngọn sông những lá thuyền trút xuống
Đoàn lũ tàu đang hồng hộc chạy về đây
Đổ đầy Hải Phòng tiền rừng bạc biển
Ngập đường ngập phố
Ngập kè đá đường goong.*

Cửa cái ở đây là của thực dân Pháp và một ít tư sản địa phương câu kết với Pháp. Người Việt cung cấp dịch vụ và giải trí cho thủy thủ và lính viễn chinh. Một ít thợ thuyền làm trong các xưởng sửa chữa tàu thủy và nhiều nhất là phu khuân vác. Nguyên Hồng đã mô tả đầy đủ Hải Phòng qua bộ truyện dài **Cửa Biển**, đặc biệt trong tập **Sóng gấm**, về cuộc sống phu phen vào những năm 1936-1939. Lực lượng thợ thuyền ấy có khả năng và truyền thống tranh đấu, bãi công, như vào những năm 1919, 1926, 1928 và 1929. Do đó, trong **Những người trên cửa biển**, Hải Phòng làm biểu tượng thành phố thợ thuyền, đối lập với làng mạc nông thôn, và trong một chừng mực nào đó, cái mới đối lập với cái xưa cũ, phù hợp với tầm nhìn của Văn Cao. Dân Hải Phòng là “người góp”, gồm có “*hàng vạn người không ruộng cày ra biển*”

*Ai biết Hải Phòng là đâu
Từ giã bờ tre mái rạ
Đến đây là chỗ cùng đường*

Khác với người dân tỉnh lỵ, hay Hà Nội, họ là người nghèo, mất liên hệ với nông thôn, sống không có truyền thống, chung đụng với những người khác nguồn gốc:

*Người dân thành phố
Mồ hôi còn nước mặn phù sa*

*Dầu mỡ bụi than
Sống như muối đọng lấy bờ lấy bãi
Sống chắt chiu đùm bọc yêu thương
Che chở nắng mưa, đỡ đần b uổi gạo
Đoàn thuyền nát buộc vào nhau ngày bão
Chưa quá ba đời sống trong một xóm
Chưa đầy chục người chết trong một mái nhà thuê
Bạn bè quen thuộc
Các giống người
Từ chân trời bốn phương đi lại*

Họ an phận thủ thường trong kiếp sống than bụi, trong khi Văn Cao mơ mộng:

*Thuở nhỏ lòng tôi hướng mãi
Theo những con tàu biển ra đi
Đến những đất đai tưởng tượng*

Đến đây, chúng ta đã đi vào chiều sâu trong cấu tứ, tạo thành thi pháp Văn Cao. Văn Cao ít làm thơ và sáng tác khó khăn, nhưng gặp đề tài Hải Phòng, sức sáng tạo tuôn trào, lời thơ lai láng mà vẫn súc tích. Anh sáng tạo như trong một cơn say: chênh choáng đề tài, ngất ngây cước sống. Tâm linh lồng lộng trang giấy một mạch năm trăm câu, cấu trúc chặt chẽ, các cụ gọi là “*nhất khí quán hạ*”. Dù rằng anh có lao động chi li, sửa đi sửa lại thì nguồn thơ nguyên thủy vẫn là nền chính.

“*Một tiếng vang vang cả lòng cả đất*”, bài trường ca là hợp xướng cuộc đời lao động cùng khổ, đối lập với giấc mơ một xã hội công nghiệp tân tiến và những chân trời mới. Cùng trong năm 1956, anh còn làm bài thơ quan trọng khác, ***Anh có nghe không***, nổi tiếng vì tính cách tố cáo và phản kháng. Nhưng bài này đọc kỹ, chỉ là trường ca Hải Phòng thu gọn lại, với chung một nguồn rung cảm, cấu tứ, tạo hình. Về sau, những bài thơ ngắn hơn, dù đặc sắc vẫn là những mảnh vỡ của Hải Phòng. Đặc biệt Quy Nhơn, qua ba bài thơ làm mười năm sau (1985), sao mà giống... Hải Phòng quá.

Hải Phòng, thành phố công nghiệp, trong than bụi đã hứa hẹn một xã hội mới “*không có lúa đồng thom nhưng có trăm nhà máy*”. Đất nước sẽ thoát ly ra khỏi những ràng buộc của thiên nhiên trong chế độ nông nghiệp:

*Đất nước ngày nay về tay người thợ
Quê hương những người nghèo khổ chúng ta
Sức tự hào của những người ở biển
Không sợ thiên nhiên, không sợ cuộc đời
Lòng rộng bao la nhiều chân trời cửa biển*

Thơ Văn Cao rất ít hình ảnh nông thôn, tuy rằng thế hệ anh gắn bó dài lâu với đồng quê. Thậm chí trong lời nhạc cũng vậy. Hình ảnh làng mạc chỉ là những nét ký họa, tốc họa, “*bóng cau với con thuyền, một dòng sông*”. Âm vang đồng nội còn lại “*tiếng chuông nhà thờ rung*”. Tâm lý nông dân thô thiển: “*dân làng vui như tết – Qua mùa này không lo*”. Trong ***Những người trên cửa biển***, hình ảnh đồng quê khuôn sáo:

*Tôi nghe tiếng hát mẹ chiều ru võng
Những ca dao của đồng lúa quê hương
Những dáng cò lặn lội*

Bản thân Văn Cao nhận rằng mình “*không có quê hương*” hiểu theo nghĩa làng mạc gốc tích, dường như anh không muốn có. Người Việt Nam thường hỏi nhau về gốc tích – dù bản thân không mấy liên hệ. Nhưng Văn Cao thì nói phăng:

*Tôi không có quê hương
Nghe đâu như Thái Bình Hà Nam Phủ Lý
Như Nam Định
Ruộng đất mênh mông trong tiếng hát
Quê mẹ quê cha cách một vườn trâu.*

Quê hương, nếu có, chỉ là những hình ảnh mông lung, bàng bạc dọc theo những dòng sông hay quây quần chung quanh giếng nước, nơi trí tuệ dừng chân nghỉ ngơi và nghĩ ngợi, trước khi phóng cái nhìn về những chân trời mới. Do đó mà từ một Hải Phòng rách nát, nguồn rung cảm Văn Cao vẫn dạt dào hừng khởi. **Những người trên cửa biển** gọi là trường ca, vì nó ngợi ca cuộc sống, nó ca hát những đau thương để hướng về cái mới, cái cao cả mai sau.

Nó ca hát trước hết bằng nghệ thuật. Hải Phòng là khởi điểm của nghệ thuật.

Bắt đầu là âm nhạc: *“Hải Phòng dựng lên âm nhạc”*. Đúng thôi, vì nền tân nhạc Việt Nam bắt đầu từ Hải Phòng những năm đầu 1940 với ban nhạc *Đồng Vọng*; nhưng ý Văn Cao khởi đầu từ lịch sử âm nhạc không dừng lại đó, anh muốn rằng *“Nhạc đang biến thành sự thực quanh ta”*. Nhạc là biểu tượng của hạnh phúc – dù khi diễn tả khổ đau. Nhạc là cuộc đời đã thăng hoa thành âm hưởng; trước kia nó là *Thiên Thai*, là *Suối mơ*, là *Ngày mùa*. Nay, nhạc là hạnh phúc trong cuộc đời còn lem nhem than khói: *“Hải Phòng dựng lên hội họa – Những bức tranh tặng dân số chúng ta”*. Một câu thơ khó hiểu. Ý Văn Cao có lẽ là hội họa tạo cho chúng ta một không gian khác, do đó tăng kích thước đời sống cho chúng ta; hội họa dạy ta cái đẹp – dù là cái đẹp sẵn có trong trời đất và trong nội tâm:

*Có người không biết trắng là đẹp
Bỗng nhiên chiều đứng ngắm trắng lên
Trên đầu nhà máy
Nghe như ai hát trong lòng*

Đây là tuyên ngôn nghệ thuật của Văn Cao, người đã góp công xây dựng nền nhạc mới, nền họa mới. Và nền thơ mới. Trong lịch sử, Văn Cao đã hoạt động, đã bạo động, và sau đó biết rằng anh không thể cứu người trong lịch sử; mà chỉ có thể cứu họ trong nghệ thuật, khi sáng tạo ra một trần gian khác, trước đó là *Thiên Thai*, bây giờ là một nghệ thuật hiện đại.

Có người hằng năm mặt trời không thấy mọc

*Khép đôi xếp phách tiễn đêm đi
Hôm nay ngòi chép bài ca mới
Hương cốm mùi rơm ngát giếng đình
Hải Phòng đã dựng nên thơ
Những câu thơ thành thời sự*

Hương cốm, mùi rơm thì có gì làm mới? Nhưng nghệ thuật làm cho nó mới, cũng như làm cho thời sự thành thơ. Cái gì trong cõi đời này mà không mới, không thơ, không là nghệ thuật?

Nhiệm vụ của tác phẩm là tạo nên cái nhìn thẩm mỹ. Con người nguyên thủy, thoát tiên đâu có yêu trắng lên, chiều xuống, lá rụng, hoa tàn. Nghệ thuật biến phơi pha thành vẻ đẹp miên viễn của trần gian. Nghệ thuật giúp con người vượt khỏi thời gian, làm chủ thời gian:

*Thời gian làm trẻ lại chúng ta
Khi thời gian là của chúng ta
Nghệ thuật là cảm xúc vươn lên Trí Tuệ:
Hải Phòng dựng lên Tư Tưởng
Làm nhựa dẫn trong tôi
vì từ bến cảng
Tâm hồn ta tràn theo sóng ra khơi*

Với Văn Cao, Hải Phòng, qua những biến động và phát triển, là sự hình thành của nghệ thuật và ý thức thẩm mỹ. Có lẽ đối với Nguyên Hồng cũng thế: tác phẩm lớn của anh xoay chung quanh cuộc sống Hải Phòng. Trong bút ký “**Hải Phòng qua vài trang sử mở**” (1973), Nguyên Hồng viết: “*Tôi càng nghĩ về Hải Phòng, tôi càng thấy Hải Phòng thật là mối tình đầu của tôi, và tôi mắc một món nợ lớn, thiêng liêng vô cùng, phải cố sao mà trả dù chỉ phần muôn một. Phải! chỉ phần muôn một, nếu không, trọn đời làm gì cũng không yên tâm*”.

Nhấn mạnh vào biểu tượng thành phố Hải Phòng, nguồn cấu tạo thơ Văn Cao, chúng tôi muốn nói rằng: đề tài một bài thơ, những ý tưởng, tình cảm ẩn hiện, và chữ nghĩa thân xác bài thơ đó là một duy nhất. Văn Cao làm thơ về Hải Phòng, Nguyên Hồng viết truyện về Hải Phòng cũng như Xuân Diệu làm thơ về tình yêu, Hàn Mặc Tử làm thơ về đức tin, Huy Cận làm thơ về vũ trụ. Đề tài không phải là đối tượng, nó không nằm ngoài tác giả, mà nó là chủ thể, nó là tác giả, thậm chí làm chủ tác giả khi là nguồn cảm hứng có tiềm lực cấu tứ. Lúc đó, đề tài lái dẫn bàn tay, ngòi bút chỉ làm việc sắp xếp, sửa đổi. Nói về hội họa, Văn Cao có lần bảo tôi: vẽ gì thì cũng vẽ chính mình mà thôi. Hải Phòng là bản thân Văn Cao.

Một Văn Cao trau chuốt, cay đắng, nhưng tin tưởng và độ lượng – tin tưởng vì độ lượng. Văn Cao tin ở cuộc đời, ở vũ trụ, tin vào một thiên nhiên nuôi dưỡng con người,

*Từ xa về hạt giống rải qua sông
Mảnh đất nơi đây vui nông cũng sống*

Nếu có lúc con người phải chiến đấu chống trả thiên nhiên, “*ngày đêm vét nước nổi đê*” “*ngăn từng cơn gió muối*”, thì có lúc thiên nhiên bảo vệ con người bằng những “*ngọn sú ven sông... bãi sú vô danh... bãi sú bồi thành bến*” chống trả với biển cả. Cây sú là một loại cây dại, mọc dọc biển, có tác dụng gìn giữ đất liền tại Bắc Bộ, giống như cây đước, cây vẹt ở miền Nam, đặc biệt *Rừng Mắm* trong truyện Bình Nguyên Lộc. Trong thơ về Hải Phòng, Huy Cận có nói đến “*bãi sú mặn khô dần thành phố xá*”, và Nguyễn Đình Thi:

*Ta nhớ lò vôi bên bãi sú
Giọt máu tươi rỏ xuống bùn loang*

Văn Cao tin vào lẽ tuần hoàn của vũ trụ “*mùa này nhận bay ra biển – Chim yến từ biển bay về*”, “*Những con chim cứ sáng lên là hót*”. Văn Cao tin vào sức sống con người “*những con cá ném lên trời cũng sống*”, và tin vào trí tuệ dũng cảm, kinh nghiệm chế ngự thiên nhiên của

*Những kẻ chài quen biển
Thấy ngọn lửa quay đầu
Biết bão táp quen trở mình trên mặt sóng*

Con người khoẻ mạnh, minh mẫn và trong sáng ấy phải có hạnh phúc, xứng đáng hạnh phúc. Thơ Văn Cao, dù cay đắng, vẫn lạc quan. Trường ca Hải Phòng khởi đi từ “*đầu nhà có trồng cây mận*”, chứng nhân những đau thương ở đoạn giữa “*bạn cha tôi về chết bên cây mận*”, nhưng cuối cùng, cây mận sẽ chứng kiến hạnh phúc:

*Nhu nhú trên những cành mận non
Những nụ hoa đang nở hồng hồng
Mát hai vai dưới rặng cây bóng lá
Đôi lứa thanh niên đến tự tình*

...

*Im lặng
Đêm tắt đi tiếng ồn ào náo động
Cho đôi lứa yêu nhau
Những giờ phút ngày xưa chưa có
Những cái hôn mới
Cái hôn đầu tiên*

Đây là những lời thơ ngợi ca tình yêu tế nhị và dằm thắm nổi bật lên ở cuối một trường ca dài nặng trĩu đau thương và khúc mắc. Thơ Văn Cao là nghệ thuật đích thực vì nó đã hoá giải đau thương thành hạnh phúc: truyện Kiều cũng vậy, lời ai oán của cô cung nữ, lời thở than của nàng chinh phụ, đều như vậy. Tấm lòng Văn Cao, nghệ thuật anh và nghệ thuật nói chung, là khát vọng mệnh mông của nhân loại tìm cái đẹp, niềm vui, như kết từ của trường ca **Những người trên cửa biển**:

*Tôi giờ đây liếm môi nóng bỏng
Nhìn ra biển bao la
Lòng hãy còn nhiều khát vọng
còn rất nhiều khát vọng
Biển thành người khổng lồ kêu khát
suốt ngày đêm
Suốt ngày đêm kêu khát
Những ngọn sóng trên cát khô sủi bọt
Ngày đêm
Mãi mãi
Dưới chân tôi
Nước ngọt của ngàn sông
Bao giờ đổ đầy lòng biển*

Những âm thanh cuối cùng vang vọng trong thế giới Văn Cao từ một Hải Phòng xa xôi. Hải Phòng, khởi đầu, là một quê hương – một câu trả lời. Nhưng câu trả lời buộc lương tâm con người phải đặt ra câu hỏi. Và câu hỏi lại thách thức một giải đáp khác; rồi cứ thế, tâm hồn Văn Cao đong đưa những lời vấn đáp giữa con người và xã hội, con người trong vũ trụ, con người trước định mệnh. Những đợt hỏi – trả lời liên hồi lớp lớp, như sóng gầm trên cửa biển, có lúc lắng xuống thành tiếng sóng vàng trên *bãi dài ngô lau núi rừng âm u*, có lúc chỉ lan canh trong đáy cốc:

*Cuộc đời ôm tôi như trong cái bình
Một tiếng vang vang cả lòng cả đáy*

Vang vang hạo nhiên và ngang nhiên như *con đường tự hào duy nhất – Con đường đi trái đất quanh mặt trời*. Niềm tin của Văn Cao đi từ những giấc mơ thét gào thực tại, là những rạn vỡ đòi lại toàn bích, là chiếc lá gào gọi trời xanh. Thơ Văn Cao, đời Văn Cao là “*một tiếng vang vang cả lòng cả đáy*”, của não trong sọ, của tuỷ trong xương, của máu trong mạch, của khát vọng khôn nguôi.

1.11.1992

Văn Cao, tiếng hát Đặng Tiên





Thiên Thai và *Trương Chi* là hai ca khúc nổi tiếng từ nửa thế kỷ trước, cấu trúc trên hai truyền thuyết được lưu hành lâu đời. *Thiên Thai* là chuyện Lưu Nguyễn lạc vào cõi bồng lai, *Trương Chi* kể lại niềm đau đớn của chàng ngư dân có tiếng hát hay, tuyệt vọng vì tình: ai cũng hiểu như thế và hiểu đúng. Gần đây, Phạm Duy có phát triển thêm ý nghĩa của hai bài hát, trong một loạt bài rất hay đăng trên **Văn Học** (California), số 16 và 17 tháng 10, 11 năm 1987, mà Hợp Lưu đăng kèm trong số này.

Nay chúng tôi muốn đưa một lối nhìn khác về hai nhạc phẩm, không phải để đi tìm cái độc đáo, lập dị, mà để đưa *Thiên Thai* và *Trương Chi* vào toàn bộ sự nghiệp thơ – nhạc – họa của Văn Cao, như một đồng bộ

thống nhất: hai bài hát đó, chúng tôi xem như là tuyên ngôn nghệ thuật của Văn Cao – những nguyên tắc thẩm mỹ được đưa ra từ thuở hai mươi, sẽ chung thủy với Văn Cao đến tuổi xế chiều.

Thiên Thai mở ra bằng một tiếng hát:

Tiếng ai hát chiều nay vang lừng trên sóng...

Bồng lai, ở đây, chỉ là tiếng hát: *Thiên Thai* là lịch sử một tiếng hát, một tác phẩm nghệ thuật lừng danh và vô danh. Tiếng hát, không à ơi trên võng, không tỉ tê bên gối, không ê a dưới ánh đèn màu, không rề rề qua máy phát thanh, và vang lừng trên sóng, vượt tới vũ trụ và lấn át vũ trụ. Tiếng hát át tiếng sóng là một âm thanh tự thức đề lên một âm thanh vô thức. Tiếng ai hát... ai hát? Ta không biết và không cần biết. Một tác phẩm nghệ thuật, khi lia tác giả, không còn cần tác giả, như đứa con khi trưởng thành không còn cần mẹ như trước: chúng ta yêu **Truyện Kiều** mà không cần biết Nguyễn Du. Biết, dĩ nhiên, “thì cũng tốt thôi” nhưng không phải là điều chính yếu trong nghệ thuật. Cái sai lầm của cô My Nương là đã muốn đồng hóa tiếng hát với người hát: “*Anh Trương Chi. Người thì thậm xấu hát thì thậm hay... Hồ nghe tiếng hát thì thương... Hồ trông thấy bóng anh chàng thì chế*” như lời ca dao quê Văn Cao mà Nguyễn Hồng và sau này Phạm Duy, có kể lại. Mà không cứ gì một cô bé lâu Tây sai lầm, mà cả nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa (đã) sai lầm, khi đánh giá những bài hát nói Nguyễn Công Trứ qua Nguyễn Công Trứ, đánh giá tiểu thuyết Nhất Linh qua con người Nhất Linh – mà lại đánh giá sai.

“*Thiên Thai* là gì? là cả một thiên thu trong tiếng đàn chơi vui”. Sự đối lập, hay song lập giữa vĩnh viễn và mong manh, giữa những định hình và những chơi vui, là thế giới nghệ thuật. Nụ cười mong manh trở thành miên viễn trong bức họa La Joconde. Cái không gian như cái giây tơ, bước đi sẽ đứt động hồ sẽ tiêu trong buổi chiều Xuân Diệu – hay buổi chiều Nguyễn Du, bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha, những ánh sáng mong manh ấy, là cả một thiên thu.

Một mặt, nghệ thuật là tiếng “*đàn xui ai quên đời dương thế... nhớ quê chiều nào xa khơi... chắc không đường về tiên nữ ơi*”, tách rời khỏi thực tế: nghệ thuật là một thế giới riêng, với những quy luật riêng, bảo vệ và phát huy bản năng sáng tạo, độc lập với hiện thực. Mặt khác, nghệ thuật cần bám rễ vào thực tại để phát triển, và phả sắc, nhả hương về lại trần gian. Nói giản dị hơn: nghệ thuật cần thực tại để nảy sinh và cần quần chúng để trưởng thành và tồn tại, nghệ thuật là *ánh trắng thanh mơ tan thành suối trần gian*. Nghệ thuật là *một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần*, là những cánh hoa trong một bức tranh tuyệt mỹ, không nở không tàn, nhưng chỉ sống thực khi gặp cái nhìn của người xem: sóng mắt con người đánh thức cảnh hoa trong hội họa, và trong ánh mắt đó, nó sẽ nở sẽ tàn như mọi thứ hoa trần thế; và chỉ có phút bừng sống đó, cảnh hoa nghệ thuật mới đạt tới đời sống thực và có khả năng trở thành một cảnh hoa lý tưởng. Trong khi chờ đợi, cảnh hoa huệ của Tô Ngọc Vân, cảnh hoa cúc của Lê Phổ... vẫn là *những hoa xuân chưa gặp bướm trần gian*.

Người nghệ sĩ khi cầm cây cọ ngòi bút tên tay đều biết rằng *ái ân thiên tiên, em ngò phút mê cuồng có một lần* – một lần thôi, nếu có. Và có thể cái *phút mê cuồng* ấy không đến: *phút linh cầu mãi không về* như lời thơ Hồ Dzếnh. Hoặc đến không phải nơi phải lúc. Phút mê cuồng ấy linh thiêng, tuyệt đối, là động cơ sâu xa của sáng tạo mà mỗi nghệ sĩ, mỗi xã hội đều có nhiệm vụ bảo vệ, vì nó chỉ có *một lần*. Và khi khai triển chuyển *phút có một lần* thành cả *một thiên thu*, người nghệ sĩ lại phải tỉnh táo: trước cái *phút mê cuồng* đó để chuẩn bị, và sau đó, để hoàn tất. Lúc tỉnh táo, trước và sau đó, anh là người thợ, phải có dụng cụ, có tay nghề. Anh đừng cả tiếng khinh thường thợ thợ, thợ vẽ: không có người thợ trong tay, anh suốt đời chỉ nghếch ngoác, hoặc rung đùi đợi vợ con hầu rượu hoặc lạc rang, và chửi đời “không có trình độ”.

Thiên Thai là luồng điện hai chiều: người trần thế mê hạnh phúc bỗng lai trong khi những tiên cô khao khát “khúc tình duyên” trần thế. Lưu Nguyễn khi ở Thiên Thai đã “quên trần hoàn”, khi về trần, muốn tìm lại cõi tiên thì *Đào nguyên nơi nao?* . Nghệ thuật cũng vậy. Nghệ thuật là cuộc đời muốn hóa thân thành màu sắc, âm thanh; mà cũng là những âm sắc khô cứng muốn trở lại làm hoa làm lá. Nghệ thuật là đóa hoa mong chín mọng thành trái đầu mùa, mà cũng là quả cây chín muộn, nhưng nhớ cánh bướm hoang đường từ một mùa xuân xa vắng. Là những lối đi trùng với lối về, nghệ thuật là cõi hẹn hò ngang trái. Mỗi ngang trái là một chung thủy và hạnh phúc của sáng tạo nảy sinh từ sự thủy chung đó. Nghệ sĩ cùng *bảy tiên đàn ca bao năm*, không còn nhớ đường về; anh sống với nghệ thuật cũng vậy: trước giá vẽ, anh chỉ biết vui với cây cọ và màu sắc, mà không cần nhớ cuộc sống, không nên thêm vào một bó hoa hồng để tranh dễ bán, không nên bớt đi một đóa sen cho hợp với đường lối, lập trường. Anh vẽ cuộc sống, nghĩa là vẽ cuộc sống trong anh; dù là vẽ cái ly trước mặt, anh vẫn vẽ ra hàng ngàn cái ly chúng kiến đời anh, bằng một cái ly trong tâm tưởng. Tĩnh vật trước mặt chỉ là cái có, làm trung gian giữa tác giả và người xem tranh. Những mối tình lớn không cần trung gian. Những họa phẩm lớn không cần đề tài. Nhưng ngược lại, khi rời khỏi giá vẽ, trở lại đời sống bình thường của xã hội, thì anh lại phải sống bình thường, đau cái đau của con người, vui cái vui của vợ con, buồn nỗi buồn của dân tộc. Nguyễn Du không lẫn lóc suốt đời thì không thốt lên được tiếng đoạn trường. Nguyễn Khuyến không lo sót vó vì lụt lội mất mùa, *phần thuế quan thu, phần trả nợ* thì không viết nổi câu *nước trong veo*. Nói vậy để trả lời những người hỏi Văn Cao: Sao tài hoa xuất chúng mà đi lãnh việc trong ban khùng bố? Sao lại không? Chẳng lẽ là tài hoa, anh lãnh phần làm nhạc quốc ca thôi, còn việc bản thủ thì để người khác làm thay? Hỏi như thế thì khác gì trách Nguyễn Công Trứ cầm quân dẹp loạn, hay trách André Malraux chỉ huy lữ đoàn thép Alsace Lorraine? Văn Cao có câu thơ thật hay:

*Cuộc đời ôm tôi như trong một cái bình
Một tiếng vang vang cả lòng cả đá*

Văn Cao là vậy, luôn luôn là vậy, *một tiếng vang vang cả lòng cả đá*, dội về biển lớn, *vang lừng trên sóng*.

Thiên Thai là cõi vô thủy vô chung, không có thời gian. Mà không có thời gian thì không có Âm Nhạc. Lô gíc. Không có khúc nghệ thường. *Gió hát trầm tiếng ca, tiếng phách ròn lẳng xa* là nghệ thuật, là trần gian, là ý thức của hủi thể. *Âm ba thoáng rung cánh đào rơi* trong một *mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần*. Nghệ thuật đã là rụng chiếc lá đầu tiên xuống Đào Nguyên. Nghệ thuật là cố gắng của con người vượt qua khỏi vật thể, tội lỗi và cái chết trong trần thế và đã đưa những khái niệm ấy vào Thiên Thai qua *Đào Nguyên Hành* của Vương Duy hay chuyện *Lưu Thần, Nguyễn Triệu* trong thơ Tào Đường mà Văn Cao có chịu ảnh hưởng như anh đã ghi nhận (1944). Nhưng Lưu Nguyễn chỉ là nhân vật, nên đã thông dong trở về trần. Còn Trương Chi là người hát, có thể là tác giả những bài hát, nên phải trả một cái giá đắt hơn.

TRƯƠNG CHI

Có nhiều huyền thoại Trương Chi. Tình sử Trung Quốc kể chuyện một cô gái mê tiếng hát một người lái buôn rồi chết, tim hóa đá, cho đến khi người đàn ông trở lại, nhỏ một giọt nước mắt, khối tình mới tan. Theo truyền thuyết Việt Nam, người đàn ông là một người thuyền chài, có tiếng hát hay, nhưng bị chê nghèo (hoặc xấu); nhân vật nữ là cô My Nương. Có thuyết cho là nàng chết, thuyết khác cho chàng chết, tim hóa gỗ bạch đàn hay ngọc đá. Văn Cao nhấn mạnh hai chủ đề nhạc và giai cấp, và chuyện chấm dứt ở cái chết của Trương Chi, chỉ còn lại tiếng hát nức nở bên sông. Không có chuyện trái tim và nước mắt, Phạm Duy, trong *Khối Tình Trương Chi* (1945) kể lại truyền thuyết từ đầu đến cuối. Hai bản nhạc đồng thời với nhau và Phạm Duy đã có lần giải thích rất hay tác phẩm bạn mình (báo **Văn Học**, đã dẫn).

Bài hát *Trương Chi* mở đầu cho một thế giới sơ khai: *Một chiều mưa trắng nước chưa thành thơ*, một thế giới chưa có nghệ thuật, chưa có sáng tạo; sau đó *không gian mới rung thành thơ*: con người đã phát triển được bản năng thẩm mỹ, bằng cách tiếp thu một cách tiêu cực vẻ đẹp của vũ trụ, rồi dần dần sáng tạo ra nghệ thuật, *ôi tiếng cầm ca thu tới bao giờ*. Con người trước tiên tiếp xúc với vũ trụ để tự vệ và sản xuất, nhờ có nghệ thuật, họ đã bằng những rung cảm mới, ngoài phạm vi nhu cầu tồn tại. Tương quan giữa tiếng cầm ca và *thu tới bao giờ* là tương quan giữa bản năng thẩm mỹ, bản năng sáng tạo và cái đẹp của thiên nhiên. Thiên nhiên thì vẫn vậy thôi, hay chuyển hóa rất chậm và rất ít, theo chu kỳ, nhưng ý thức thẩm mỹ của con người ngày càng phát triển nhanh, càng tiến bộ, trở thành phức tạp, tinh tế. Cho đến một lúc nào đó, con người bỗng thấy *lòng chiều bơ vợ lúc thu vừa sang...* Buổi chiều. Mùa thu. Niềm bơ vợ: chúng ta đã đến những chủ đề cổ điển của văn thơ thế giới, từ nhiều nguồn văn minh khác nhau. Con người chủng tộc, văn hóa khác nhau có thể cùng rung cảm như nhau, vì cái đẹp khách quan bằng bạc dưới ánh sáng hài hòa của vũ trụ và cái đẹp chủ quan áp ủ trong bản năng thẩm mỹ của con người, bản chất gần nhau. Từ đó, nghệ thuật là mớ vốn chung cho toàn thể nhân loại, nó phải có tham vọng đáp ứng lại nhu cầu thẩm mỹ của con người – dĩ nhiên là qua lăng kính ngôn ngữ, văn hóa của từng dân tộc một. Sáng tạo nghệ thuật làm vũ trụ và con người càng ngày càng giàu có thêm. Buổi chiều, cũng như buổi sáng, buổi trưa, không đẹp, không xấu: buổi chiều là giờ an nghỉ, phút chia tay, một ánh trầm tư, một thoáng u hoài trước cảnh vật phai màu nhạt sắc. Buổi chiều, một thoáng bơ vợ, trở thành một tình cảm văn nghệ. *Có nghĩa gì đâu một buổi chiều* (Xuân Diệu).

Nhưng theo đà tiến hóa, nghệ thuật – và con người nữa, cách ly ra khỏi thiên nhiên, độc lập và có khi đối lập thiên nhiên, công phá thiên nhiên. Nghệ thuật ngày một ngày hai trở thành một hoạt động chuyên nghiệp có quy chế trong xã hội. Ngày nay, ai thích lời chim hót *riú rít tiếng oanh ca* không nhất thiết phải thích âm nhạc; ai yêu phong cảnh sông *Lô bến sóng vàng từng nhà mờ biếc chim một màu khói thu*, người ấy không nhất thiết phải yêu hội họa.

Nhưng nghệ thuật, cụ thể là âm nhạc, hội họa và văn thơ khơi sâu ý thức về cái đẹp, gọi là mỹ cảm trong con người, giúp con người yêu thêm, yêu sâu sắc hơn ngôn ngữ và những âm sắc thiên nhiên. Không phải tự nhiên mà con người *nghe suối hát theo đôi chim quyên* hay *ngoài sông mưa rơi trên bao cung đàn... còn nghe như ai nức nở và than... trầm vút tiếng gió mưa... cùng với tiếng nước róc rách ai có buồn chăng...* Trong trường ca *Những Người Trên Cửa Biển*, Văn Cao nói rõ hơn:

*Có người không biết trăng là đẹp
Bỗng nhiên chiều đứng ngắm trăng lên
Nghe như ai hát trong lòng...
Có người quên hàng chục năm dĩ vãng
Chợt nhớ ra tất cả những ước mơ
Của những ngày niên thiếu
(Lá, tr. 72)*

nhờ một câu thơ, một khúc nhạc. Nghệ thuật là bội số của cuộc đời, nhân cuộc đời thành hàng vạn giấc mơ, từ đó, Văn Cao đã có thể khẳng định *những bức tranh tăng dân số chúng ta*. Và anh giải thích:

*Bao tình yêu khát khao hy vọng
Gửi từng cuộc đời nhỏ bé
Từng thế giới con con
Với tôi tất cả
Đều rộng lớn vô cùng*

vì những *nhỏ bé con con* ấy lớn lên trong nghệ thuật, đều trở thành *cái vung tay hùng tráng của người gieo – (le geste auguste du semeur)*.

Nhưng cái đẹp trong nghệ thuật không phải lúc nào cũng lung linh ánh trăng, long lanh tiếng suối, lóng lánh hơi mưa, nó có thể *lem nhem than khói*:

*Nhạc đang biến thành sự thực quanh ta
Tôi càng yêu hơn
Những cuộc đời sau bức tường xám xa lem nhem than khói
Những lá thuyền chen chúc nép bên nhau
Qua chiếc lưới phới thấp thoáng bóng người
Cả đến cuộc đời những con hà lóng lánh
(Lá, tr. 71)*

Tác dụng của nghệ thuật thật lớn lao trong cuộc sống của loài người. Cô *My Nương vốn ở lầu Tây, con quan Thừa Tướng ngày ngày cầm cung* trong ca dao làm sao có tầm hiểu biết như thế.

*Tây hiền My Nương khi nghe tiếng ngân hò khoan
Mơ bóng con đò trôi
Giai nhân cười nép trắng lá loi
Lá loi bên trời*

Sai lầm của cô gái lầu Tây là đã mơ người hát qua lời hát, mơ tác giả qua tác phẩm, sau đó muốn chiếm hữu tác giả – nghĩa là chiếm hữu toàn bộ tác phẩm lẫn nguồn sáng tạo cho riêng một mình – rồi lại chê nhạt chê khoan. Cô là hiện thân của hệ thống chính trị cưỡng đoạt văn nghệ từ xưa đến nay. Đường Minh Hoàng yêu chuộng Lý Bạch, Louis nâng đỡ Molière, bất quá là để mua vui như Lê Thánh Tông dùng nhạc Lương Đăng; còn chế độ chuyên chính vô sản, từ Staline đến nay, chiếm đoạt nghệ thuật ra sao thì chúng ta không cần dài lời. Trong bài hát, Văn Cao phớt qua hình ảnh My Nương, chút nhan sắc của cô bé dậy thì này không đáng cho chúng ta dừng mắt lại lâu, như lời chàng Nguyễn Huy Thiệp *chịu khó quan sát, những cô gái mới lớn hết sức đứ đợ hạnh và trong trắng lại lén lút đi đọc những chuyện nhảm nhí. Người anh hùng của các thiếu nữ hoa niên là một gã Đông Juăng nào đó* (Sông Hương, số 42, 1990). Điều này, dĩ nhiên là không làm vinh dự cho anh Trương Chi, anh chỉ *trách ai khinh nghèo quên nhau*. Quên nhau là thôi, là hơn. Trương Chi đừng chèo là Văn Cao đừng chuyện. Không cần gì mà phải tim hóa đá để đòi nợ nước mắt. Vì không ngọc đá nào quý bằng trái tim con người, trái tim biết yêu, biết nhớ, trái tim ngừng đập là tan với cỏ cây. Trái tim Trương Chi, trái tim Văn Cao không có gì sánh được. Còn món nợ kia? Ở đời, một anh *“phủi”* nợ, thì hết vấn đề. Hai là anh nhận nợ, thì không bao giờ anh trả hết: chết đi, chết kiểu gì đi nữa, thì anh cũng chỉ mới thoát nợ chứ chưa phải là trả nợ. Lẩn thẩn mà Văn Cao đòi nợ thì phiền lắm: cả nước nợ anh một bản quốc ca, mỗi chúng ta còn nợ anh một vài bản nhạc tình, cả mấy cô tiên trên Thiên Thai cũng còn nợ Văn Cao trái đào thơm. Năm nay bảy mươi tuổi, Văn Cao đã ăn được trái đào thơm nào đâu? Còn quả đắng, thì suốt một đời, anh phải ăn nhiều lắm. Văn Cao là chú đạo đồng dâng mật ngọt cho bữa tiệc trần gian rồi suốt đời phải ăn trái đắng.

Trái tim Trương Chi thì đã tan rã. Nhưng *tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung*. Đây là định mệnh của tác phẩm nghệ thuật, là ý nghĩa đặc biệt của nhạc phẩm *Trương Chi*, chứ không phải là chuyện tình lẩn thẩn. Phải hiểu như thế mới bắt được mạch thơ Văn Cao

Đêm nay dòng sông Thương dâng cao

*Mà ai hát dưới trăng ngà
Ngồi đây ta gõ ván thuyền
Ta ca trái đất còn riêng ta*

Ta ở đây không phải là cá nhân Trương Chi, cũng không phải là Văn Cao, mà là Con Người, Nhân Loại sáng tạo ngôn ngữ, rồi sáng tạo nghệ thuật, khoa học, kỹ thuật, văn minh, văn hóa để làm chủ trái đất *còn riêng ta*. Con người gõ ván thuyền mà ca, giữa cảnh trăng nước sông Thương đó, đẹp hơn cả hình ảnh Trang Sinh khi vỗ bần mà hát. Hát rằng: *ta có trời đất làm quan quách, nhật nguyệt làm ngọc bích, tinh tú làm ngọc châu, vạn vật làm lễ tống... Mà còn thêm chi cho lắm việc (Liệt Ngự Khấu, Ngoại Thiên)*. Bối cảnh có khác nhau, nhưng nội dung chính yếu của chuyện gõ thuyền, gõ chèo mà ca không khác nhau: con người tự thức, làm chủ thể của ý thức và ngoại vật. Tự thức ở Trang Tử là tư tưởng lớn lao của ông, tự thức của Văn Cao là nghệ thuật của mình, là *tiếng ai hát chiều nay vang lưng trên sóng*, mà cũng là tiếng sóng. Tiếng sóng *Kêu khát suốt ngày đêm – Suốt ngày đêm kêu khát*. Nghệ thuật phải là *những làn môi. Những làn môi nóng bỏng căng mình chờ đợi*:

*Nước ngọt của dòng sông
Bao giờ đổ đầy lòng biển
(Câu khép trường ca Những Người Trên Cửa Biển)*

TỪ SUỐI MƠ ĐẾN BẾN XUÂN

Những tình khúc đầu mùa của Văn Cao là *Thu Cô Liêu, Buồn Tàn Thu (1939), Cung Đàn Xưa, Bến Xuân (1942), Suối Mơ (1943)* đã ghi lại những thành công trong thời kỳ phôi thai của nhạc mới, những năm 1940 và bây giờ vẫn còn nhiều người hát; và nghe lại, ta vẫn thấy hay, trong khi một số ca khúc đồng thời của Thẩm Oánh, Dương Thiệu Tước... đã trở thành những âm hao lạc lõng. Giải thích hiện tượng này, Phạm Duy đã có một loại bài hát hay, và anh là người có nhiều thẩm quyền nhất để phán: anh sống, sáng tác và ca diễn vào thời điểm đó, anh nắm vững lịch sử tân nhạc và tâm lý quần chúng; về nhạc thuật, Phạm Duy là vua. Vậy chúng tôi tựa cột mà nghe Phạm Duy

Phải đợi cho tới khi tân nhạc ra đời vào những năm cuối 30 và đầu 40 thì chúng ta mới có được một loại nhạc tình lãng mạn do các người tình tiền phong của thời đại như Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Lê Thương, Văn Chung, Dzoãn Mẫn...tung ra (...). Tuy nhiên, loại nhạc tình lãng mạn đó chỉ có thể được gọi là đạt tới độ hoàn mỹ khi nó được phát xuất ra từ một con người tài hoa bậc nhất của thế giới nghệ sĩ trẻ lúc bấy giờ. Người đó là Văn Cao.

Cái mới, điểm tiến bộ đầu tiên Văn Cao đưa vào nhạc mới là người đàn bà đẹp, kiều diễm, trang trọng, cao quý, khác với *Cô Hái Mơ, Cô Lái Đò, Cô Lái Thuyền, Cô Hàng Bán Hoa, Cô Hàng Cà Phê, Cô Láng Giếng* trong những bài hát thịnh hành thời đó. Xã hội Việt Nam ngày xưa không tạo cơ hội cho trai gái gặp nhau, ngoài sinh hoạt công cộng nơi đồng áng hay hội hè – vốn hiếm. Nơi công cộng, nếu không gặp cô thôn nữ tát nước bên đàng, thì cũng là cô sơn nữ, cô hái hoa gì đó, vì trai gái không có quy chế (*statut*) gặp gỡ. Phải đợi đến Văn Cao, cô gái mới đi thẳng đến nhà người yêu *bên chiếc cầu soi nước để hát theo đàn rồi hẹn mùa xưa cùng xây nhà bên suối*. Người con gái, có thể là khuê các, có thể ngồi trong nhà mà nhớ người yêu: *Ôi vừa thoáng nghe, em mơ ngay bước chân chàng*. Đặc biệt là chữ “ngay” như một phản xạ, một tự do. Phải rồi. Cô gái trong tình khúc Văn Cao là cô gái tự do, báo hiệu cho một nền văn minh mới. Cô lại đẹp tuyệt vời, huyền diệu:

*Chiều năm xưa
Gót hài khai hoa
Mắt huyền lưu xuân
Dáng hồng thom hương*

Người đẹp kiều sa này, đi vào kháng chiến sẽ để lại *những lối mòn thơm mãi dấu chân em* trong thơ Nguyễn Đình Thi; ra khỏi kháng chiến thì:

*Em dài các lòng cũng thoa son phấn
Hai bàn chân kiều ngạo dẫm lên thơ*

trong *Mê Hồn Ca* của Đinh Hùng. Nhất Linh đã bảo vệ người phụ nữ, Dương Thiệu Tước đã mượn trợn, và Văn Cao đã kính trọng người phụ nữ.

Một đặc điểm khác trong tình khúc Văn Cao là toàn bài hát được cấu trúc như một tác phẩm hài hòa và toàn bích, như một bài thơ độc lập, có giá trị nhất quán và tự tại. Phạm Duy công nhận: *Nếu đem so sánh với những bản nhạc tình của thời đó thì bài Suối Mơ với Bến Xuân là cực điểm của lãng mạn tính trong ca nhạc. Lúc đó các nhạc sĩ còn đang lẩn quẩn trong cách xếp đặt chữ nghĩa trong ca khúc thì Văn Cao đã viết hẳn ra một Bài Thơ Bên Suối.*

Cung Đàn Xưa kết hợp nhuần nhuyễn những lời thơ thiết tha da diết, xoắn sâu vào nỗi đau thương:

*Cung thương là tiếng đàn
Cung Nam là tiếng người
Ai oán khúc ca cầm châu rơi
Tình duyên lãng đãng nhớ thương dần pha phôi
Cung đàn ngân
Buồn xa vắng trong tiếng trầm
Buồn tê tái trong tiếng ngân
Buồn như lúc xuân sắp tàn
(...) Giờ còn mong chi người hát theo đàn.*

Trong thơ mới, có lẽ ngoài Hàn Mặc Tử ra, chúng ta cũng ít khi thấy ngôn ngữ thể thiết dồn nén đến mức ấy. Ngôn ngữ Văn Cao thật mới: trong khi các nhạc sĩ khác còn vẩn về hình ảnh hoa rộng thuyền trôi, thì Văn Cao đã có những sáng tạo:

*Hồn cầm phong hương hình bóng xuân tàn
... Hồn cầm lắng tiếng đời
... Cánh nhận vào mây thiết tha
... Có một mùa đào dòng ngày tháng chưa tàn qua một lần...*

Đó là đặc sắc trong lời ca. Về nhạc lý, chúng ta nghe Phạm Duy phê phán nhạc tình thời đó: *Về phần nhạc thuật ta thấy rằng tất cả những bài hát đó chỉ được coi như là phó sản của những nhạc phẩm đã được sản xuất trước đây. Tất cả đều nằm trong một khuôn khổ có sẵn (thể nhạc khiêu vũ tango hay rumba) với những âm hình (dessins melodiques) mà ta có thể gọi được là clichés. Những tình cảm trong các bài này cũng đều na ná như nhau, nói chung là tiếng gọi gái của những thanh niên thất tình (Văn Học, tháng 12, 1986).*

Theo Phạm Duy, phải đợi đến *Cung Đàn Xưa*, Văn Cao mới đưa nhạc tình trong năm 1943 này lên tới đỉnh cao nhất của những bài ca ái tình (*Văn học*, số 15, 1987).

NHỮNG HÀNH KHÚC

Song song với những tình khúc đầu mùa, mà Phạm Duy gọi bằng tiếng Pháp là *le temps de l'innocence* – thời ngây thơ, vào những năm đầu thập niên 1940, một nhạc trào khác phát triển mạnh là nhạc hùng, những bài hát khỏe, vui của hướng đạo, học sinh, đề cao lịch sử, đất nước, sức khỏe, bắt đầu từ nhóm Đồng Vọng của Hoàng Quý tại Hải Phòng đến Hùng Lân, Lưu Hữu Phước. Những hành khúc này có những động cơ xã hội hay chính trị, hoặc tự nhiên hoặc có lãnh đạo.

Văn Cao là tư tưởng tự do và tiến bộ, trong thể loại nào cũng giữ hai nét đặc biệt ấy. Văn Cao yêu lịch sử dân tộc nhưng không nô lệ: tự hào về quá khứ đất nước anh vẫn xem như là một kỷ niệm đã qua – và tâm thức dân tộc cần phải được vượt qua để tồn tại và tiến hóa.

Trận Đống Đa là chiến thắng thần tốc oanh liệt nhất của chiến thuật Việt Nam, của chiến tranh nhân dân và phong kiến, của bạo lực và chính nghĩa, của chiến lược thuần túy. Nhưng Văn Cao không hề bị choáng ngợp trước đỉnh cao lịch sử đó, ngược lại, trong Gò Đống Đa, anh khẳng định:

Thẻ quyết phán đấu

Đồng tâm hy sinh

Làm sao cho hơn thời xưa

Rồi cất sức sống ngày mai...

Thăng Long Hành Khúc Ca, cũng nhắc lại chiến công Tây Sơn, Văn Cao nhìn về toàn bộ lịch sử dân tộc qua hình ảnh cổ đô:

Thăng Long thành xưa

Thăng Long ngày nao

Cờ khoe sắc phát phới

Nhưng hiện tại thì khác. Việt Nam, lúc đó, là một nước nô lệ lầm than, lạc hậu. Hà Nội là một thủ phủ thuộc địa: *bao năm qua khắp chốn cũ cũng đã mất hết tinh anh*. Dù cho *bao người bao nhiều luyến tiếc... này phường phố cũ, này đường về ô xưa... bóng xưa ngàn năm*, thì giờ đây chỉ còn lại một u hoài xa vắng, *hồ phai khi tàn mơ*. Muốn dân chúng sống yên vui, thậm chí sống oai hùng, tiếp nối với truyền thống thì phải biết đổi mới, tiếp thu khoa học và dân chủ – những giá trị phương Tây mà Nguyễn Trường Tộ đã trình bày – phải mở tim mở óc *chờ gió mới bay về... bao ánh sáng phương tây từ khắp chốn bay về*.

Lấy một ví dụ khác: chủ đề sông Bạch Đằng. Chiến công hiển hách này được nhiều người đưa ra như một tiêu chuẩn, một giá trị miên viễn. Hoàng Quy, đồng hương, bạn và thầy nhạc Văn Cao viết:

Đến bây giờ mỗi khi đi trên sông Bạch Đằng...

Thì anh em ta vui ca rằng:

Trên sông Bạch Đằng dân Nam hò reo

Lưu Hữu Phước cũng cho rằng *Đằng Giang vẫn sáng để cho nòi giống soi chung*, trong khi đó Văn Cao, trên con sông quê hương thì buồn thiu:

Bạch Đằng giang sâu mơ bên lau xanh

Với bến nước xa xôi

... Buồn ai đứng nhìn con sông xanh biếc ngày xưa

Mà nước mắt mờ rơi...

Đã đành, ở đây lãng đãng nét u buồn lãng mạn vẫn cố hữu trong nhạc Văn Cao, nhưng không thể phủ nhận tư tưởng cầu tiến và duy tân của anh. Lưu Hữu Phước thường nói đến nòi giống. Có khi rất hào hùng. Hào hùng lắm thì kỳ thị:

Đây Bạch Đằng giang sông hùng dũng

Của nòi giống anh hùng, giống Tiên Rồng, giống Lạc Hồng. v.v. .

Thì, trong một đề tài khác, Văn Cao thực tế và thấm thiết và thân thiết mong:

Đất giống nòi quê hương qua nơi lầm than

Cùng chung sức phán đấu xây đời mới...

Thời đó, Văn Cao đã có cái nhìn rất thoáng, rất rộng về dân tộc trong một cộng đồng nhân loại lớn lao: *Trong Công Nhân Việt Nam* (1944), bài hát chính thức của Tổng Công Đoàn Việt Nam hiện nay, anh viết:

Ngoài kia lời non nước đang nhắc ta

Mau nhắc cao giống nòi

Yêu mến muôn giống người

Tranh đấu cuối cùng

Là đời sống mới dâng xa

Một tình cảm tiến bộ, lành mạnh. Nói rằng những tư tưởng kia có lãnh đạo, cũng không giảm giá cá nhân Văn Cao. Tố Hữu cũng được lãnh đạo – và lãnh đạo kẻ khác – tuổi đời và tuổi đảng cao hơn Văn Cao, mà tư duy chính trị, ở thời điểm đó, còn hạn chế. Tư tưởng tiến bộ của Văn Cao đã *từng lưu hương yêu dấu với suối xưa trôi nơi đâu trong những phím tơ lưu luyến mấy cung u huyền trong tiếng hát vọng ngàn xưa còn rung – buồn xa vắng trong tiếng thẳm buồn tê tái trong tiếng ngân – như mùa thu chết rơi theo lá vàng, tâm hồn hoài cổ ấy lao vào những kỷ niệm vang vang hùng khí: Bừng nghe dư âm mênh mông khúc anh hùng ca ra nơi biên cương. Bao chiến mã lên đường...* nhưng cái bắt ngờ là Văn Cao không dừng lại ở những “dư âm mênh mông” ấy, anh còn đòi:

Lập quyền dân tiến lên Việt Nam

Đòi hạnh phúc đắp xây tự do

Những yêu cầu thiết yếu mà ngày nay, sau nửa thế kỷ xương máu và làm than dân tộc ra vẫn chưa đạt tới. Và vẫn còn có thể hát đấng cay: *Tiếng than nơi nơi... Tháng năm dần trôi. Về nhạc thuật, Phạm Duy đánh giá cao bài Chiến Sĩ Việt Nam: Với tài năng tuyệt vời của một họa sĩ, Văn Cao vẽ ra hình ảnh chiến sĩ Việt Nam phi ngựa trên đường xa (...) Tài soạn nhạc của anh tới lúc này đã bỏ xa những nhạc sĩ chuyên nghiệp khác, đừng nói gì tới những tay soạn nhạc tài tử như Nguyễn Đình Thi hay Đỗ Nhuận. Trong khi nhạc hùng của Hoàng Quý, Lưu Hữu Phước dù hay đến mấy cũng không vượt ra ngoài khuôn khổ của những ca khúc rất chân phương, rất cân đối, rất sách vở... thì Văn Cao trở tài soạn nhạc hành khúc như bài Chiến Sĩ Việt Nam này. Câu nhạc thứ hai dài dằng dặc, với nhịp điệu dồn dập, thay đổi hơi thở luôn luôn khiến cho câu ca có sức sống mãnh liệt: “Ngựa phi nơi xa xa kìa nghe sừng vang bên trời điệu kèn rộn ràng”. Tiếp tới là sự nhắc lại đề (...) Cái hay của tác giả là đã chuẩn bị để vào cuối câu nhạc sẽ chuyển qua một nhạc đề khác, để chứng tỏ sự phong phú của bàn tay sáng tác (Văn Học, số tháng 10, 1986).*

(Tư liệu: 1944, Văn Cao làm xong *Tiến Quân Ca* thì Nguyễn Đình Thi là người xướng âm đầu tiên. Sau đó, cao hứng Thi rủ Văn Cao làm một bài khác, và làm xong *Diệt Phát Xít* trước bài *Chiến Sĩ Việt Nam* của Văn Cao).

*

* *

Dân quân du kích cách mạng bùng mùa thu

Sao vương bóng cờ bay trên chiến khu...

Đây là hình ảnh đẹp đầu tiên của cách mạng Việt Nam, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Con người sống thực tại như một giấc mơ, sống lịch sử như một nghệ thuật, sống đất nước như một bích họa: *ôi còn đâu đây sắc chàm pha màu gió... Ai về châu xưa nhớ hồi máu thắm cây rừng.* Bài hát *Bắc Sơn*, nguyên thủy là sáng tạo cho vở kịch **Bắc Sơn** của Nguyễn Huy Tưởng, nhưng vượt khỏi đề tài, trở thành bài hát của người du kích. Cũng như *Tiến Quân Ca*, lúc đầu là bài hát làm cho một khóa quân sự kháng Nhật, sau trở thành quốc ca. Văn Cao năm 1977 đã viết một đoạn hồi ký dài hai ngàn chữ về bài này ; quốc ca là sở hữu của dân tộc và lịch sử, chúng tôi không bàn tới trong bài này – vì không phải nơi, không phải phép.

Cách mạng tháng Tám 1945 đã đưa dân tộc vào một khúc quanh. Văn Cao làm bài thơ *Chiếc Xe Xác Qua Phường Dạ Lạc* đăng trên báo Tiền Phong, bài thơ quan trọng đầu tiên của anh, sau đó là *Ngoại Ô Mùa Đông 1946* đăng trên báo **Văn Nghệ** thời kháng chiến, 1948. Bài thơ mới mẻ, mạnh bạo đã có nhiều nét báo hiệu phong cách thơ Văn Cao về sau.

Toàn quốc kháng chiến. Hà Nội chiến đấu. *Mùa Xuân về, giữa chiến hào xa.* Văn Cao ra đi, rạo rực phơi phới với hai mối tình lớn: đất nước và người yêu. Xuân kháng chiến cũng là Xuân trắng mặt. Bài hát *Làng Tôimang* những âm hưởng đằm thắm, dịu dàng, phấn khởi chưa từng thấy trong những ca khúc trước đó. Văn Cao vốn tiết kiệm tâm sự, kín đáo về đời tư, nên mãi

đến năm 1974, anh mới có bài thơ về chị ấy, *Khuôn Mặt Em*, nhưng cũng không lấy gì làm rõ nét. Chúng tôi chỉ phỏng đoán vì hai câu cuối:

*Ôi khuôn mặt sáng trong và bình lặng
Tôi được đầu tiên và còn lại cuối cùng*

Làng Tôi là tình khúc thiết tha dịu mát. Trăng mặt của lửa đôi soi óng ánh vào quê hương yêu dấu:

*Làng tôi xanh bóng tre
Từng tiếng chuông ban chiều
Tiếng chuông nhà thờ rung
Đời đang vui đồng quê yêu dấu
Bóng cau với con thuyền một dòng sông*

Tuy là một ca khúc chiến đấu, *Làng tôi theo đoàn quân du kích...* nhưng âm hưởng lưu lại một nguồn sáng lung linh dịu mát trong niềm nhớ mong mênh, *như rừng chiều nhớ cánh đồng chiều xưa...* Có lúc rộn lên với *Ngày Mùa* nhanh nhẹn tươi vui:

Ngày màu vui thôn trang, lúa reo như hát mừng

Với hình tượng lý tưởng *súng tì tay anh đứng, em ngừng liềm trông sang*, có thể không phản ánh lại những gian lao của những năm chống Pháp nhưng nói lên những ước mơ của người nghệ sĩ trong kháng chiến.

Nhưng phải đợi đến trường ca *Sông Lô*, Văn Cao mới nói lên được trọn vẹn vẻ đẹp của quê hương, hoang sơ nhưng thân mật, đơn giản mà hùng tráng, đẹp như một bức tranh. *Sông Lô* là một bức tranh:

*Sông Lô sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau núi rừng âm u
Thu reo bên sóng vàng
Từng nhà mờ biếc chim trong một màu khói thu*

Những nét đậm thanh ẩn hiện trên nền màu mờ nhạt, khi nhịp điệu câu ca loang dần ra xa; những hình ảnh liên tục tạo ra không gian mênh mông, hoang dại và huyền bí. Khí hậu lặng lẽ và lạnh lẽo bỗng bừng lên ánh sáng ngọn lửa chiến đấu

Sông Lô sóng ngàn kháng chiến cháy bờ lau thưa

Tiếp theo là ánh sáng của bình minh: thiên nhiên như hồi quang ý chí con người. Bài hát trở thành lời đối đáp giữa ánh sáng và ánh sáng

Ai qua bến nắng hồng lặng nhìn màu nước sông Lô

Rồi vũ trụ bỗng chan hòa âm thanh, bao la, rộn rã, của tiếng *sóng reo vi vu... gió lá vi vu*

Sông mênh mông như bát ngát hát

Bao rừng thu như bát ngát cười

Lời hát say sưa ngợi ca đất nước và con người nhắc chúng ta khí thế lúc đó, như trong thơ Nguyễn Đình Thi *gió thổi rừng tre phất phới. Trong biếc nói cười thiết tha*, hay trong tùy bút kháng chiến của Nguyễn Tuân *chúng tôi đang mơ chung một cơn hỏa mộng...*

Văn Cao vẫn bám vào hiện thực, trong chiến thắng hân hoan, anh nghĩ ngay đến đời sống thường nhật của *người dân ruộng lúa. Phạm Lương vui bóng thuyền, lều dựng lên ven sông.*

Phút vẻ vang, phút hùng tráng là chuyện cực chẳng đã phải làm, để bảo vệ cuộc sống tầm thường, trong trần gian êm ả

Dòng sông Lô trôi

Mùa Xuân tới

Nước băng qua ngàn

Nước in ven bờ xanh ôm bóng tre

Trận sông Lô, 1947 là chiến công đầu tiên của quân đội Việt Nam non trẻ, đặc biệt của ngành pháo binh mới khôi phục: thời đó, khi sử dụng đại bác bắn vào tàu địch trên sông, ta chưa biết tính đạn đạo vòng cung, phải kê ngang nòng súng mà bắn như súng trường. Nhưng chiến công, ngoài tầm quan trọng quân sự, đã có tác dụng tâm lý lớn lao và gợi cảm hứng cho nhiều văn nghệ sĩ.

Về nhạc thuật, *Sông Lô* được xem như là đỉnh cao trong sự nghiệp Văn Cao. Anh đã vượt lên khỏi những tiết tấu đơn giản của ca khúc, đi tới một hợp tấu dài hơi, với nhiều tầng lớp nhịp độ khác nhau lôi cuốn chúng ta theo điệu nhạc, lời thơ, màu sắc, như một dòng sông lớn.

Niềm hăng say có lúc chủ quan và lạc quan quá mức; như Nguyễn Tuân mơ những *khải hoàn môn kết toàn bằng bích đào*, Văn Cao trong giai đoạn kháng chiến gian lao, 1949 đã đòi *Tiến Về Hà Nội*

Nắm cửa ô đón mừng đoàn quân trở về

Như đài hoa đón mừng

Nở năm cánh đào chảy dòng sương sớm long lanh

Ôi phố phường Hà Nội xưa yêu dấu

Những bông hoa ngày mai

Đón tương lai vào tay.

Giọng ca đã khác với *bóng xưa ngàn năm, hồ phai khi tàn mơ*. Nhưng vẫn sắt đá một niềm tin *ôi Thăng Long ngày mai, xây đắp dưới vinh quang bằng chí anh hùng*.

Từ nhận xét này, chúng ta có thể nói rộng tầm nhìn vào tác phẩm Văn Cao, về nhạc, họa cũng như thơ. Một toàn bộ phong phú, đa dạng mà lúc nào cũng đặc sắc, chung thủy với vài ba ý chính và một phong cách riêng. Gắn bó với thời đại, Văn Cao thường xuyên tra vấn thân phận làm người trong và ngoài lịch sử.

Thơ, nhạc, họa Văn Cao là những triều sóng triền miên lớp lớp xô buồn vui của đại dương vào với đất liền. Tác phẩm Văn Cao là hơi thở cuộc sống, ngát ngậy giống bão và đằm thắm trăng sao. Nó chất lọc nhân phẩm con người để dựng lên tinh hoa của thời đại.

Tác phẩm Văn Cao, còn lại là đóm lửa Văn Cao. Đóm lửa đâu đây: trong bếp nghèo bến Cảng, trong núi rừng Việt Bắc hay trong cõi biển rộng trời xa. Một ngọn lửa không quay đầu theo gió. Văn Cao, đóm lửa bập bùng trong ý thức chúng ta.